

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO LUẬT ĐẦU THẦU SỬA ĐỔI VÀ LUẬT ĐẦU THẦU 2023
(ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI LUẬT SỐ 57/2024/QH15, LUẬT SỐ 90/2025/QH15, LUẬT SỐ 116/2025/QH15, LUẬT
SỐ 133/2025/QH15, LUẬT SỐ 142/2025/QH15)**

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh		
Luật này quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu; thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đấu thầu; hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.	<p>Luật này quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu; thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đấu thầu; hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.</p> <p>1. Luật này quy định:</p> <p>a) Hoạt động lựa chọn nhà thầu để thực hiện dự án, dự toán mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước của cơ quan, tổ chức; nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>b) Hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đất đai, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định phải thực hiện theo pháp luật về đấu thầu;</p> <p>c) Quản lý nhà nước về đấu thầu và trách nhiệm của các bên có liên quan trong hoạt</p>	<p>- Chỉ quy định phạm vi điều chỉnh Luật Đấu thầu liên quan đến nguồn vốn sử dụng để thực hiện hoạt động/gói thầu, không quy định cụ thể từng nhóm chủ thể sử dụng vốn.</p> <p>- Phân định cụ thể các hoạt động đấu thầu, mua sắm thực hiện theo Luật này và theo pháp luật có liên quan, trong đó không áp dụng Luật này đối với hoạt động đấu thầu, mua sắm trong các lĩnh vực/vấn đề đặc thù như dầu khí, dự trữ, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, lựa chọn chủ đầu tư, đối tác thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản... để tránh trùng lặp, chồng chéo, xung đột trong áp dụng pháp luật.</p> <p>- Đối với lựa chọn nhà đầu tư, luật chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất mà pháp luật về đất đai hoặc pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu phải lựa chọn nhà đầu tư</p>

	<p><i>động đấu thầu.</i></p> <p>2. Luật này không quy định:</p> <p><i>a) Việc lựa chọn nhà đầu tư, chủ đầu tư, đối tác để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh mà pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác với Luật này về trình tự, thủ tục, hình thức, trường hợp, điều kiện, tiêu chí, thẩm quyền lựa chọn nhà đầu tư;</i></p> <p><i>b) Việc lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng đầu khí theo quy định của pháp luật về đầu khí;</i></p> <p><i>c) Hoạt động mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;</i></p> <p><i>d) Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu của nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án thuộc dự án đầu tư theo phương thức PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;</i></p> <p><i>đ) Việc lựa chọn nhà thầu ở nước ngoài để thực hiện gói thầu ở nước ngoài của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;</i></p> <p><i>e) Việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện theo pháp luật về đấu giá tài sản.</i></p> <p>3. Cơ quan, tổ chức có hoạt động đấu thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại</p>	<p>thông qua đấu thầu để phân định rõ trường hợp đấu giá, đấu thầu.</p>
--	---	---

	<i>điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được tự quyết định chọn áp dụng toàn bộ hoặc các điều, khoản, điểm cụ thể của Luật này.</i>	
Điều 2. Đối tượng áp dụng		
<p>Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu bao gồm:</p> <p>1. Hoạt động lựa chọn nhà thầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ trường hợp quy định tại các khoản 7, 8 và 9 Điều 3 của Luật này để:</p> <p>a) Thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>b) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; mua hàng dự trữ quốc gia, thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, trừ hoạt động mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;</p> <p>c) Thực hiện các công việc khác phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật có liên quan;</p>	<p>1. Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu <i>quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật này.</i> bao gồm: 1. Hoạt động lựa chọn nhà thầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ trường hợp quy định tại các khoản 7, 8 và 9 Điều 3 của Luật này để:</p> <p>a) Thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>b) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; mua hàng dự trữ quốc gia, thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia, trừ hoạt động mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia;</p> <p>e) Thực hiện các công việc khác phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật có liên</p>	<p>Quy định rõ đối tượng phải áp dụng quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Luật Đấu thầu; phân định với các quy định về phạm vi điều chỉnh..</p>

<p>2. (được bãi bỏ)</p> <p>3. Hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh gồm:</p> <p>a) Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>b) Dự án đầu tư thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này được tự quyết định chọn áp dụng toàn bộ hoặc các điều, khoản, điểm cụ thể của Luật này.</p>	<p>quan.</p> <p>2. Hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh gồm:</p> <p>a) Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>b) Dự án đầu tư thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này được tự quyết định chọn áp dụng toàn bộ hoặc các điều, khoản, điểm cụ thể của Luật này.</p>	
<p>Điều 3. Áp dụng Luật Đấu thầu, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi nước ngoài</p> <p>1. Hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp có quy định khác nhau về đấu thầu giữa Luật này và luật khác được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này.</p> <p>2. Việc lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng dầu khí thực hiện theo quy định của pháp luật về dầu khí.</p>	<p>Điều 3. Áp dụng Luật Đấu thầu, các luật có liên quan và điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài</p> <p>1. Hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp có quy định khác nhau về đấu thầu giữa Luật này và luật khác được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này.</p> <p>4. Việc lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng dầu khí thực hiện theo quy định của pháp luật về dầu khí.</p> <p>6. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu</p>	<p>Tách Điều 3 Luật hiện hành thành 02 Điều riêng, gồm:</p> <p>- Điều 3 quy định về việc áp dụng Luật Đấu thầu và các luật có liên quan, điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài nhằm xác định rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này và các luật có liên quan để đảm bảo tính khả thi đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.</p> <p>- Điều 4 quy định về các trường hợp được tự quyết để thuận tiện trong quá trình nghiên cứu Luật và áp dụng trong thực tiễn, tránh nhầm lẫn; đồng thời trao quyền chủ động cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc quyết định hoạt động đấu thầu, mua sắm theo nguyên tắc bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.</p>

<p>3. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư theo phương thức PPP thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>4. Việc lựa chọn nhà thầu ở nước ngoài để thực hiện gói thầu ở nước ngoài của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.</p> <p>5. Việc lựa chọn nhà thầu thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là điều ước quốc tế), thỏa thuận vay nước ngoài thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đó. Trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài không quy định hoặc quy định phải áp dụng pháp luật Việt Nam thì áp dụng quy định của Luật này.</p> <p>Trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật này, cơ quan chủ trì đàm phán báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng theo quy định của nhà tài trợ hoặc của tổ chức quốc tế mà Nhà nước, Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>6. Trường hợp gói thầu bao gồm cả nội dung mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật</p>	<p>tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư theo phương thức PPP thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>7. Việc lựa chọn nhà thầu ở nước ngoài để thực hiện gói thầu ở nước ngoài của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.</p> <p>2. Việc lựa chọn nhà thầu thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là điều ước quốc tế), thỏa thuận vay nước ngoài thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đó. Trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài không quy định hoặc quy định phải áp dụng pháp luật Việt Nam thì áp dụng quy định của Luật này.</p> <p>Trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật này, cơ quan chủ trì đàm phán báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng theo quy định của nhà tài trợ hoặc của tổ chức quốc tế mà Nhà nước, Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>3. Trường hợp gói thầu bao gồm cả nội dung mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này và nội dung mua sắm thuộc phạm vi điều</p>	<p>Việc thực hiện sẽ dựa trên quy chế riêng của các đơn vị (nếu có) mà không phải thực hiện mỗi nội dung một quy trình, dẫn đến việc phải giải trình cụ thể từng trường hợp.</p> <p>- Lược bỏ quy định cơ quan, tổ chức được tự quyết định mua sắm đối với hàng hóa, dịch vụ có giá bán do Nhà nước định giá cụ thể để quy định tại Nghị định về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ này.</p>
--	---	--

<p>này và nội dung mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của điều ước quốc tế thì người có thẩm quyền có thể quyết định việc lựa chọn nhà thầu của phần nội dung mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế.</p> <p>7. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu sử dụng vốn do tổ chức, cá nhân trong nước tài trợ mà nhà tài trợ yêu cầu không lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật này; gói thầu của đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn vốn vay, trừ vốn tín dụng đầu tư của nhà nước, vốn vay lại từ vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài;</p> <p>b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu ở nước ngoài của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>c) Việc thuê, mua, thuê mua nhà, trụ sở, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>d) Lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước;</p>	<p>chỉnh của điều ước quốc tế, <i>thỏa thuận vay nước ngoài</i> thì người có thẩm quyền có thể quyết định việc lựa chọn nhà thầu của phần nội dung mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế, <i>thỏa thuận vay nước ngoài</i>.</p> <p><i>Điều 4. Quyền tự chủ, tự quyết định hoạt động mua sắm, đấu thầu</i></p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định <i>hoạt động</i> mua sắm, <i>đấu thầu</i> trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu sử dụng vốn do tổ chức, cá nhân trong nước tài trợ mà nhà tài trợ yêu cầu không lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật này; gói thầu của đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn vốn vay, trừ vốn tín dụng đầu tư của nhà nước, vốn vay lại từ vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài;</p> <p>b) Tổ chức Lựa chọn nhà thầu ở nước ngoài của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều <i>3 của Luật</i> này;</p> <p>c) Việc <i>Lựa chọn nhà thầu để</i> thuê, mua, thuê mua nhà, trụ sở, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>d) Lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi</p>	
--	---	--

<p>d1) Lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này; lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng;</p> <p>đ) Việc xác định hòa giải viên, thành viên trong ban phân xử tranh chấp, hội đồng trọng tài để xử lý tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng do các bên tự quyết định theo quy định của hợp đồng;</p> <p>e) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá bán do Nhà nước định giá cụ thể theo quy định của pháp luật về giá;</p> <p>g) Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí, hàng hóa phục vụ hoạt động dầu khí phù hợp với hợp đồng dầu khí được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Dầu khí.</p> <p>8. Đối với phần kinh phí khoán chi của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân chủ trì được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>9. Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thông qua mua trực tiếp từ hộ gia đình, cá nhân thì tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực</p>	<p>thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, doanh nghiệp nhà nước không sử dụng ngân sách nhà nước;</p> <p>d) Lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 32 Điều 1 của Luật này; Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng;</p> <p>e) Việc xác định Lựa chọn hòa giải viên, thành viên trong ban phân xử tranh chấp, hội đồng trọng tài để xử lý tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng do các bên tự quyết định theo quy định của hợp đồng;</p> <p>g) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá bán do Nhà nước định giá cụ thể theo quy định của pháp luật về giá</p> <p>g) Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí, hàng hóa phục vụ hoạt động dầu khí phù hợp với hợp đồng dầu khí được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Dầu khí.</p> <p>2. Đối với phần kinh phí khoán chi của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân chủ trì được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <p>3. Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi</p>	
---	---	--

<p>hiện mua gom trực tiếp hàng hóa, dịch vụ từ hộ gia đình, cá nhân.</p>	<p>mới sáng tạo trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thông qua mua trực tiếp từ hộ gia đình, cá nhân thì tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện mua gom trực tiếp hàng hóa, dịch vụ từ hộ gia đình, cá nhân.</p> <p>4. Nhà đầu tư trúng thầu là doanh nghiệp nhà nước hoặc tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu là doanh nghiệp nhà nước thành lập được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu thuộc dự án đầu tư kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Luật này.</p>	
	<p>Điều 5. Chính sách và nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đấu thầu</p> <p>1. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước, hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</p> <p>2. Bảo đảm cạnh tranh và công bằng khi áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư có từ hai nhà thầu, nhà đầu tư trở lên được tham dự thầu.</p> <p>3. Áp dụng hình thức và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.</p> <p>4. Ưu tiên, ưu đãi trong hoạt động đấu thầu</p>	<p>Luật Đấu thầu hiện hành chưa có quy định riêng về các nguyên tắc cơ bản của hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư mà chỉ quy định khái niệm "đấu thầu", trong đó xác định hoạt động đấu thầu được thực hiện trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình. Tuy nhiên, quy định này mới dừng ở việc liệt kê các nguyên tắc mà chưa làm rõ nội hàm, mục tiêu và yêu cầu của từng nguyên tắc, đồng thời cũng chưa làm rõ nguyên tắc này được áp dụng đối với toàn bộ hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hay chỉ áp dụng đối với hình thức đấu thầu, dẫn đến cách hiểu, áp dụng và thực hiện không thống nhất.. Trong khi đó, mỗi phương thức, hình thức lựa chọn nhà thầu sẽ hướng đến một mục tiêu, nguyên tắc riêng.</p> <p>Vì vậy, cần quy định chính sách và nguyên tắc</p>

	<p><i>nhằm khuyến khích nhà thầu thực hiện gói thầu sử dụng hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước, nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy mua sắm xanh, phát triển bền vững.</i></p> <p><i>5. Bảo đảm quyền tự chủ, tự quyết định và chịu trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động đấu thầu gắn với trách nhiệm giải trình và kiểm tra, giám sát.</i></p> <p><i>6. Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về đấu thầu với trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu phù hợp với từng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</i></p>	<p>cơ bản trong hoạt động đấu thầu để bảo đảm áp dụng cách thống nhất, tránh gây cách hiểu khác nhau giữa cơ quan áp dụng và cơ quan hậu kiểm.</p> <p>Dự thảo Luật bổ sung quy định về chính sách và các nguyên tắc cơ bản của hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư để xác định mục tiêu, định hướng chính sách trong các quy định cụ thể của Luật theo hướng thuận lợi nhất, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.</p>
Điều 4. Giải thích từ ngữ	Điều 6. Giải thích từ ngữ	
<p>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Bên mời thầu</i> là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>2. <i>Chủ đầu tư</i> là cơ quan, tổ chức sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn, quản lý quá trình thực hiện dự án; đơn vị sử dụng ngân sách; đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng dự toán mua sắm ngoài ngân sách nhà nước; đơn vị mua sắm tập trung.</p> <p>2a. <i>Cơ quan có thẩm quyền</i> là cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp</p>	<p>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Hoạt động</i> đấu thầu là quá trình <i>chuẩn bị, tổ chức</i> lựa chọn nhà thầu, <i>nhà đầu tư</i>, ký kết, và thực hiện hợp đồng eung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, lựa chọn nhà đầu tư để ký kết, thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.</p> <p>2. <i>Bên mời thầu</i> là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư <i>tổ chức</i>, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà đầu</p>	<p>- Thay khái niệm “đấu thầu” thành “hoạt động đấu thầu”, đồng thời làm rõ Luật Đấu thầu điều chỉnh toàn bộ quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, ký kết, thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Sửa khái niệm 'Bên mời thầu' phù hợp với thực tiễn là tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (thay vì quy định cụ thể 'cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư'). Bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền.</p> <p>- Sửa đổi khái niệm “Dịch vụ tư vấn” và “Dịch vụ phi tư vấn” nhằm phân định rõ hai khái niệm</p>

<p>luật về đầu tư hoặc cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền là cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>3. <i>Danh sách ngắn</i> là danh sách nhà thầu trúng sơ tuyển đối với đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển; danh sách nhà thầu, nhà đầu tư được mời tham dự thầu đối với đấu thầu hạn chế; danh sách nhà thầu có hồ sơ quan tâm đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.</p> <p>4. <i>Dịch vụ tư vấn</i> là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; tư vấn đấu thầu; tư vấn thẩm tra, thẩm định; tư vấn giám sát; tư vấn quản lý dự án; tư vấn thu xếp tài chính; kiểm toán và các dịch vụ tư vấn khác.</p> <p>5. <i>Dịch vụ phi tư vấn</i> là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>6. <i>Dự án đầu tư</i> (sau đây gọi là dự án) tại Luật</p>	<p>tư.</p> <p>3. <i>Chủ đầu tư</i> là cơ quan, tổ chức sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn, quản lý quá trình thực hiện dự án; đơn vị sử dụng ngân sách; đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng dự toán mua sắm ngoài ngân sách nhà nước; đơn vị mua sắm tập trung.</p> <p>4. <i>Người có thẩm quyền</i> là người quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư đối với dự toán mua sắm theo quy định của pháp luật. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, người có thẩm quyền là người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>5. Cơ quan có thẩm quyền là bộ; cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc ngang bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ban quản lý khu kinh tế; cơ quan được giao quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền là cơ quan quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>3. <i>Danh sách ngắn</i> là danh sách nhà thầu trúng sơ tuyển đối với đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển; danh sách nhà thầu, nhà đầu tư được mời tham dự thầu đối với đấu thầu hạn chế; danh sách nhà</p>	<p>này dựa trên tính chất chuyên môn, tránh nhầm lẫn trong việc phát sinh công việc không được liệt kê trong định nghĩa .</p> <p>- Sửa đổi khái niệm nhà thầu theo hướng bao gồm cả vai trò quản lý, nhằm trao quyền chủ động cho nhà thầu trong quản lý, tổ chức thực hiện gói thầu nhưng phải bảo đảm trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ, chi phí, hiệu quả; qua đó đổi mới phương thức quản lý hoạt động đấu thầu, chuyển trọng tâm từ quản lý quá trình sang quản lý chất lượng, hiệu quả và kết quả, sản phẩm đầu ra. Đồng thời, Luật giao Chính phủ quy định các gói thầu, dự án được áp dụng hình thức nhà thầu quản lý (như dự án gói thầu quy mô đặc biệt lớn, có yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công phức tạp hoặc có yêu cầu về chuyển giao công nghệ lần đầu được áp dụng tại Việt Nam) để áp dụng thống nhất, bảo đảm tính khả thi.- Lược bỏ quy định về đấu thầu qua mạng và chuyển định nghĩa về Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia xuống Điều 19 để làm rõ Hệ thống mạng chỉ là công cụ giúp thực hiện các quy trình, thủ tục đấu thầu.</p> <p>- Chuyển khái niệm về đấu thầu trong nước và đấu thầu quốc tế xuống Điều 10 về việc đấu thầu trong nước, quốc tế để bảo đảm tính thống nhất trong dự thảo Luật, đồng thời tạo thuận lợi trong quá trình tra cứu văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Chính lý khái niệm dự toán mua sắm theo hướng làm rõ dự toán mua sắm bao gồm nguồn thu của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp</p>
--	---	---

<p>này bao gồm: chương trình, dự án, nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. <i>Dự toán mua sắm</i> là dự kiến nguồn kinh phí để mua sắm trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác; dự kiến nguồn kinh phí để mua sắm trong phạm vi nguồn tài chính hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>8. <i>Đấu thầu</i> là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết, thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, lựa chọn nhà đầu tư để ký kết, thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.</p> <p>9. <i>Đấu thầu qua mạng</i> là việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>10. <i>Đấu thầu quốc tế</i> là hoạt động đấu thầu mà nhà thầu, nhà đầu tư trong nước, nước ngoài được tham dự thầu.</p> <p>11. <i>Đấu thầu trong nước</i> là hoạt động đấu thầu chỉ có nhà thầu, nhà đầu tư trong nước được tham dự thầu.</p> <p>12. <i>Giá dự thầu</i> là giá do nhà thầu chào trong</p>	<p>thầu có hồ sơ quan tâm đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.</p> <p>6. <i>Dự án đầu tư</i> (sau đây gọi là dự án) tại Luật này bao gồm chương trình, dự án, nhiệm vụ hoạt động quy hoạch theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. <i>Dự toán mua sắm</i> là dự kiến nguồn kinh phí từ để mua sắm trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác; dự kiến nguồn kinh phí để mua sắm trong phạm vi, nguồn tài chính thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để mua sắm mà không hình thành dự án.</p> <p>8. <i>Đấu thầu</i> là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết, thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, lựa chọn nhà đầu tư để ký kết, thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.</p> <p>9. <i>Đấu thầu qua mạng</i> là việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>8. Gói thầu là một phần hoặc toàn bộ phạm vi công việc thuộc dự án, dự toán mua sắm, có thể</p>	<p>công lập “không hình thành dự án”.</p> <p>- Sửa đổi một số khái niệm để bảo đảm tính phù hợp, khả thi, đồng bộ với pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, tính thống nhất trong dự thảo Luật như: cơ quan có thẩm quyền, dự án đầu tư, hàng hóa, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, nhà thầu, người có thẩm quyền, nhà thầu phụ đặc biệt, xây lắp, nhà thầu, nhà thầu phụ...</p> <p>- Lược bỏ một số khái niệm không cần thiết tại Luật và lồng ghép vào quy trình lựa chọn nhà thầu tại Nghị định như: danh sách ngắn, giá dự thầu, giá đề nghị trúng thầu, giá hợp đồng, thời điểm đóng thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.</p>
--	--	--

<p>đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>13. <i>Giá đề nghị trúng thầu</i> là giá dự thầu của nhà thầu được đề nghị trúng thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>14. <i>Giá hợp đồng</i> là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.</p> <p>15. <i>Gói thầu</i> là một phần hoặc toàn bộ dự án, dự toán mua sắm, có thể gồm những nội dung mua sắm giống nhau thuộc nhiều dự án hoặc là khối lượng mua sắm một lần, khối lượng mua sắm cho một thời kỳ đối với dự toán mua sắm, mua sắm tập trung.</p> <p>16. <i>Gói thầu hỗn hợp</i> là gói thầu thuộc các trường hợp sau: thiết kế và cung cấp hàng hóa (EP); thiết kế và xây lắp (EC); cung cấp hàng hóa và xây lắp (PC); thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC); lập dự án, thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (chìa khóa trao tay).</p> <p>17. <i>Hàng hóa</i> gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.</p> <p>18. <i>Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia</i> là hệ thống công nghệ thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu xây dựng và quản lý nhằm mục đích thống nhất quản lý</p>	<p>gồm những nội dung mua sắm giống nhau thuộc nhiều dự án hoặc là khối lượng mua sắm một lần, khối lượng mua sắm cho một thời kỳ đối với dự toán mua sắm, mua sắm tập trung.</p> <p>9. Gói thầu hỗn hợp là gói thầu thuộc các trường hợp sau: thiết kế và cung cấp hàng hóa (EP); thiết kế và xây lắp (EC); cung cấp hàng hóa và xây lắp (PC); thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC); lập dự án, thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (chìa khóa trao tay).</p> <p>10. <i>Dịch vụ tư vấn</i> là một hoặc một số hoạt động dịch vụ sử dụng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, phân tích của nhà thầu để đưa ra ý kiến chuyên môn, giải pháp, phương án, thiết kế, báo cáo, kết quả phân tích, đánh giá, khuyến nghị, bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; tư vấn đấu thầu; tư vấn thẩm tra, thẩm định; tư vấn giám sát; tư vấn quản lý dự án; tư vấn thu xếp tài chính; kiểm toán và các dịch vụ tư vấn khác mang tính chất chuyên môn.</p> <p>11. <i>Dịch vụ phi tư vấn</i> là một hoặc một số hoạt động dịch vụ có mục tiêu, phạm vi công việc, quy trình thực hiện, tiêu chuẩn chất lượng hoặc sản phẩm đầu ra đã được xác định trước, bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo,</p>	
--	---	--

<p>thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng.</p> <p>19. <i>Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển</i> là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi có bước mời quan tâm, sơ tuyển, bao gồm các yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu làm căn cứ để chủ đầu tư lựa chọn danh sách nhà thầu trúng sơ tuyển, danh sách nhà thầu có hồ sơ quan tâm được đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời quan tâm là toàn bộ tài liệu sử dụng cho dự án cần xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực, bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà đầu tư.</p> <p>20. <i>Hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển</i> là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập và nộp cho chủ đầu tư theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là toàn bộ tài liệu do nhà đầu tư lập và nộp theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.</p> <p>21. <i>Hồ sơ mời thầu</i> là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh làm căn cứ để nhà thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để chủ đầu tư, bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p>22. <i>Hồ sơ yêu cầu</i> là toàn bộ tài liệu sử dụng</p>	<p>thực hiện thu chạy thử, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động các dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 10 Điều này <i>có mục tiêu, phạm vi đã được xác định trước.</i></p> <p>12. <i>Hàng hóa</i> gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế <i>và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; phần mềm thương mại.</i></p> <p>13. <i>Hồ sơ mời thầu</i> là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh làm căn cứ để nhà thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để chủ đầu tư, bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p>14. <i>Hồ sơ yêu cầu</i> là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp <i>chỉ định nhà đầu tư</i>, đàm phán giá, <i>đàm phán cạnh tranh</i> bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, <i>dự án</i>, làm căn cứ để nhà thầu, <i>nhà đầu tư</i> chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để chủ đầu tư, <i>bên mời thầu</i> tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất.</p> <p>15. <i>Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất</i> là toàn bộ tài liệu do nhà thầu, nhà đầu tư lập và nộp cho chủ đầu tư, bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p>	
--	---	--

cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, đàm phán giá, bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để chủ đầu tư tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất.

23. *Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất* là toàn bộ tài liệu do nhà thầu, nhà đầu tư lập và nộp cho chủ đầu tư, bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

24. *Người có thẩm quyền* là người quyết định đầu tư đối với dự án hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư đối với dự toán mua sắm theo quy định của pháp luật. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, người có thẩm quyền là người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

25. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân tham dự thầu, đứng tên dự thầu và trực tiếp ký, thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn. Nhà đầu tư có thể là nhà đầu tư độc lập hoặc nhà đầu tư liên danh.

26. *Nhà thầu* là tổ chức, cá nhân hoặc kết hợp giữa các tổ chức hoặc giữa các cá nhân với nhau theo hình thức liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh tham dự thầu, đứng tên dự thầu và trực tiếp ký, thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn. Trường hợp liên danh, thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong

16. *Xây lắp là quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định của pháp luật xây dựng* ~~gồm những công việc thuộc quá trình xây dựng và lắp đặt công trình, hạng mục công trình.~~

17. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân tham dự thầu, đứng tên dự thầu và trực tiếp ký, thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn. Nhà đầu tư có thể là nhà đầu tư độc lập hoặc nhà đầu tư liên danh.

18. *Nhà thầu* là tổ chức, cá nhân hoặc kết hợp giữa các tổ chức, ~~hoặc giữa các cá nhân với nhau~~ theo hình thức liên danh **để trực tiếp thực hiện công việc của gói thầu hoặc thực hiện với vai trò quản lý** ~~trên cơ sở thỏa thuận liên danh tham dự thầu, đứng tên dự thầu và trực tiếp ký, thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn. Trường hợp liên danh, thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh đối với toàn bộ phạm vi của gói thầu.~~

19. *Nhà thầu phụ* là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để ~~tham gia~~ trực tiếp thực hiện **một phần** công việc **thuộc phạm vi gói thầu. Nhà thầu quy định tại khoản 18 của Điều này chịu trách nhiệm toàn diện đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện.**

20. *Nhà thầu phụ đặc biệt* là nhà thầu phụ thực hiện công việc **có tính chất chuyên môn đặc thù**, quan trọng của gói thầu do nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trên cơ

<p>liên danh đối với toàn bộ phạm vi của gói thầu.</p> <p>27. <i>Nhà thầu phụ</i> là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp; tư vấn; phi tư vấn; dịch vụ liên quan của gói thầu cung cấp hàng hóa; công việc thuộc gói thầu hỗn hợp.</p> <p>28. <i>Nhà thầu phụ đặc biệt</i> là nhà thầu phụ thực hiện công việc quan trọng của gói thầu do nhà thầu đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trên cơ sở yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm ghi trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>29. <i>Nhà thầu nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài</i> là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc cá nhân có quốc tịch nước ngoài tham dự thầu.</p> <p>30. <i>Nhà thầu trong nước, nhà đầu tư trong nước</i> là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc cá nhân có quốc tịch Việt Nam tham dự thầu.</p> <p>31. <i>Thời điểm đóng thầu</i> là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.</p> <p>32. <i>Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất</i> là số ngày được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.</p>	<p>sở yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm ghi trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>21. Nhà thầu nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc cá nhân có quốc tịch nước ngoài tham dự thầu.</p> <p>22. Nhà thầu trong nước, nhà đầu tư trong nước là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc cá nhân có quốc tịch Việt Nam tham dự thầu.</p> <p>8. Đấu thầu quốc tế là hoạt động đấu thầu mà nhà thầu, nhà đầu tư trong nước, nước ngoài được tham dự thầu.</p> <p>9. Đấu thầu trong nước là hoạt động đấu thầu chỉ có nhà thầu, nhà đầu tư trong nước được tham dự thầu.</p> <p>10. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>11. Giá đề nghị trúng thầu là giá dự thầu của nhà thầu được đề nghị trúng thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>13. Giá hợp đồng là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.</p> <p>18. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là hệ thống công nghệ thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu xây dựng và</p>	
--	---	--

<p>33. <i>Xây lắp</i> gồm những công việc thuộc quá trình xây dựng và lắp đặt công trình, hạng mục công trình.</p>	<p>quản lý nhằm mục đích thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng. 19. Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi có bước mời quan tâm, sơ tuyển, bao gồm các yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu làm căn cứ để chủ đầu tư lựa chọn danh sách nhà thầu trúng sơ tuyển, danh sách nhà thầu có hồ sơ quan tâm được đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời quan tâm là toàn bộ tài liệu sử dụng cho dự án cần xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực, bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà đầu tư.</p> <p>20. Hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập và nộp cho chủ đầu tư theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là toàn bộ tài liệu do nhà đầu tư lập và nộp theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.</p> <p>14. Hồ sơ mời thầu là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh làm căn cứ để nhà thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để chủ đầu tư, bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p>15. <i>Hồ sơ yêu cầu</i> là toàn bộ tài liệu sử dụng</p>	
--	--	--

	<p>cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp đàm phán giá, bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để chủ đầu tư tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất.</p> <p>16. Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất là toàn bộ tài liệu do nhà thầu, nhà đầu tư lập và nộp cho chủ đầu tư, bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>28. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.</p> <p>29. Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất là số ngày được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.</p>	
Điều 5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư	Điều 7. Tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư	
<p>1. Nhà thầu, nhà đầu tư là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức khác đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu,</p>	<p><i>1. Nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu là tổ chức phải được thành lập hoặc đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu là cá nhân phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>2. Nhà thầu, nhà đầu tư được tham dự thầu</i></p>	<p>Nội dung này được sửa đổi theo hướng chỉ quy định nguyên tắc tại Luật, không liệt kê cụ thể các điều kiện tham dự thầu và giao Chính phủ quy định chi tiết nhằm bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời điều chỉnh trong thực tiễn triển khai.</p>

<p>nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản;</p> <p>d) Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>đ) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật này;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật này;</p> <p>g) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>h) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn;</p> <p>i) Đối với đấu thầu quốc tế, nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p>	<p><i>với tư cách độc lập hoặc liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh.</i></p>	
---	--	--

<p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, đ, e và h khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Nhà thầu, nhà đầu tư là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Nhà thầu, nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh.</p>		
Điều 6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu		
<p>1. Nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, quản lý dự án, giám sát; nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết</p>	Bổ điều này	<p>Do bảo đảm cạnh tranh là một trong các điều kiện về tư cách hợp lệ và nội dung này đã được giao Chính phủ quy định chi tiết, nên không cần quy định cụ thể tại Luật.</p> <p>Đồng thời, nội dung này sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định.</p>

<p>kế, dự toán; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định nhiệm vụ khảo sát, thiết kế;</p> <p>b) Nhà thầu tư vấn đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển;</p> <p>c) Nhà thầu tư vấn thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển;</p> <p>d) Chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý và trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này.</p> <p>2. Nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và với các bên sau đây:</p> <p>a) Các nhà thầu tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát; nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định nhiệm vụ khảo sát, thiết kế; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời thầu; nhà thầu tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nhà thầu tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu đó;</p> <p>b) Các nhà thầu khác cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đấu thầu hạn chế.</p> <p>3. Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, nhà thầu thực hiện hợp đồng, nhà thầu tư vấn</p>		
---	--	--

<p>kiểm định gói thầu đó phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhau.</p> <p>4. Nhà thầu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được đánh giá độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp công lập, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Nhà thầu với chủ đầu tư không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của nhau;</p> <p>c) Nhà thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của nhau khi cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đấu thầu hạn chế;</p> <p>d) Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, trừ trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này.</p> <p>4a. Công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước được tham dự gói thầu của nhau nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. Đối với gói thầu hỗn hợp mà tập đoàn kinh tế nhà nước hoặc công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước làm chủ đầu tư, nhà thầu tham dự thầu và nhà</p>		
--	--	--

<p>thầu tư vốn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng thể, báo cáo nghiên cứu khả thi (trường hợp không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể), báo cáo kinh tế kỹ thuật (trường hợp không lập báo cáo nghiên cứu khả thi, không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể theo quy định của pháp luật về xây dựng) không được có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau, không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.</p> <p>5. Nhà đầu tư tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:</p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu;</p> <p>b) Nhà thầu tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời thầu; nhà thầu tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu; nhà thầu tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư cho đến ngày ký kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
<p>Điều 7. Thông tin về đấu thầu</p> <p>1. Thông tin về lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Thông tin về dự án, kế hoạch lựa chọn nhà thầu;</p> <p>b) Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển;</p> <p>c) Thông báo mời thầu;</p> <p>d) Danh sách ngắn;</p> <p>đ) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ</p>	<p>Điều 8. Thông tin về hoạt động đấu thầu</p> <p>1. Thông tin về hoạt động đấu thầu phải được đăng tải, lưu trữ và công khai đầy đủ, kịp thời trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ thông tin của dự án, dự toán mua sắm, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu có chứa thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền, nhà thầu, nhà đầu tư và các tổ chức,</p>	<p>Dự thảo Luật ghép Điều 7 và Điều 8 của Luật Đấu thầu hiện hành thành một điều, theo hướng Luật chỉ quy định các nguyên tắc chung, giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung thông tin, trách nhiệm cung cấp, thời hạn đăng tải thông tin và các yêu cầu kỹ thuật đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>Cách thức quy định này bảo đảm Luật chỉ quy định những nguyên tắc cốt lõi, còn các nội dung mang tính kỹ thuật, nghiệp vụ và quy trình thực</p>

<p>sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có);</p> <p>e) Kết quả mở thầu đối với đấu thầu qua mạng;</p> <p>g) Kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>h) Thông tin chủ yếu của hợp đồng;</p> <p>i) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;</p> <p>k) Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu;</p> <p>l) Thông tin khác có liên quan.</p> <p>2. Thông tin về lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Thông tin về dự án đầu tư kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật này;</p> <p>b) Thông báo mời quan tâm, hồ sơ mời quan tâm; kết quả mời quan tâm;</p> <p>c) Thông báo mời thầu, hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có);</p> <p>d) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>đ) Thông tin chủ yếu của hợp đồng;</p> <p>e) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;</p> <p>g) Thông tin khác có liên quan.</p> <p>3. Các thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ thông tin của dự án, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu thuộc danh mục bí mật nhà nước.</p>	<p><i>cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp, cập nhật, đăng tải thông tin về hoạt động đấu thầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của thông tin đã cung cấp.</i></p>	<p>hiện được giao Chính phủ quy định chi tiết để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và khả năng điều chỉnh linh hoạt trong quá trình triển khai thực tiễn.</p>
---	---	---

Điều 8. Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu

1. Trách nhiệm đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại các điểm a, g, h, i và k khoản 1 Điều 7 của Luật này;

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 7 của Luật này. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, chủ đầu tư phải đăng tải các thông tin quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 7 của Luật này bằng tiếng Việt và tiếng Anh; đối với thông tin quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 7 của Luật này, chủ đầu tư đăng tải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh;

c) Nhà thầu có trách nhiệm cập nhật, đăng tải thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình vào cơ sở dữ liệu nhà thầu, trong đó bao gồm thông tin quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 của Luật này.

2. Trách nhiệm đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư được quy định như sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại các điểm a, b và e khoản 2 Điều 7 của Luật này;

b) Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 7 của Luật này. Đối với dự án đầu tư kinh

<p>doanh được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông tin này bằng tiếng Việt và tiếng Anh.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân cung cấp, đăng tải thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tính thống nhất giữa tài liệu đăng tải với tài liệu đã được phê duyệt.</p> <p>4. Thông tin quy định tại các điểm a, d, g, h, i khoản 1 và các điểm a, d, đ, e khoản 2 Điều 7 của Luật này phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành hoặc hợp đồng có hiệu lực.</p>		
<p>Điều 10. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư</p>	<p>Điều 9. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư</p>	
<p>1. Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam;</p> <p>b) Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu;</p> <p>d) Nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhận từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu;</p>	<p>1. Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam;</p> <p>b) Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với hồ sơ mời thầu;</p> <p>d) Nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhận từ 25% trở lên giá trị công việc của gói thầu;</p>	<p>Điều này được sửa đổi, bổ sung theo hướng Luật chỉ quy định nguyên tắc về đối tượng, hình thức ưu đãi và giao Chính phủ quy định chi tiết về cách thức áp dụng nội dung ưu đãi cho từng đối tượng ưu đãi, trong đó:</p> <p>- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế ưu tiên, ưu đãi trong hoạt động đấu thầu đối với sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược, hàng hóa xuất xứ Việt Nam, sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa, người cao tuổi, các đối tượng khác theo pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của</p>

<p>đ) Nhà thầu trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu trong nước khác khi tham dự đấu thầu quốc tế;</p> <p>e) Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;</p> <p>g) Nhà thầu là: cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao và pháp luật khác có liên quan;</p> <p>h) Nhà thầu có sử dụng lao động nữ, thương binh, người khuyết tật hoặc người dân tộc thiểu số;</p> <p>i) Sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được sản xuất bởi doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo pháp luật về công nghệ cao; sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, sản phẩm,</p>	<p>đ) Nhà thầu trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu trong nước khác khi tham dự đấu thầu quốc tế;</p> <p>e) Nhà thầu là doanh nghiệp siêu nhỏ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;</p> <p>g) Nhà thầu là cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao và pháp luật khác có liên quan;</p> <p>h) Nhà thầu có sử dụng lao động nữ, thương binh, người khuyết tật, người cao tuổi hoặc người dân tộc thiểu số;</p> <p>i) Sản phẩm công nghệ chiến lược thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được sản xuất bởi doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao,</p>	<p>Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước.</p> <p>- Bổ sung đối tượng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác về đối tượng, cách thức ưu đãi quy định tại Luật này thì áp dụng chính sách ưu đãi thuận lợi hơn để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện nhằm bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật và phát huy hiệu quả của các chính sách ưu đãi.</p> <p>- Bổ sung các ưu đãi mới tại điểm đ, e, g khoản 2: Bổ sung thêm các hình thức ưu đãi, ưu tiên để bảo đảm việc ưu đãi, ưu tiên đi vào thực tế, phù hợp với các đối tượng cũng như mục tiêu, định hướng phát triển của Chính phủ, đặc biệt là hàng hóa, sản phẩm do doanh nghiệp trong nước sản xuất, sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược, sản phẩm xanh, sản phẩm đổi mới sáng tạo.</p> <p>- Bổ sung nguyên tắc tại khoản 3 Điều này để bảo đảm tính thống nhất, khả thi trong quá trình thực hiện, bảo đảm việc áp dụng được nhất quán, tránh chồng chéo giữa các quy định đồng thời tạo thuận lợi cho nhà thầu được hưởng ưu đãi có lợi nhất.</p>
---	---	---

<p>hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>2. Các ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau;</p> <p>b) Cộng thêm điểm vào điểm đánh giá của nhà thầu thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá cố định, dựa trên kỹ thuật, kết hợp giữa kỹ thuật và giá để so sánh, xếp hạng;</p> <p>c) Cộng thêm số tiền vào giá dự thầu hoặc vào giá đánh giá của nhà thầu không thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá để so sánh, xếp hạng;</p> <p>d) Được ưu tiên trong đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, tư cách hợp lệ và các tiêu chí khác trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;</p> <p>đ) Gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ tham dự thầu. Trường hợp đã tổ chức đấu thầu, nếu không có doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ đáp ứng được yêu cầu thì được phép tổ chức đấu thầu</p>	<p><i>trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược</i> theo <i>quy định của</i> pháp luật về công nghệ cao; sản phẩm, hàng hóa, <i>dịch vụ</i> từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, sản phẩm, hàng hóa, <i>dịch vụ</i> từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng <i>theo</i> quy định của <i>pháp luật về chuyển đổi số</i> Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ <i>theo quy định của pháp luật về chuyển đổi số; sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định của pháp luật về phát triển công nghiệp hỗ trợ;</i></p> <p><i>k) Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</i></p> <p>2. Các <i>Hình thức</i> ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau;</p> <p>b) Cộng thêm điểm vào điểm đánh giá của nhà thầu thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá cố định, dựa trên kỹ thuật, kết hợp giữa kỹ thuật và giá</p>	
---	---	--

<p>lại và cho phép các doanh nghiệp khác được tham dự thầu.</p> <p>3. Việc áp dụng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:</p> <p>a) Đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, g và i khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này khi tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa, hỗn hợp;</p> <p>b) Đối tượng quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này khi tham dự gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp tổ chức đấu thầu quốc tế;</p> <p>c) Đối tượng quy định tại điểm h khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này khi tham dự gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp tổ chức đấu thầu trong nước;</p> <p>d) Đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm a và điểm đ khoản 2 Điều này khi tham dự gói thầu xây lắp tổ chức đấu thầu trong nước;</p> <p>đ) Ngoài ưu đãi theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này, nhà thầu quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều này còn được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này khi tham dự thầu gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp tổ chức đấu thầu</p>	<p>để so sánh, xếp hạng;</p> <p>c) Cộng thêm số tiền vào giá dự thầu hoặc vào giá đánh giá của nhà thầu không thuộc đối tượng được ưu đãi đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá để so sánh, xếp hạng;</p> <p>d) Được ưu tiên trong đánh giá về năng lực, kinh nghiệm từ cách hợp lệ và các tiêu chí khác trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu;</p> <p>đ) Gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ tham dự thầu. Trường hợp đã tổ chức đấu thầu, nếu không có doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ đáp ứng được yêu cầu thì được phép tổ chức đấu thầu lại và cho phép các doanh nghiệp khác được tham dự thầu.</p> <p><i>đ) Dành riêng gói thầu cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;</i></p> <p><i>e) Yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;</i></p> <p><i>g) Các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</i></p> <p><i>3. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác về đối tượng, hình thức ưu đãi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì áp dụng chính sách ưu đãi thuận lợi hơn.</i></p> <p>4. Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Nhà đầu tư có giải pháp ứng dụng công nghệ</p>	
--	--	--

<p>trong nước;</p> <p>e) Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất 03 hãng sản xuất cho 01 mặt hàng xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá thì chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hoá xuất xứ trong nước đối với mặt hàng này.</p> <p>4. Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Nhà đầu tư có giải pháp ứng dụng công nghệ nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Nhà đầu tư cam kết chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;</p> <p>c) Nhà đầu tư là: doanh nghiệp khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; nhà đầu tư nước ngoài có cam kết chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư, đối</p>	<p>nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Nhà đầu tư cam kết chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục cao, công nghệ được ưu tiên đầu tư phát triển mới, công nghệ chiến lược, công nghệ số theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, công nghệ chiến lược, công nghệ số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo;</p> <p>c) Nhà đầu tư là: doanh nghiệp khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được cơ quan có thẩm quyền công nhận; trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; nhà đầu tư nước ngoài có cam kết chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư, đối tác trong nước;</p> <p>d) Các đối tượng khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>5. Các Hình thức ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Xếp hạng cao hơn cho nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà</p>	
---	---	--

<p>tác trong nước.</p> <p>5. Các ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Xếp hạng cao hơn cho nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà đầu tư không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau;</p> <p>b) Cộng thêm điểm vào điểm tổng hợp để so sánh, xếp hạng.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà đầu tư không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau;</p> <p>b) Cộng thêm điểm vào điểm tổng hợp để so sánh, xếp hạng.</p> <p><i>c) Các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</i></p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
<p>Điều 11. Đấu thầu quốc tế</p>	<p>Điều 10. Đấu thầu trong nước, đấu thầu quốc tế</p>	
<p>1. Việc tổ chức đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà thầu được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay;</p> <p>b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp mà nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu hoặc gói thầu được sơ tuyển, mời quan tâm hoặc đấu thầu rộng rãi trong nước trước đó nhưng không có nhà thầu tham gia;</p> <p>c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn mà chủ đầu tư xét thấy cần có sự tham gia của nhà thầu nước ngoài để nâng cao chất lượng của gói thầu, dự án, chủ đầu tư quyết định và chịu trách</p>	<p><i>1. Đấu thầu trong nước là hoạt động đấu thầu chỉ có nhà thầu, nhà đầu tư trong nước được tham dự thầu; nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ hoặc nhà thầu phụ đặc biệt là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.</i></p> <p><i>2. Đấu thầu quốc tế là hoạt động đấu thầu mà nhà thầu, nhà đầu tư trong nước, nước ngoài được tham dự thầu</i></p> <p><i>Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam và sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.</i></p> <p>3. Việc tổ chức đấu thầu quốc tế để lựa chọn</p>	<p>Điều này được sửa đổi, bổ sung để ưu tiên tổ chức đấu thầu trong nước nhằm để thu hút nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực và khả năng tham gia của nhà thầu trong nước trong đó:</p> <p>- Ưu tiên đấu thầu trong nước để khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp trong nước tham gia hoạt động mua sắm công, dự án phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Ưu tiên đấu thầu trong nước; chỉ áp dụng đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án đầu tư có yêu cầu nghiên cứu - phát triển hoặc ứng dụng hoặc chuyển giao hoặc đào tạo nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ chiến lược, công nghệ số.</p>

<p>nhiệm về quyết định tổ chức đấu thầu quốc tế;</p> <p>d) Gói thầu mua sắm hàng hóa mà hàng hóa đó trong nước không sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đáp ứng một trong các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, giá. Trường hợp hàng hóa thông dụng đã được nhập khẩu và chào bán tại Việt Nam thì không tổ chức đấu thầu quốc tế.</p> <p>2. Việc tổ chức đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện đối với các dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này, trừ trường hợp sau đây:</p> <p>a) Dự án thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;</p> <p>b) Dự án cần thực hiện đấu thầu trong nước do yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;</p> <p>c) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>d) Dự án có tổng vốn đầu tư dưới 800 tỷ đồng;</p> <p>đ) Dự án không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và d khoản này và đã công bố, thông báo mời quan tâm tổ chức đấu thầu quốc tế nhưng không có nhà đầu tư nước ngoài quan tâm.</p> <p>3. Đối với dự án thực hiện tại khu vực hạn chế tiếp cận đất đai, khu vực biên hạn chế sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan, người có thẩm quyền quyết</p>	<p>nhà thầu được thực hiện khi đáp ứng thuộc một trong các điều kiện trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay;</p> <p>b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp mà nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu hoặc gói thầu được sơ tuyển, mời quan tâm hoặc đấu thầu rộng rãi trong nước trước đó nhưng không có nhà thầu tham gia;</p> <p>c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn mà chủ đầu tư xét thấy cần có sự tham gia của nhà thầu nước ngoài để nâng cao chất lượng của gói thầu, dự án, chủ đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định tổ chức đấu thầu quốc tế;</p> <p>d) Gói thầu mua sắm hàng hóa mà hàng hóa đó trong nước không sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đáp ứng một trong các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng và giá. Trường hợp hàng hóa thông dụng đã được nhập khẩu và chào bán tại Việt Nam thì không tổ chức đấu thầu quốc tế.</p> <p>4. Việc tổ chức đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà thầu được thực hiện khi đáp ứng thuộc một trong các điều kiện trường hợp sau đây:</p> <p>a) Dự án có yêu cầu nghiên cứu - phát triển hoặc ứng dụng hoặc chuyển giao hoặc đào tạo nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ chiến lược, công nghệ số mà cần có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài để</p>	<p>- Hoàn thiện quy định về việc cho phép nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ hoặc nhà thầu phụ đặc biệt là nhà thầu nước ngoài để thực hiện phần công việc mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo hướng áp dụng đối với tất cả gói thầu thay vì chỉ giới hạn đối với gói thầu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.</p> <p>- Chính lý quy định đối với đấu thầu quốc tế theo hướng yêu cầu nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam và sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam để tạo cơ chế đủ mạnh thúc đẩy sự tham gia thực chất của doanh nghiệp Việt Nam trong việc thực hiện gói thầu tổ chức đấu thầu quốc tế, góp phần đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, kỹ thuật, kinh nghiệm của nhà thầu nước ngoài.</p>
--	---	--

định việc áp dụng đấu thầu quốc tế hoặc đấu thầu trong nước trên cơ sở ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, cơ quan khác có liên quan (nếu có).

4. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ hoặc nhà thầu phụ đặc biệt là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.

nâng cao hiệu quả đầu tư của dự án;

b) Dự án cần sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài để đáp ứng yêu cầu hình thành chuỗi liên kết cung ứng toàn cầu;

c) Dự án khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

~~3. Đối với dự án thực hiện tại khu vực hạn chế tiếp cận đất đai, khu vực biên hạn chế sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan, người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng đấu thầu quốc tế hoặc đấu thầu trong nước trên cơ sở ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, cơ quan khác có liên quan (nếu có).~~

5. Đối với dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 4 Điều này mà thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc đã công bố, thông báo mời quan tâm tổ chức đấu thầu quốc tế nhưng không có nhà đầu tư nước ngoài quan tâm thì tổ chức đấu thầu trong nước.

~~6. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ hoặc nhà thầu phụ đặc biệt là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.~~

<p>Điều 9. Xử lý và lưu trữ hồ sơ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư</p> <p>1. Hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu không vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu theo thời hạn sau đây:</p> <p>a) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn;</p> <p>b) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ: được thực hiện khi hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà thầu không được lựa chọn hoặc khi đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>2. Hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà đầu tư không vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư khi hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư không được lựa chọn hoặc khi đăng tải kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà nhà thầu, nhà đầu tư không nhận lại hồ sơ đề xuất về tài chính của mình thì chủ đầu tư, bên mời thầu xem xét, quyết định việc hủy hồ sơ nhưng phải bảo đảm thông tin không bị tiết lộ.</p> <p>4. Trường hợp hủy thầu, hồ sơ liên quan được lưu trữ trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định hủy thầu được ban hành.</p>	<p>Điều 11. Lưu trữ hồ sơ, ngôn ngữ và đồng tiền, thời gian và chi phí trong hoạt động đấu thầu</p> <p>1. Lưu trữ hồ sơ trong hoạt động đấu thầu:</p> <p>a) Hồ sơ đề xuất về tài chính của nhà thầu, nhà đầu tư không vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được trả lại nguyên trạng; trường hợp không được nhận lại thì được xử lý theo quy định nhưng phải bảo đảm thông tin không bị tiết lộ;</p> <p>b) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và thực hiện hợp đồng được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ;</p> <p>c) Chủ đầu tư, bên mời thầu lưu trữ thông tin liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Luật này.</p> <p>2. Ngôn ngữ sử dụng trong hoạt động đấu thầu:</p> <p>a) Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu trong nước là tiếng Việt.</p> <p>b) Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu quốc tế là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu là tiếng Việt và tiếng Anh thì nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu.</p>	<p>Các quy định về lưu trữ, đồng tiền, ngôn ngữ, thời gian, chi phí trong hoạt động đấu thầu của Luật hiện hành được sửa đổi, bổ sung theo hướng gộp lại thành 03 Điều trong dự thảo và quy định nguyên tắc tại Luật. Nội hàm các nội dung này mang tính chất hướng dẫn, kỹ thuật sẽ giao Chính phủ quy định chi tiết tại Nghị định hướng dẫn.</p>
---	--	--

<p>5. Hồ sơ quyết toán, hồ sơ hoàn công và tài liệu liên quan đến nhà thầu trúng thầu của gói thầu được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.</p> <p>6. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được lưu trữ trong thời hạn tối thiểu là 05 năm kể từ ngày quyết toán hợp đồng hoặc ngày chấm dứt hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, trừ hồ sơ quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này.</p> <p>Điều 12. Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu</p> <p>1. Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu trong nước là tiếng Việt.</p> <p>2. Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu quốc tế là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu là tiếng Việt và tiếng Anh thì nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu.</p> <p>Điều 13. Đồng tiền dự thầu</p> <p>1. Đối với đấu thầu trong nước, nhà thầu, nhà đầu tư chỉ được chào thầu bằng Đồng Việt Nam.</p> <p>2. Đối với đấu thầu quốc tế:</p> <p>a) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải quy định về đồng tiền dự thầu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhưng không quá 03 loại tiền tệ;</p> <p>b) Trường hợp hồ sơ mời thầu quy định nhà thầu, nhà đầu tư được chào thầu bằng 02 hoặc</p>	<p>3. Đồng tiền dự thầu:</p> <p><i>a) Đối với đấu thầu trong nước, nhà thầu, nhà đầu tư chào thầu bằng Đồng Việt Nam;</i></p> <p><i>b) Đối với đấu thầu quốc tế, việc sử dụng đồng tiền dự thầu, đồng tiền thanh toán và nguyên tắc quy đổi đồng tiền thực hiện theo quy định của Chính phủ.</i></p> <p>Điều 12. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư</p> <p><i>1. Thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu được tính kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu.</i></p> <p><i>2. Thời gian sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu được thực hiện trước ngày có thời điểm đóng thầu.</i></p> <p><i>3. Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu được phát hành đồng thời với thông báo mời quan tâm, thông báo mời thầu.</i></p> <p><i>4. Đối với các công việc khác ngoài quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, chủ đầu tư, người có thẩm quyền có trách nhiệm quyết định thời gian thực hiện trên cơ sở bảo đảm tiến độ của dự án, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu.</i></p> <p>Điều 13. Chi phí thực hiện hoạt động đấu thầu</p> <p><i>1. Chủ đầu tư chịu các chi phí liên quan đến</i></p>	
---	--	--

<p>03 loại tiền tệ thì khi đánh giá hồ sơ dự thầu phải quy đổi về 01 loại tiền tệ; trường hợp trong số các đồng tiền đó có Đồng Việt Nam thì phải quy đổi về Đồng Việt Nam. Hồ sơ mời thầu phải quy định về đồng tiền quy đổi, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi;</p> <p>c) Đối với chi phí trong nước liên quan đến việc thực hiện gói thầu, dự án, dự án đầu tư kinh doanh, nhà thầu, nhà đầu tư phải chào thầu bằng Đồng Việt Nam;</p> <p>d) Đối với chi phí ở nước ngoài liên quan đến việc thực hiện gói thầu, dự án, dự án đầu tư kinh doanh, nhà thầu, nhà đầu tư được chào thầu bằng đồng tiền nước ngoài, Đồng Việt Nam.</p> <p>Điều 15. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư</p> <p>1. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:</p> <p>a) Hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu trong nước, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;</p> <p>b) Hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu quốc tế được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; nhà thầu nộp tiền mua bản điện tử hồ sơ mời thầu khi nộp hồ sơ dự thầu;</p> <p>c) Chủ đầu tư chịu chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu, chi phí liên quan đến tổ chức lựa chọn nhà thầu;</p>	<p><i>tổ chức lựa chọn nhà thầu; bên mời thầu chịu các chi phí liên quan đến tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.</i></p> <p><i>2. Nhà thầu chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.</i></p> <p><i>3. Nhà thầu, nhà đầu tư chịu chi phí tham dự thầu, chi phí giải quyết kiến nghị, chi phí thuộc trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</i></p>	
---	--	--

<p>d) Nhà thầu chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, tham dự thầu, chi phí giải quyết kiến nghị (nếu có).</p> <p>2. Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư được quy định như sau:</p> <p>a) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu trong nước được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;</p> <p>b) Hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu quốc tế được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; nhà đầu tư nộp tiền mua bản điện tử hồ sơ mời thầu khi nộp hồ sơ dự thầu;</p> <p>c) Bên mời thầu chịu chi phí đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư và các chi phí liên quan đến tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>d) Nhà đầu tư chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu, tham dự thầu, chi phí giải quyết kiến nghị (nếu có).</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>Điều 45. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu</p> <p>1. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:</p> <p>a) Thời gian chuẩn bị hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu được tính kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu;</p>		
--	--	--

<p>b) Thời gian sửa đổi hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được thực hiện trước ngày có thời điểm đóng thầu;</p> <p>c) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được phát hành đồng thời với thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu.</p> <p>2. Đối với các công việc khác ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, chủ đầu tư có trách nhiệm quyết định thời gian thực hiện trên cơ sở bảo đảm tiến độ của dự án, gói thầu.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.</p>		
Điều 14. Bảo đảm dự thầu	Điều 14. Bảo đảm dự thầu	
<p>1. Nhà thầu, nhà đầu tư phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm dự thầu trong thời gian xác định theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu:</p> <p>a) Đặt cọc;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Bảo đảm dự thầu được áp dụng trong các</p>	<p>1. Nhà thầu, nhà đầu tư phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm dự thầu trong thời gian xác định theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu và hồ sơ yêu cầu:</p> <p>a) Đặt cọc;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Bảo đảm dự thầu được áp dụng trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>- Đối với lựa chọn nhà đầu tư, việc bổ sung “hồ sơ yêu cầu” để đồng bộ với các hình thức lựa chọn nhà đầu tư không qua đấu thầu rộng rãi (chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt). Kế thừa nguyên tắc về biện pháp bảo đảm dự thầu (đặt cọc, thư bảo lãnh, bảo hiểm bảo lãnh) đối với cả nhà thầu và nhà đầu tư.</p> <p>- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các trường hợp áp dụng bảo đảm dự thầu nhằm phù hợp với các hình thức lựa chọn nhà thầu đã được sửa đổi, bổ sung. Đồng thời giao Chính phủ quy định để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời điều chỉnh đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và thực tiễn triển khai.</p>

<p>trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp và gói thầu hỗn hợp;</p> <p>b) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>3. Nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định của hồ sơ mời thầu; trường hợp áp dụng phương thức đấu thầu hai giai đoạn, nhà thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trong giai đoạn hai.</p> <p>4. Căn cứ quy mô và tính chất của từng dự án, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu cụ thể, mức bảo đảm dự thầu trong hồ sơ mời thầu được quy định như sau:</p> <p>a) Từ 1% đến 1,5% giá gói thầu áp dụng đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng;</p> <p>b) Từ 1,5% đến 3% giá gói thầu áp dụng đối với gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Từ 0,5% đến 1,5% tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư kinh doanh áp dụng đối với lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>5. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu bằng thời</p>	<p>a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh đàm phán cạnh tranh, đàm phán giá đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp và gói thầu hỗn hợp;</p> <p>b) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối để với lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>3. Bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trừ trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư vi phạm quy định của Luật này hoặc từ chối thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Trường hợp bảo đảm dự thầu không được hoàn trả thì việc quản lý, sử dụng khoản tiền bảo đảm dự thầu được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
--	--	--

<p>gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu cộng thêm 30 ngày.</p> <p>6. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu, nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu, nhà đầu tư phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp. Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư từ chối gia hạn thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại; chủ đầu tư, bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày chủ đầu tư, bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.</p> <p>7. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng hoặc thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong hồ sơ mời thầu. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.</p> <p>8. Chủ đầu tư, bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu nhưng</p>		
--	--	--

<p>không quá 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được phê duyệt. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>9. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, nhà thầu, nhà đầu tư rút hồ sơ dự thầu hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;</p> <p>b) Nhà thầu, nhà đầu tư có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật này hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;</p> <p>c) Nhà thầu, nhà đầu tư không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 và Điều 75 của Luật này;</p> <p>d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với đấu thầu trong nước và 10 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận</p>		
--	--	--

<p>được thông báo trúng thầu của chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>g) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>h) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>10. Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 9 Điều này, khoản 6 Điều 68 và khoản 4 Điều 75 của Luật này thì việc quản lý, sử dụng khoản thu từ bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả được thực hiện như sau:</p> <p>a) Đối với các dự án, gói thầu có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, khoản thu này được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp</p>		
--	--	--

<p>luật về ngân sách nhà nước;</p> <p>b) Đối với các dự án, gói thầu không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, dự án đầu tư kinh doanh, khoản thu này được sử dụng theo quy chế tài chính của chủ đầu tư, cơ quan có thẩm quyền;</p>		
Điều 16. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu	Điều 15. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu	
<p>1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc rút hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư, bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p>	<p>1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc rút hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư, bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên</p>	<p>Rà soát, hoàn thiện các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu để bảo đảm đồng bộ với pháp luật chuyên ngành và phù hợp thực tiễn, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính lý kỹ thuật để làm rõ các hành vi thông thầu, gian lận, không bảo đảm công bằng, minh bạch, bảo đảm đồng bộ với pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và phù hợp với thực tiễn. - Bổ sung hành vi bị cấm đối với các cá nhân, tổ chức <i>dàn xếp, thỏa thuận nhằm nâng không giá gói thầu, dự toán</i> để có cơ sở xử lý hành vi vi phạm đã phát sinh phổ biến trong thời gian qua . - Chính lý quy định về hành vi chuyển nhượng thầu để phản ánh đầy đủ bản chất của hành vi này, góp phần ngăn chặn hành vi lợi dụng danh nghĩa “nhà thầu phụ” để chuyển nhượng thầu trái phép (Nhà thầu chính sau khi trúng thầu giao lại phần lớn hoặc toàn bộ khối lượng công việc cho đơn vị khác thực hiện, hưởng chênh lệch phần trăm, trong khi hồ sơ vẫn thể hiện là nhà thầu chính đứng tên thi công, gây thất thoát

<p>4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</p> <p>5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao</p>	<p>trúng thầu;</p> <p><i>d) Dàn xếp, thỏa thuận nhằm nâng khống giá gói thầu, dự toán gói thầu trong quá trình lập giá gói thầu, dự toán.</i></p> <p>4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p><i>a) Nhà thầu, nhà đầu tư làm giả hồ sơ, tài liệu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;</i></p> <p><i>b) Cố ý cung cấp Nhà thầu, nhà đầu tư kê khai thông tin tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ quan tâm dự thầu, hồ sơ đề xuất dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</i></p> <p>5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p>	<p>và tiềm ẩn rủi ro chất lượng công trình) như phản ánh của Bộ Công an.</p>
---	--	--

<p>gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu, nhà đầu tư đối với gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật này;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>c) Tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ</p>	<p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc <i>thực hiện lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng</i> đấu thầu quốc gia qua mạng.</p> <p>6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu, nhà đầu tư đối với gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Luật này;</p> <p>b) Cá nhân hoặc nhà thầu tư vấn là tổ chức tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>c) Cá nhân hoặc nhà thầu tư vấn là tổ chức tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn</p>	
--	---	--

<p>dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án, dự án đầu tư kinh doanh do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>h) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>i) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật này;</p> <p>k) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>l) Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự án, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.</p> <p>7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11</p>	<p>nhà thầu, nhà đầu tư đối với cùng một gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>d) Cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu.</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu trúng thầu, ký hợp đồng với chủ đầu tư thông qua đấu thầu rộng rãi gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định hồ sơ mời so sánh, hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự so sánh, hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án, dự án đầu tư kinh doanh do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>e) Nhà thầu trúng thầu, ký hợp đồng với chủ</p>	
---	--	--

<p>Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật này, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của chủ đầu tư, bên mời thầu và trả lời của nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; báo cáo của chủ đầu tư, bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>đầu tư đối với gói thầu do mình làm tư vấn, lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu, giám sát thực hiện hợp đồng, tư vấn kiểm định</i>; nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>g) Nội dung yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10; khoản 2 Điều 29 và khoản 1 Điều 37 của Luật này;</p> <p>h) Chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích <i>áp dụng hạn mức</i> chỉ định thầu; chia dự án, dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.</p> <p>7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 5 và điểm g khoản 8 Điều 46, khoản 7 Điều 47, khoản 5 Điều 48, khoản 4 Điều 49 và khoản 4 Điều 50 của Luật này, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh</p>	
--	--	--

<p>8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p> <p>9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định tại khoản 3 Điều 39, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật này.</p>	<p>doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của chủ đầu tư, bên mời thầu và trả lời của nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; báo cáo của chủ đầu tư, bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được xác định chứa nội dung thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p>	
--	--	--

	<p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p> <p>8. Sử dụng nhà thầu phụ bất hợp pháp:</p> <p><i>a) Nhà thầu giao một phần khối lượng công việc trong hợp đồng ký kết với chủ đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt quy định trong hợp đồng theo thỏa thuận giữa các bên mà không được chủ đầu tư chấp thuận;</i></p> <p><i>b) Nhà thầu giao toàn bộ công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của mình theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư cho nhà thầu phụ thực hiện mà không trực tiếp thực hiện công việc, không bố trí nhân lực, thiết bị và các nguồn lực cần thiết khác theo trách nhiệm của mình;</i></p> <p><i>c) Nhà thầu giao trách nhiệm quản lý của</i></p>	
--	--	--

	<p><i>mình theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư cho tổ chức, cá nhân hoặc nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp nhà thầu được lựa chọn với vai trò quản lý.</i></p> <p>9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 của Luật này dẫn đến nợ đọng vốn của nhà thầu, trừ trường hợp đấu thầu trước theo quy định tại Điều 29 của Luật này</p>	
Điều 17. Hủy thầu	Điều 16. Hủy thầu	
<p>1. Các trường hợp hủy thầu đối với lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>c) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p>	<p>1. Các trường hợp hủy thầu đối với lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án, hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước, và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>c) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc nhà thầu được</p>	<p>Bỏ các thuật ngữ như “hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển... để bảo đảm phù hợp với quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu (bỏ bước sơ tuyển trong đấu thầu rộng rãi) và hình thức lựa chọn nhà thầu mới (không còn chào hàng cạnh tranh, ...)</p> <p>Bổ sung quy định trách nhiệm hủy thầu đối với gói thầu sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập và tổng hợp trách nhiệm hủy thầu của các chủ thể.</p>

<p>d) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật này.</p> <p>2. Các trường hợp hủy thầu đối với lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời thầu;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư, thời hạn thực hiện dự án đầu tư kinh doanh vì lý do bất khả kháng, làm thay đổi tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu đã phát hành;</p> <p>c) Hồ sơ mời thầu có một hoặc một số nội dung không tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư được lựa chọn không còn đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>d) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà đầu tư trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>3. Hủy thầu được thực hiện trong thời gian từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến</p>	<p>lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 15 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này.</p> <p>2. Các trường hợp hủy thầu đối với lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:</p> <p>a) Tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời thầu;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư, thời hạn thực hiện dự án đầu tư kinh doanh vì lý do các trường hợp bất khả kháng, làm thay đổi tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đã phát hành;</p> <p>c) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu có một hoặc một số nội dung không tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc nhà đầu tư được lựa chọn không còn đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà đầu tư trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 15 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>3. Hủy thầu được thực hiện trong thời hạn từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời</p>	
--	--	--

<p>trước khi ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung đối với mua sắm tập trung.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d khoản 1 và các điểm c, d khoản 2 Điều này phải đền bù chi phí cho các bên liên quan.</p>	<p>quan tâm, hồ sơ mời-thầu, hồ sơ yêu cầu đến trước khi ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung đối với mua sắm tập trung.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d khoản 1 và các điểm c, d khoản 2 Điều này phải đền bù chi phí cho các bên liên quan.</p> <p>5. Thẩm quyền hủy thầu:</p> <p>a) Người có thẩm quyền hủy thầu đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và các điểm b, c, d khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Chủ đầu tư hủy thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Bên mời thầu hủy thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.</p> <p>Riêng đối với gói thầu sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập, chủ đầu tư có trách nhiệm hủy thầu đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	
<p>Điều 18. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư</p>	<p>Điều 17. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư</p>	
<p>1. Khi có bằng chứng tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu có hành vi quy định tại Điều 16 của Luật này hoặc hành vi vi phạm quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến không bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn</p>	<p>1. Khi có bằng chứng tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu có hành vi quy định tại Điều 15 của Luật này hoặc hành vi vi phạm quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến không bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà</p>	<p>Kế thừa quy định của Luật hiện hành về đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</p>

<p>nhà thầu, nhà đầu tư thì người có thẩm quyền thực hiện một hoặc một số biện pháp sau đây:</p> <p>a) Đình chỉ cuộc thầu để tạm dừng các hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhằm khắc phục ngay vi phạm đã xảy ra. Đình chỉ cuộc thầu được thực hiện trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư cho đến trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>b) Không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Xử lý vi phạm trong đấu thầu theo quy định tại Điều 87 của Luật này.</p> <p>2. Văn bản đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư phải nêu rõ lý do, nội dung, biện pháp và thời gian khắc phục vi phạm về đấu thầu.</p>	<p>thầu, nhà đầu tư thì người có thẩm quyền thực hiện một hoặc một số biện pháp sau đây:</p> <p>a) Đình chỉ cuộc thầu để tạm dừng các hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhằm khắc phục ngay vi phạm đã xảy ra. Đình chỉ cuộc thầu được thực hiện trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư cho đến trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>b) Không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu theo quy định tại Điều 54 của Luật này.</p> <p>2. Văn bản đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư phải nêu rõ lý do, nội dung, biện pháp và thời gian khắc phục vi phạm trong hoạt động về đấu thầu.</p>	
<p>Điều 19. Tổ chuyên gia, tổ thẩm định</p> <p>1. Tổ chuyên gia gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm, có trách nhiệm thực hiện một hoặc các công việc: lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh; thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Việc thành lập tổ chuyên gia được thực hiện theo quy định sau:</p>	<p>Điều 18. Tổ chuyên gia, tổ thẩm định</p> <p>1. Tổ chuyên gia, tổ thẩm định được lựa chọn hoặc giao nhiệm vụ để thực hiện các công việc trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và thực hiện trách nhiệm được giao theo quy định tại Điều 49 của Luật này.</p> <p>3. Chủ đầu tư quyết định thành lập tổ chuyên gia, tổ thẩm định trong trường hợp không lựa</p>	<p>Sửa đổi Điều này theo hướng chỉ quy định nguyên tắc chung về tổ chuyên gia, thẩm định và giao Chính phủ quy định chi tiết nhằm bảo đảm tính linh hoạt, thống nhất trong quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.</p>

<p>a) Chủ đầu tư thành lập hoặc giao nhiệm vụ đối với lựa chọn nhà thầu;</p> <p>b) Bên mời quan tâm, bên mời thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ đối với lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>c) Đơn vị tư vấn thành lập đối với trường hợp thuê tư vấn để lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.</p> <p>2. Tổ thẩm định gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn đầu thầu thành lập hoặc giao nhiệm vụ để kiểm tra, xem xét sự phù hợp với quy định của pháp luật đối với một hoặc các nội dung: hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</p> <p>3. Thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định phải có tối thiểu 03 năm công tác thuộc một trong các lĩnh vực liên quan đến nội dung pháp lý, kỹ thuật, tài chính của gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết về năng lực, kinh nghiệm của thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định.</p>	<p><i>chọn nhà thầu tư vấn để thực hiện các công việc trong quá trình lựa chọn nhà thầu.</i></p> <p><i>4. Bên mời thầu quyết định thành lập tổ chuyên gia; người có thẩm quyền hoặc bên mời thầu trong trường hợp được phân cấp thực hiện các công việc trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư thành lập tổ thẩm định hoặc giao cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nhiệm vụ thẩm định.</i></p>	
<p>Điều 20. Các hình thức lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Điều 20. Hình thức lựa chọn nhà thầu</p>	

<p>1. Các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng, mua sắm trực tiếp;</p> <p>b) Đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu hạn chế;</p> <p>c) Tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá.</p> <p>2. Trường hợp phát sinh hình thức lựa chọn nhà thầu khác quy định tại khoản 1 Điều này, có tính ưu việt, sử dụng phương tiện điện tử tiên bộ, hiện đại, Chính phủ quy định về hình thức, quy trình, đối tượng phù hợp với tính năng mới của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu.</p> <p>Điều 21. Đấu thầu rộng rãi</p> <p>1. Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự.</p> <p>2. (được bãi bỏ)</p> <p>Điều 22. Đấu thầu hạn chế</p> <p>Đấu thầu hạn chế là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu được mời tham dự thầu, áp dụng trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>1. Các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm:</p> <p>a) Chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng, mua sắm trực tiếp;</p> <p>b) Đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu hạn chế;</p> <p>c) Tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá.</p> <p>1. Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự <i>thầu</i>.</p> <p>2. Đấu thầu hạn chế là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu được mời tham dự thầu. <i>Đấu thầu hạn chế được</i> áp dụng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Gói thầu có yêu cầu đặc thù về kỹ thuật mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu;</p> <p>b) Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu đấu thầu hạn chế trong <i>theo quy định tại</i> điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài.</p> <p><i>3. Đàm phán cạnh tranh là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó chủ đầu tư mời từ hai nhà thầu trở lên đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm tham gia đàm phán để xác định hoặc hoàn thiện giải pháp kỹ thuật, công nghệ, phương án thực hiện, phương án tài chính, giá và các điều kiện hợp đồng, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng.</i></p>	<p>- Điều này được sửa đổi, bổ sung theo hướng gộp các Điều về hình thức lựa chọn nhà thầu tại Luật hiện hành thành 01 Điều chung về hình thức lựa chọn nhà thầu; đồng thời, đơn giản hóa các hình thức lựa chọn nhà thầu theo hướng lược bỏ một số hình thức lựa chọn nhà thầu có quy trình thực hiện tương đồng để tích hợp vào một hình thức (như bỏ hình thức chào hàng cạnh tranh để tích hợp vào hình thức đấu thầu rộng rãi; bỏ hình thức mua sắm trực tiếp để tích hợp vào hình thức chỉ định thầu).</p> <p>- Đối với hình thức chỉ định thầu, dự thảo Luật chỉ quy định tiêu chí cơ bản để áp dụng hình thức này và giao Chính phủ quy định chi tiết trường hợp chỉ định thầu nhằm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và đặc thù của từng lĩnh vực.</p> <p>- Đối với hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, dự thảo Luật phân định rõ căn cứ, điều kiện áp dụng hình thức này theo hướng khái quát, tập trung vào bản chất, đặc thù của gói thầu thay vì liệt kê cụ thể từng lĩnh vực, nhiệm vụ nhằm bao quát các trường hợp phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức lựa chọn nhà thầu.</p> <p>- Chuyển gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp từ cơ chế chỉ định thầu sang cơ chế lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để phù hợp với tính chất và yêu cầu đặc thù của dự án và giao Chính phủ quy định chi tiết trường hợp, quy trình, thủ tục áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc</p>
---	---	---

<p>1. Gói thầu có yêu cầu đặc thù về kỹ thuật mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu;</p> <p>2. Nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu đấu thầu hạn chế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài.</p> <p>Điều 23. Chỉ định thầu</p> <p>1. Chỉ định thầu được áp dụng để giao cho một nhà thầu thực hiện gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có yêu cầu cấp bách, khẩn cấp nhằm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ chủ quyền quốc gia; ngăn chặn hoặc xử lý hậu quả do sự kiện bất khả kháng, bảo vệ tài sản, sức khỏe, tính mạng của người dân; phòng, chống dịch bệnh;</p> <p>b) Có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước;</p> <p>c) Thuộc dự án đầu tư công đặc biệt; dự án đầu tư công khẩn cấp; dự án quan trọng quốc gia được cho phép áp dụng tại Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án;</p> <p>d) Có yêu cầu, điều kiện đặc thù về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật; nghiên cứu, thử nghiệm, quyền tác giả, bản quyền, bảo hành hoặc cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền, quy hoạch;</p> <p>đ) Có duy nhất một nhà thầu, nhà sản xuất cung cấp hàng hóa, dịch vụ trên thị trường;</p>	<p><i>Đàm phán cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm tổ chức lựa chọn nhà thầu chưa thể xác định đầy đủ, chính xác một hoặc một số nội dung sau đây:</i></p> <p><i>a) Phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật hoặc giải pháp công nghệ;</i></p> <p><i>b) Giá gói thầu;</i></p> <p><i>d) Nội dung khác theo quy định của Chính phủ.</i></p> <p><i>4. Chào giá trực tuyến là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó các nhà thầu tham gia chào giá nhiều lần để xác định nhà thầu trúng thầu trên cơ sở giá chào thấp nhất sau khi kết thúc thời gian chào giá.</i></p> <p>5. Tham gia thực hiện của cộng đồng <i>là hình thức</i> cộng đồng dân cư, tổ, nhóm thợ đủ năng lực tại địa phương nơi có gói thầu được giao thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu. <i>Hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng được áp dụng đối với gói thầu không quá 05 tỷ đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công mà Nhà nước và Nhân dân cùng làm.</i></p> <p>thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công mà Nhà nước và Nhân dân cùng làm có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng.</p> <p>6. Chỉ định thầu <i>là hình thức lựa chọn nhà thầu được áp dụng để giao cho mà chỉ có một nhà thầu được mời tham dự để</i> thực hiện gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm đáp ứng một trong các <i>tiêu chí</i> yêu cầu sau:</p>	<p>biệt đối với gói thầu này.</p> <p>- Kế thừa quy định hiện hành đối với hình thức đấu thầu hạn chế, đàm phán giá, tự thực hiện và tham gia của cộng đồng.</p> <p>- Kế thừa quy định của Luật hiện hành, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 349/2026/NĐ-CP) đối với các tiêu chí áp dụng hình thức đặt hàng và giao Chính phủ quy định chi tiết các trường hợp áp dụng hình thức này, bảo đảm khả thi, thống nhất trong áp dụng.</p>
---	--	--

<p>e) Thuộc hạn mức áp dụng chỉ định thầu theo quy định của Chính phủ;</p> <p>g) Thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;</p> <p>h) Thuộc các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đặc biệt, chuyển đổi số;</p> <p>i) Gói thầu cần đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>Điều 24. Chào hàng cạnh tranh</p> <p>1. Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu có giá gói thầu trong hạn mức theo quy định của Chính phủ thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;</p> <p>b) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng;</p> <p>c) Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;</p> <p>d) Gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp, trong đó nội dung xây lắp đáp ứng quy định tại điểm c khoản này.</p> <p>2. Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, hồ sơ mời thầu không bắt buộc quy định</p>	<p>a) <i>Gói thầu</i> có yêu cầu cấp bách, khẩn cấp nhằm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ chủ quyền quốc gia; ngăn chặn hoặc xử lý hậu quả do sự kiện bất khả kháng, bảo vệ tài sản, sức khỏe, tính mạng của người dân; phòng, chống dịch bệnh;</p> <p>b) <i>Gói thầu</i> có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước;</p> <p><i>c) Dự án quan trọng quốc gia được cho phép áp dụng tại nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án;</i></p> <p><i>d) Gói thầu có yêu cầu, điều kiện đặc thù về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật; nghiên cứu, thử nghiệm, quyền tác giả, bản quyền, bảo hành hoặc cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền, quy hoạch;</i></p> <p>đ) Gói thầu có duy nhất một nhà thầu, nhà sản xuất cung cấp hàng hóa, dịch vụ trên thị trường;</p> <p>e) <i>Gói thầu thuộc</i> hạn mức áp dụng chỉ định thầu <i>theo thẩm quyền do</i> Chính phủ quy định;</p> <p><i>g) Gói thầu thuộc các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đặc biệt, chuyển đổi số;</i></p> <p><i>h) Gói thầu mua sắm hàng hóa từ nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu tương tự trước đó;</i></p> <p>i) Các gói thầu khác thuộc dự toán mua sắm, dự án đầu tư công và dự án khác cần áp dụng hình</p>	
--	--	--

tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

Điều 25. Mua sắm trực tiếp

1. Mua sắm trực tiếp được áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự thuộc dự án, dự toán mua sắm của cùng một chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư khác và đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Mua sắm trực tiếp được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó;

b) Chủ đầu tư chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các loại hàng hóa thuộc gói thầu và khối lượng từng hạng mục công việc nhỏ hơn 130% so với khối lượng hạng mục tương ứng thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó, không bao gồm khối lượng của tùy chọn mua thêm (nếu có);

c) Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó, đồng thời, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm hoàn thiện hợp đồng;

d) Thời gian từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.

thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm;

k) Gói thầu khác thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

7. Đặt hàng là hình thức **chủ đầu tư** giao trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ~~thực hiện~~ cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc các trường hợp sau đây:

a) Sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công;

b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc các lĩnh vực chiến lược; các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, quan trọng quốc gia, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, **nền tảng số quốc gia, hệ thống thông tin dùng chung**, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ; công nghệ số trọng điểm;

c) Sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; **sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược theo pháp luật về công**

<p>3. Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì được áp dụng mua sắm trực tiếp đối với nhà thầu khác nếu nhà thầu đó đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó.</p> <p>Điều 26. Tự thực hiện</p> <p>1. Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu được tự thực hiện gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động hoặc ngành, nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu;</p> <p>b) Có năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu;</p> <p>c) Có phương án khả thi huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện gói thầu.</p> <p>2. Chủ đầu tư trực tiếp tự thực hiện gói thầu hoặc giao đơn vị hạch toán phụ thuộc, phòng, ban thuộc tổ chức đó thực hiện.</p> <p>3. Tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này không được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc trên 50 tỷ đồng tính trên giá trị công việc quy định tại thỏa thuận giao việc.</p>	<p>nghệ cao;</p> <p>d) Hàng hoá, dịch vụ được sản xuất, cung cấp để thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế;</p> <p>đ) Hàng hóa, dịch vụ khác được đặt hàng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>Hàng hóa, dịch vụ đặt hàng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực thì thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực không quy định về quy trình, thủ tục đặt hàng thì áp dụng quy định của pháp luật về đấu thầu Luật này.</p> <p>e) Chính phủ quy định chi tiết khoản này.</p> <p>8. Tự thực hiện là hình thức chủ đầu tư trực tiếp tự thực hiện gói thầu hoặc giao đơn vị hạch toán phụ thuộc, phòng, ban thuộc tổ chức đó thực hiện.</p> <p>Chủ đầu tư trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm được tự thực hiện gói thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động hoặc ngành, nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu;</p> <p>b) Có năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu;</p> <p>c) Có phương án khả thi huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực</p>	
---	--	--

Điều 27. Tham gia thực hiện của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, tổ, nhóm thợ đủ năng lực tại địa phương nơi có gói thầu được giao thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công mà Nhà nước và Nhân dân cùng làm có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng.

Điều 28. Đàm phán giá

1. Đàm phán giá được áp dụng đối với các gói thầu sau đây:

- a) Mua biệt dược gốc sinh phẩm tham chiếu;
- b) Mua thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm chỉ có 01 hoặc 02 hãng sản xuất.

2. Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định việc áp dụng hình thức đàm phán giá, ban hành danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy định quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá.

Điều 29. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

1. Việc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng; đặc thù về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hoặc có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, lợi ích quốc gia, thực

hiện gói thầu.

~~Tổ chức đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này không được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc trên 50 tỷ đồng tính trên giá trị công việc quy định tại thỏa thuận giao việc.~~

9. Đàm phán giá được áp dụng đối với các gói thầu mua biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu; mua thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm chỉ có 01 hoặc 02 hãng sản xuất.

Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định việc áp dụng hình thức đàm phán giá, ban hành danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy định quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá.

~~10. Trường hợp phát sinh hình thức lựa chọn nhà thầu khác quy định tại khoản 1, Điều này, có tính ưu việt, sử dụng phương tiện điện tử tiên bộ, hiện đại, Chính phủ quy định về hình thức, quy trình, đối tượng phù hợp với tính năng mới của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bảo đảm mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu.~~

10. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Gói thầu có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng

<p>hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29a của Luật này thì không đáp ứng được yêu cầu thực hiện dự án, gói thầu.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>Điều 29a. Đặt hàng</p> <p>1. Đặt hàng là hình thức giao trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ thuộc các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công;</p> <p>b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc các lĩnh vực chiến lược; các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, quan trọng quốc gia, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ; công nghệ số trọng điểm;</p> <p>c) Sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;</p> <p>d) Hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>Hàng hoá, dịch vụ đặt hàng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực thì thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh</p>	<p><i>mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này;</i></p> <p><i>b) Gói thầu mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này thì không đáp ứng được yêu cầu thực hiện dự án, gói thầu;</i></p> <p><i>c) Gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp.</i></p> <p>11. Chính phủ quy định các hình thức lựa chọn nhà thầu khác phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu trong từng thời kỳ.</p>	
--	--	--

<p>vực; trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực không quy định về quy trình, thủ tục thì áp dụng quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
<p>Điều 29b. Nguyên tắc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Điều 21. Nguyên tắc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu</p>	
<p>1. Chủ đầu tư áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật này trong các trường hợp và đáp ứng điều kiện quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 và 29a của Luật này.</p> <p>2. Trường hợp gói thầu đáp ứng điều kiện áp dụng của một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật này nhưng chủ đầu tư quyết định không áp dụng các hình thức này thì được áp dụng một trong các hình thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 của Luật này mà không phải tuân thủ điều kiện của hình thức tương ứng.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p><i>1. Căn cứ mục tiêu, tính chất, quy mô, tiến độ thực hiện dự án, gói thầu, chủ đầu tư áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 20 của Luật này.</i></p> <p><i>2. Trường hợp gói thầu đáp ứng điều kiện áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 20 của Luật này nhưng chủ đầu tư quyết định không áp dụng các hình thức này thì được áp dụng một trong các hình thức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 của Luật này mà không cần phải đáp ứng điều kiện áp dụng đối với hình thức đó.</i></p> <p><i>3. Trường hợp gói thầu đáp ứng đồng thời các điều kiện áp dụng nhiều hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 20 của Luật này thì chủ đầu tư được tự quyết định một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu đó.</i></p>	<p>Chỉnh lý, bổ sung nguyên tắc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu để trao quyền tự quyết định cho chủ đầu tư căn cứ mục tiêu, tính chất, quy mô, tiến độ thực hiện dự án, gói thầu.</p>

Điều 30. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ	Điều 22. Phương thức một túi hồ sơ	
<p>1. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp. Trường hợp gói thầu đáp ứng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 1a Điều 31 của Luật này thì được lựa chọn áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ;</p> <p>b) Chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp;</p> <p>c) Chỉ định thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp;</p> <p>d) Mua sắm trực tiếp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.</p> <p>2. Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>3. Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.</p>	<p><i>1. Phương thức một túi hồ sơ là phương thức mà việc mở thầu được thực hiện một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.</i></p> <p>2. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong đối với các <i>gói thầu</i> trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với Gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp <i>áp dụng đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế.</i> Trường hợp gói thầu đáp ứng quy định tại các điểm b, c, d và điểm đ và khoản 1a Điều 31 <i>khoản 2 Điều 23</i> của Luật này thì được lựa chọn áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ;</p> <p>b) Chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp;</p> <p>d) Mua sắm trực tiếp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.</p> <p>b) Chỉ định thầu đối với Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp <i>áp dụng chỉ định thầu.</i></p> <p>3. Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p>	<p>- Làm rõ nội hàm về phương thức một túi hồ sơ để bảo đảm cách hiểu thống nhất và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.</p> <p>- Chính lý kỹ thuật để phù hợp với các hình thức đã được lược bỏ tại dự thảo Luật (như chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp...).</p>

	3. Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.	
Điều 31. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ	Điều 23. Phương thức hai túi hồ sơ	
<p>1. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;</p> <p>b) Đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu hỗn hợp tổ chức đấu thầu quốc tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này;</p> <p>c) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế.</p> <p>1a. Trường hợp chủ đầu tư tổ chức đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao thì được áp dụng phương thức quy định tại Điều này.</p> <p>2. Nhà thầu nộp đồng thời hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính riêng biệt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.</p> <p>3. Việc mở thầu được tiến hành hai lần. Hồ sơ</p>	<p>1. Phương thức hai túi hồ sơ là phương thức mà việc mở thầu được thực hiện hai lần, trong đó hồ sơ đề xuất về kỹ thuật được mở ngay sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được mở hồ sơ đề xuất về tài chính để đánh giá.</p> <p>2. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng đối với các gói thầu sau trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế;</p> <p>b) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với Gói thầu hỗn hợp tổ chức đấu thầu quốc tế quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 của Luật này áp dụng đấu thầu rộng rãi; gói thầu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật này áp dụng đấu thầu rộng rãi;</p> <p>c) Trường hợp chủ đầu tư tổ chức đấu thầu rộng rãi đối với Gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học,</p>	<p>- Làm rõ nội hàm về phương thức hai túi hồ sơ để bảo đảm cách hiểu thống nhất và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.</p> <p>- Lược bỏ quy định gói thầu mua thuốc áp dụng phương thức hai túi hồ sơ để đồng bộ với quy định của pháp luật về y tế và đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian lựa chọn nhà thầu.</p> <p>- Bổ sung trường hợp áp dụng phương thức hai túi hồ sơ đối với gói thầu xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ để nâng cao chất lượng hoạt động lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực này, bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có giải pháp tối ưu, công nghệ tiên tiến, hiện đại.</p>

<p>đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở hồ sơ đề xuất về tài chính để đánh giá.</p>	<p>công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao thì được áp dụng đấu thầu rộng rãi phương thức quy định tại Điều này;</p> <p>d) Gói thầu xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ theo quy định của pháp luật về chuyển đổi số áp dụng đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế;</p> <p>đ) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với Gói thầu mua thuốc cung cấp vật tư y tế, thiết bị y tế áp dụng đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế;</p> <p>3. Nhà thầu nộp đồng thời hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính riêng biệt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.</p> <p>3. Việc mở thầu được tiến hành hai lần. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở hồ sơ đề xuất về tài chính để đánh giá.</p>	
<p>Điều 32. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ</p>		
<p>1. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp mà chưa xác định được chính xác các yêu cầu kỹ thuật cụ thể, đầy đủ cho gói thầu tại thời điểm tổ chức đấu thầu.</p> <p>2. Trong giai đoạn một, nhà thầu nộp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật không bao gồm giá dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu căn cứ thiết kế</p>	<p>Bổ quy định này</p>	<p>Qua số liệu báo cáo đánh giá công tác đấu thầu hàng năm, phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ có phạm vi áp dụng rất hạn chế, ít được sử dụng trên thực tế và có quy trình phức tạp nhưng không tạo ra khác biệt đáng kể về chất lượng lựa chọn so với các phương thức đơn giản hơn. Đồng thời, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu qua mạng và các phương pháp đánh giá hiện đại đã tạo điều kiện để đơn giản hóa phương thức lựa</p>

<p>cơ sở hoặc thông số kỹ thuật của gói thầu. Nhà thầu được phép đề xuất phương án thay thế cho nội dung yêu cầu trong hồ sơ mời thầu nhưng phải chào thành phương án riêng cùng với phương án kỹ thuật chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một được mời tham dự thầu giai đoạn hai.</p> <p>3. Trong giai đoạn hai, quy trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Nhà thầu trong danh sách đạt yêu cầu giai đoạn một được mời làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật bao gồm việc chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật giai đoạn một. Nhà thầu được đưa ra ý kiến góp ý về nội dung hồ sơ mời thầu;</p> <p>b) Trên cơ sở nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật với từng nhà thầu, hồ sơ mời thầu giai đoạn một được điều chỉnh, bổ sung về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện hợp đồng và các nội dung khác để hình thành hồ sơ mời thầu giai đoạn hai, kể cả các sai lệch về kỹ thuật của nhà thầu đã được chấp nhận, đề xuất trong phương án thay thế của nhà thầu đã được chấp nhận;</p> <p>c) Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu bao gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn hai, trong đó có giá dự thầu và bảo đảm dự thầu trên cơ sở nội</p>		<p>chọn nhưng vẫn bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và giải pháp tối ưu. Do vậy, dự thảo Luật đề xuất bỏ quy định này</p>
---	--	--

<p>dung điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật giai đoạn một theo quy định tại điểm a khoản này. Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu.</p>		
<p>Điều 33. Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ</p>		
<p>1. Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có kỹ thuật, công nghệ mới, phức tạp, có tính đặc thù mà chưa xác định được chính xác các yêu cầu kỹ thuật cụ thể, đầy đủ cho gói thầu tại thời điểm tổ chức đấu thầu.</p> <p>2. Trong giai đoạn một, nhà thầu nộp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật không bao gồm giá dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu căn cứ thiết kế cơ sở hoặc thông số kỹ thuật của gói thầu. Nhà thầu được phép đề xuất phương án thay thế cho nội dung yêu cầu trong hồ sơ mời thầu nhưng phải chào thành phương án riêng cùng với phương án kỹ thuật chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn một được mời tham dự thầu giai đoạn hai.</p> <p>3. Trong giai đoạn hai, quy trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:</p> <p>a) Nhà thầu trong danh sách đạt yêu cầu giai đoạn một được mời làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật bao</p>	<p>Bổ quy định này</p>	<p>Qua số liệu báo cáo đánh giá công tác đấu thầu hàng năm, phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ có phạm vi áp dụng rất hạn chế, ít được sử dụng trên thực tế và có quy trình phức tạp nhưng không tạo ra khác biệt đáng kể về chất lượng lựa chọn so với các phương thức đơn giản hơn. Đồng thời, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu qua mạng và các phương pháp đánh giá hiện đại đã tạo điều kiện để đơn giản hóa phương thức lựa chọn nhưng vẫn bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và giải pháp tối ưu. Do vậy, dự thảo Luật đề xuất bỏ quy định này</p>

<p>gồm việc chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật giai đoạn một. Nhà thầu được đưa ra ý kiến góp ý về nội dung hồ sơ mời thầu;</p> <p>b) Trên cơ sở nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật với từng nhà thầu, hồ sơ mời thầu giai đoạn một được điều chỉnh, bổ sung về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện hợp đồng và các nội dung khác để hình thành hồ sơ mời thầu giai đoạn hai, kể cả các sai lệch về kỹ thuật của nhà thầu đã được chấp nhận, đề xuất trong phương án thay thế của nhà thầu đã được chấp nhận;</p> <p>c) Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu bao gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính riêng biệt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn hai, trong đó có giá dự thầu và bảo đảm dự thầu. Hồ sơ đề xuất tài chính được chào tương ứng theo phương án đề xuất kỹ thuật chính của nhà thầu; trường hợp nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế thì phải gửi kèm theo phần đề xuất tài chính cho phương án thay thế này. Việc mở thầu được tiến hành hai lần. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở hồ sơ đề xuất về tài chính để đánh giá.</p>		
<p>Điều 34. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư</p>	<p>Điều 24. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư</p>	
<p>1. Đấu thầu rộng rãi:</p> <p>Đấu thầu rộng rãi được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh mà không hạn chế số lượng</p>	<p>1. Đấu thầu rộng rãi được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh mà là hình thức lựa chọn nhà đầu tư kinh doanh không hạn chế số lượng</p>	<p>- Tiếp tục duy trì 04 hình thức lựa chọn nhà đầu tư gồm: (i) đấu thầu rộng rãi, (ii) đấu thầu hạn chế, (iii) chỉ định nhà đầu tư, (iv) lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt vì đây là các</p>

<p>nhà đầu tư tham dự.</p> <p>2. Đấu thầu hạn chế:</p> <p>Đấu thầu hạn chế được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu cao về kỹ thuật, công nghệ hoặc có tính đặc thù theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực mà chỉ có một số nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của dự án được mời tham dự thầu.</p> <p>2a. Chỉ định nhà đầu tư:</p> <p>a) Chỉ định nhà đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh cần thực hiện trong các trường hợp: dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ chiến lược; dự án cần tiếp tục lựa chọn nhà đầu tư trước đó đã triển khai hạ tầng số, nền tảng số nhằm bảo đảm tương thích, đồng bộ, kết nối về kỹ thuật; dự án đầu tư kinh doanh cần đẩy nhanh tiến độ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia do nhà đầu tư đề xuất theo quy định của Chính phủ;</p> <p>b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư đối với dự án quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>3. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.</p>	<p>nhà đầu tư tham dự.</p> <p>2. Đấu thầu hạn chế là hình thức lựa chọn nhà đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu cao về kỹ thuật, công nghệ hoặc có tính đặc thù theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực mà trong trường hợp chỉ có một số nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của dự án được mời tham dự thầu.</p> <p>3. Chỉ định nhà đầu tư là hình thức lựa chọn nhà đầu tư mà chỉ có một nhà đầu tư được mời tham dự thầu để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</p> <p>a) Cần đẩy nhanh tiến độ, khẩn cấp, phát triển kinh tế - xã hội;</p> <p>b) Có điều kiện đặc thù về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ chiến lược hoặc cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền, đồng bộ kết nối về kỹ thuật;</p> <p>c) Các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).</p> <p>4. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt là hình thức lựa chọn nhà đầu tư được áp dụng khi dự án đầu tư kinh doanh đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Dự án có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia;</p> <p>b) Dự án có yêu cầu thực hiện đặt hàng, giao</p>	<p>hình thức đang được áp dụng ổn định, chưa phát sinh vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn.</p> <p>- Chính sửa kỹ thuật để làm rõ nội hàm từng hình thức và tích hợp nội dung Điều 34a Luật hiện hành (Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt) vào chung một điều để bảo đảm thống nhất, tinh gọn cấu trúc của Luật.</p> <p>- Nội dung chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt tiếp tục quy định điều kiện áp dụng cụ thể ngay tại Luật (đối với các dự án có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ; các dự án thuộc lĩnh vực chiến lược, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; dự án có yêu cầu đặc thù về thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển...) do đây là các hình thức không có sự cạnh tranh giữa các nhà đầu tư, cần được kiểm soát chặt chẽ ngay tại Luật.</p> <p>-Bổ sung nguyên tắc người có thẩm quyền được tự quyết định hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp dự án đầu tư kinh doanh đáp ứng đồng thời các tiêu chí, điều kiện áp dụng nhiều hình thức lựa chọn nhà đầu tư.</p>
---	--	---

	<p><i>ngay nhà đầu tư triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực chiến lược, các dự án đầu tư phát triển trọng điểm, quan trọng quốc gia;</i></p> <p><i>c) Dự án có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;</i></p> <p><i>d) Dự án có yêu cầu đặc thù về thủ tục đầu tư, thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển hoặc có điều kiện đặc thù khác mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì không đáp ứng được yêu cầu thực hiện dự án.</i></p> <p><i>5. Người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này trên cơ sở bảo đảm đáp ứng mục tiêu về tiến độ, chất lượng, hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương, phù hợp với yêu cầu đặc thù theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Luật này.</i></p> <p><i>6. Trường hợp dự án đầu tư kinh doanh đáp ứng đồng thời các yêu cầu, điều kiện áp dụng nhiều hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này thì người có thẩm quyền được tự quyết định một</i></p>	
--	--	--

	<i>trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư đó.</i>	
Điều 34a. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt		
<p>1. Việc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có một trong các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia;</p> <p>b) Có yêu cầu thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ để thực hiện dự án thuộc các lĩnh vực chiến lược, các dự án đầu tư phát triển trọng điểm, quan trọng quốc gia trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;</p> <p>c) Có yêu cầu đặc thù về thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển hoặc có điều kiện đặc thù khác mà nếu áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các khoản 1, 2 và 2a Điều 34 của Luật này thì không đáp ứng được yêu cầu thực hiện dự án.</p> <p>2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	Bổ quy định này	Nội dung 'Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt' đã được tích hợp vào Điều quy định “Hình thức lựa chọn nhà đầu tư” với đầy đủ điều kiện áp dụng, bảo đảm tính đơn giản, thống nhất trong cấu trúc của Luật.
Điều 35. Phương thức lựa chọn nhà đầu tư	Điều 25. Phương thức lựa chọn nhà đầu tư	
1. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ:	1. Lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo	Sửa đổi, bổ sung theo hướng chỉ áp dụng phương thức một túi hồ sơ đối với đấu thầu lựa

<p>a) Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>b) Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự thầu gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;</p> <p>c) Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu.</p> <p>2. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ:</p> <p>a) Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu công trình kiến trúc có giá trị theo quy định của pháp luật về kiến trúc;</p> <p>b) Nhà đầu tư nộp đồng thời hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính riêng biệt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;</p> <p>c) Việc mở thầu được tiến hành hai lần. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở hồ sơ đề xuất về tài chính để đánh giá.</p> <p>3. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ:</p> <p>Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu đặc thù phát triển kinh tế, xã hội của ngành, vùng, địa phương nhưng chưa xác định được cụ thể tiêu chuẩn về kỹ thuật, kinh tế, xã hội, môi trường.</p>	<p><i>phương thức một túi hồ sơ.</i></p> <p><i>2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Việc mở thầu được thực hiện một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.</i></p>	<p>chọn nhà đầu tư (lược bỏ phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ hiện đang áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu công trình kiến trúc có giá trị).</p> <p>Việc sửa đổi nhằm đơn giản hóa quy trình, tinh gọn thủ tục hành chính; tăng cường áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí kỹ thuật, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá. Đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm tính linh hoạt.</p>
---	---	--

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		
Điều 36. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án		
<p>1. Căn cứ quy mô, tính chất công tác đấu thầu của dự án, chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án có thể trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.</p> <p>2. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được lập đồng thời hoặc độc lập với báo cáo nghiên cứu khả thi và được phê duyệt sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.</p> <p>3. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Xem xét bối cảnh thực hiện dự án đối với công tác đấu thầu;</p> <p>b) Đánh giá năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm của chủ đầu tư đối với việc thực hiện các hoạt động đấu thầu của dự án;</p> <p>c) Phân tích thị trường và xác định rủi ro trong đấu thầu;</p> <p>d) Mục tiêu cụ thể của hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Đề xuất kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu cho dự án bao gồm: phân chia dự án thành các gói thầu; hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; loại hợp đồng, nguyên tắc phân chia và quản lý rủi ro; tiến độ thực hiện các công việc chính, gói thầu; nội dung khác cần lưu ý</p>	Bỏ quy định này	Việc lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, kéo dài thời gian nhưng giá trị quản lý mang lại không lớn. Trên thực tế, nhiều thủ tục có nội dung thông tin trùng lặp với các bước tiếp theo trong quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc đã được thay thế bằng dữ liệu điện tử trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, dẫn đến tăng thêm thủ tục cho chủ đầu tư mà chưa thực sự nâng cao hiệu quả quản lý. Do đó, dự thảo Luật bỏ nội dung này.

<p>trong soạn thảo hồ sơ mời thầu, quản lý thực hiện hợp đồng.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
<p>Điều 37. Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Điều 27. Nguyên tắc Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu</p>	
<p>1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm. Đối với dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể được lập trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm thì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước.</p> <p>2. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu, giá gói thầu trên cơ sở toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu.</p> <p>3. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu.</p> <p>4. Việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án, dự toán mua sắm và phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được duyệt (nếu có).</p> <p>5. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập sau khi có dự toán mua sắm, quyết định phê duyệt dự</p>	<p>1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu là văn bản do chủ đầu tư tổ chức lập, phê duyệt để xác định cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm, làm căn cứ tổ chức lựa chọn nhà thầu.</p> <p>2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ hoặc một phần công việc của dự án, dự toán mua sắm. Đối với dự toán mua Kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể được lập trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách, <i>năm tài chính</i> và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm thì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước.</p> <p>2. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu, giá gói thầu trên cơ sở toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu.</p> <p>2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu.</p> <p>3. Việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu</p>	<p>- Làm rõ nội hàm của kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bảo đảm cách hiểu thống nhất và thuận lợi trong tổ chức thực hiện.</p> <p>- Chính lý kỹ thuật để làm rõ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ hoặc một phần công việc của dự án, dự toán mua sắm nhằm tạo thuận lợi cho chủ đầu tư chủ động triển khai trước một số gói thầu mà không phải chờ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm.</p> <p>- Chỉ quy định về nguyên tắc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung, trên cơ sở các nội dung đã được kế thừa tại Luật Đấu thầu 2023.</p>

<p>án hoặc đồng thời với quá trình lập dự án, dự toán mua sắm hoặc trước khi có quyết định phê duyệt dự án đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án.</p>	<p>phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án, dự toán mua sắm và phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu được duyệt (nếu có).</p> <p>3. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập sau khi có dự toán mua sắm, quyết định phê duyệt dự án hoặc đồng thời với quá trình lập dự án, dự toán mua sắm hoặc trước khi có quyết định phê duyệt dự án đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án.</p>	
<p>Điều 38. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu</p> <p>1. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án:</p> <p>a) Quyết định phê duyệt dự án và tài liệu có liên quan, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tài liệu có liên quan đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;</p> <p>b) Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có);</p>	<p>Điều 28. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu</p> <p>1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên gói thầu được xác định trên cơ sở tính chất, nội dung và phạm vi công việc của gói thầu. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt, kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần nêu tên thể hiện nội dung cơ bản của từng phần;</p> <p>b) Giá gói thầu là dự kiến kinh phí cần thiết để thực hiện gói thầu, bao gồm cả phí, lệ phí, thuế, chi phí dự phòng. Giá gói thầu được xác định căn cứ theo một trong các thông tin gồm: quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; kết quả lựa chọn nhà thầu đối với hàng hóa, dịch vụ tương tự; kết quả thẩm định giá; báo giá; giá niêm yết, giá kê khai do tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc cơ quan, đơn vị có chức năng, thẩm quyền công bố, cung cấp và các căn cứ khác theo quy định của Chính phủ;</p>	<p>Dự thảo Luật chỉ quy định về nội dung KHLCNT tại Điều này và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung, trên cơ sở các nội dung đã được kế thừa tại Luật Đấu thầu 2023.</p>

<p>c) Dự án đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công;</p> <p>d) Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản này;</p> <p>đ) Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật này;</p> <p>e) Văn bản pháp lý có liên quan.</p> <p>2. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm:</p> <p>a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có);</p> <p>b) Dự toán mua sắm;</p> <p>c) Văn bản pháp lý có liên quan.</p>	<p><i>c) Nguồn vốn được xác định trên cơ sở nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt cho gói thầu. Đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo;</i></p> <p><i>d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu được xác định theo quy định tại các Điều 20, 22 và 23 của Luật này;</i></p> <p><i>đ) Loại hợp đồng được xác định theo quy định tại Điều 40 của Luật này;</i></p> <p><i>e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm;</i></p> <p><i>g) Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn, tư vấn, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có);</i></p> <p><i>h) Tùy chọn mua thêm (nếu có) là khả năng chủ đầu tư mua bổ sung hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong hợp đồng. Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua</i></p>	
<p>Điều 39. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu</p> <p>1. Tên gói thầu:</p> <p>Tên gói thầu thể hiện tính chất, nội dung và phạm vi công việc của gói thầu. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt, kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần nêu tên thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.</p>		

<p>2. Giá gói thầu:</p> <p>a) Giá gói thầu là giá trị của gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Giá gói thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế. Giá gói thầu được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết;</p> <p>b) Đối với gói thầu chia phần thì ghi rõ giá gói thầu và giá ước tính cho từng phần trong giá gói thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm quy định tại khoản 8 Điều này, giá gói thầu không bao gồm giá trị của tùy chọn mua thêm.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết về nội dung giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.</p> <p>3. Nguồn vốn:</p> <p>Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt. Trường hợp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thì phải ghi rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm vốn tài trợ, vốn đối ứng trong nước. Đối với dự toán mua sắm, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở dự toán mua sắm của năm ngân sách và dự kiến dự toán mua sắm của các năm ngân sách tiếp theo.</p> <p>4. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:</p> <p>a) Đối với mỗi gói thầu phải xác định cụ thể hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu trong nước hoặc quốc tế; áp</p>	<p><i>thêm.</i></p> <p>2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu.</p>	
---	--	--

<p>dụng hoặc không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng;</p> <p>b) Đối với dự án áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, ghi theo nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.</p> <p>5. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:</p> <p>Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu và thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm. Trường hợp đấu thầu rộng rãi có áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển.</p> <p>6. Loại hợp đồng:</p> <p>a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải xác định cụ thể loại hợp đồng theo quy định tại Điều 64 của Luật này để làm căn cứ lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; ký kết hợp đồng;</p> <p>b) Đối với dự án áp dụng kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, ghi theo nội dung phù hợp với kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.</p> <p>7. Thời gian thực hiện gói thầu:</p> <p>Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn,</p>		
---	--	--

<p>tư vấn. Thời gian thực hiện gói thầu được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có).</p> <p>8. Tùy chọn mua thêm (nếu có):</p> <p>a) Tùy chọn mua thêm là khả năng chủ đầu tư mua bổ sung hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua thêm;</p> <p>c) Tùy chọn mua thêm được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện: nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi, đàm phán giá; khối lượng mua thêm không vượt 30% của khối lượng hạng mục tương ứng nêu trong hợp đồng; có dự toán được phê duyệt đối với khối lượng mua thêm; đơn giá của hàng hóa, dịch vụ mua thêm không được vượt đơn giá của các hàng hóa, dịch vụ tương ứng trong hợp đồng; chỉ áp dụng trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng.</p> <p>9. <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>Điều 40. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án</p> <p>1. Hồ sơ trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm những nội dung sau đây:</p>		
--	--	--

<p>a) Phần công việc đã thực hiện, bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện;</p> <p>b) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm nội dung công việc và giá trị tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 và 29a của Luật này;</p> <p>d) Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có), trong đó nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này;</p> <p>đ) Phần tổng hợp giá trị của các phần công việc quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này. Tổng giá trị của phần này không được vượt tổng mức đầu tư của dự án;</p> <p>e) Nội dung khác có liên quan.</p> <p>2. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:</p> <p>Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật này hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.</p>		
--	--	--

<p>3. (được bãi bỏ)</p> <p>Điều 41. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm</p> <p>1. Hồ sơ trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm những nội dung sau đây:</p> <p>a) Phần công việc đã thực hiện, bao gồm nội dung công việc của gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện;</p> <p>b) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm nội dung công việc và giá trị tương ứng hình thành gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 và 29a của Luật này;</p> <p>d) Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có), trong đó nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này;</p> <p>đ) Phần tổng hợp giá trị của các phần công việc quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này. Tổng giá trị của phần này không được vượt dự toán mua sắm;</p> <p>e) Nội dung khác có liên quan.</p> <p>2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 40 của Luật này.</p> <p>3. (được bãi bỏ)</p>		
--	--	--

Điều 42. Đấu thầu trước	Điều 31. Đấu thầu trước	
<p>1. Đấu thầu trước là việc thực hiện trước một số thủ tục trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài được ký kết đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài hoặc trước khi dự án được phê duyệt đầu tư nhằm mục đích đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, trừ gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.</p> <p>2. Gói thầu có thể thực hiện đấu thầu trước bao gồm:</p> <p>a) Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định rõ phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật;</p> <p>b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư;</p> <p>c) Gói thầu tư vấn quản lý dự án cho các phần công việc thực hiện sau khi dự án được phê duyệt, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công;</p> <p>d) Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài có yêu cầu đấu thầu trước theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ. Trường hợp nhà tài trợ không quy định thì các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài có thể thực hiện đấu thầu trước theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.</p>	<p>1. Đấu thầu trước là việc thực hiện trước một số thủ tục trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài được ký kết đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài hoặc trước khi dự án được phê duyệt đầu tư nhằm mục đích đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, trừ gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.</p> <p>2. Gói thầu có thể thực hiện được tổ chức đấu thầu trước bao gồm:</p> <p>a) Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định rõ phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật;</p> <p>b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư;</p> <p>c) Gói thầu tư vấn quản lý dự án cho các phần công việc thực hiện sau khi dự án được phê duyệt, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công;</p> <p>d) Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài có yêu cầu đấu thầu trước theo quy định ràng buộc của nhà tài trợ. Trường hợp nhà tài trợ không yêu cầu quy định thì được thực hiện đấu thầu trước theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.</p> <p>đ) Gói thầu có yêu cầu cấp bách về tiến độ</p>	<p>- Kế thừa các quy định hiện hành về đấu thầu trước đã áp dụng ổn định, không phát sinh vướng mắc.</p> <p>- Mở rộng trường hợp được tổ chức đấu thầu trước đối với gói thầu có yêu cầu cấp bách về tiến độ thực hiện dự án để chủ đầu tư chủ động triển khai sớm các công việc lựa chọn nhà thầu, qua đó rút ngắn thời gian triển khai dự án, gói thầu và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.</p> <p>- Chính phủ sẽ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, phạm vi các công việc được thực hiện trước, thẩm quyền và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan khi tổ chức đấu thầu trước để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời điều chỉnh theo yêu cầu thực tiễn triển khai.</p>

<p>3. Đối với gói thầu quy định tại khoản 2 Điều này, các thủ tục được thực hiện trước khi dự án được phê duyệt hoặc trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; b) Xác định danh sách ngân (nếu có); c) Lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt hồ sơ mời thầu; d) Đánh giá hồ sơ dự thầu; đ) Xét duyệt trúng thầu, xác định nhà thầu trúng thầu. <p>Việc ký kết hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt đầu tư; đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, việc ký kết hợp đồng có thể thực hiện trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài nhưng phải sau khi dự án được phê duyệt đầu tư.</p> <p>4. Đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu quy định tại Điều 14 của Luật này nhưng phải cam kết trong hồ sơ dự thầu về trách nhiệm tham dự thầu.</p> <p>5. Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu phải xác định rõ trách nhiệm của nhà thầu và chủ đầu tư trong việc thực hiện đấu thầu trước theo quy định tại Điều này.</p> <p>Trường hợp dự án không được phê duyệt hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài</p>	<p>thực hiện dự án.</p> <p>3. Đối với gói thầu quy định tại khoản 2 Điều này, các thủ tục được thực hiện trước khi dự án được phê duyệt hoặc trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; b) Xác định danh sách ngân (nếu có); c) Lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt hồ sơ mời thầu; d) Đánh giá hồ sơ dự thầu; đ) Xét duyệt trúng thầu, xác định nhà thầu trúng thầu. <p>Việc ký kết hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt đầu tư; đối với gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, việc ký kết hợp đồng có thể thực hiện trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài theo quy định của nhà tài trợ nước ngoài nhưng phải sau khi dự án được phê duyệt đầu tư.</p> <p>4. Đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu quy định tại Điều 14 của Luật này nhưng phải cam kết trong hồ sơ dự thầu về trách nhiệm tham dự thầu.</p> <p>3. Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, Hồ sơ mời thầu phải xác định rõ trách nhiệm của nhà thầu và chủ đầu tư trong việc thực hiện đấu thầu trước theo quy định tại Điều này.</p>	
--	--	--

<p>không được ký kết mà không thể bố trí nguồn vốn khác thì chủ đầu tư hủy thầu và không phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p> <p>6. Chủ đầu tư, người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có thể hình thành gói thầu bao gồm một hoặc một số công việc: khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Các công việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt.</p> <p>7. Các hoạt động quy định tại Điều này được thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật này. Việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu đấu thầu trước không phải căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này.</p>	<p>Trường hợp dự án không được phê duyệt hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài không được ký kết mà không thể bố trí nguồn vốn khác thì chủ đầu tư hủy thầu và không phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p> <p>6. Chủ đầu tư, người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có thể hình thành gói thầu bao gồm một hoặc một số công việc: khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Các công việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công chỉ được thực hiện sau khi dự án được phê duyệt.</p> <p>7. Các hoạt động quy định tại Điều này được thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật này. Việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu đấu thầu trước không phải căn cứ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này.</p>	
<p>Điều 43. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Điều 26. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu</p>	
<p>1. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu bao gồm một hoặc một số công việc sau:</p> <p>a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu;</p>	<p><i>Tùy thuộc hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 20 của Luật này, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu bao gồm một hoặc một</i></p>	<p>- Điều này kế thừa quy định của Luật Đấu thầu hiện hành theo hướng chỉ quy định các bước lựa chọn nhà thầu, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết về quy trình, thủ tục lựa chọn</p>

<p>b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>d) Thương thảo hợp đồng, thương thảo về đề xuất của nhà thầu;</p> <p>đ) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có);</p> <p>e) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.</p> <p>Đối với hình thức chỉ định thầu, trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>số công việc <i>các bước</i> sau:</p> <p>1. <i>Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu gồm các thủ tục: lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập, thẩm định và chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</i></p> <p>2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu <i>gồm các thủ tục: mời thầu; phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; đóng thầu, mở thầu.</i></p> <p>3. Đánh giá, <i>làm rõ</i> hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thương thảo hợp đồng, thương thảo về đề xuất của nhà thầu <i>và xét duyệt trúng thầu;</i></p> <p>4. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>5. Hoàn thiện, Ký kết, và quản lý thực hiện hợp đồng <i>theo quy định tại Điều 39 của Luật này.</i></p> <p>Đối với hình thức chỉ định thầu, trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>nhà thầu tương ứng với từng hình thức lựa chọn nhà thầu.</p> <p>- Làm rõ bước lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc bước chuẩn bị lựa chọn nhà thầu để áp dụng thống nhất trong thực tiễn.</p>
<p>Điều 44. Nội dung hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Điều 29. Nội dung hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu, hồ sơ yêu cầu</p>	
<p>1. Hồ sơ mời thầu bao gồm các yêu cầu cho gói thầu về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá,</p>	<p>1. Hồ sơ mời thầu bao gồm các, hồ sơ yêu cầu cho gói thầu về <i>bao gồm</i> chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, dự thảo hợp đồng và, các nội</p>	<p>- Kế thừa quy định của luật hiện hành; đồng thời, bổ sung quy định cho phép hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu của hàng hóa theo nhóm</p>

<p>dự thảo hợp đồng và các nội dung khác.</p> <p>2. Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ và tiêu chuẩn khác do Chính phủ quy định để bảo đảm chất lượng của hàng hóa, dịch vụ, công trình.</p> <p>3. Hồ sơ mời thầu không được nêu điều kiện dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>dung khác để thực hiện gói thầu.</p> <p>2. Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu, xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ và tiêu chuẩn khác do Chính phủ quy định để bảo đảm chất lượng của hàng hóa, dịch vụ, công trình theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Hồ sơ mời thầu không được nêu điều kiện dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>nhãn hiệu nhằm bảo đảm lựa chọn được hàng hóa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tính năng kỹ thuật, công nghệ, tính đồng bộ và hiệu quả sử dụng theo nhu cầu thực tế của chủ đầu tư, đồng thời vẫn bảo đảm có sự cạnh tranh giữa các nhãn hiệu cùng nhóm.</p> <p>- Giao Chính phủ quy định cụ thể về việc nêu nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu, xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ tại hồ sơ mời thầu, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, linh hoạt trong thực thi.</p>
<p>Điều 46. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư</p>	<p>Điều 32. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư</p>	
<p>1. Quy trình lựa chọn nhà đầu tư bao gồm các bước sau đây:</p> <p>a) Công bố dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>b) Chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm: lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu;</p> <p>c) Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm: mời thầu; phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu; chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút, thay thế hồ sơ dự thầu;</p> <p>d) Đánh giá hồ sơ dự thầu gồm: mở thầu; kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu; đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu;</p> <p>đ) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; giải thích lý do nhà</p>	<p>1. Tùy thuộc hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Điều 24 của Luật này, quy trình lựa chọn nhà đầu tư bao gồm một hoặc một số các bước sau đây:</p> <p>a) Công bố dự án đầu tư kinh doanh, gồm các nội dung: tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; tổng vốn đầu tư; địa điểm thực hiện dự án; thời hạn, tiến độ thực hiện dự án và các nội dung khác;</p> <p>b) Chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm các thủ tục: lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>c) Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư gồm các thủ tục: mời thầu; phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chuẩn bị,</p>	<p>Kế thừa quy định hiện hành về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư (công bố dự án; chuẩn bị đấu thầu; tổ chức đấu thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; phê duyệt, công khai kết quả; đàm phán, ký kết hợp đồng).</p> <p>Chỉnh sửa kỹ thuật bổ sung 'hồ sơ đề xuất' để đồng bộ với các hình thức lựa chọn nhà đầu tư không qua đấu thầu rộng rãi (chỉ định nhà đầu tư, trường hợp đặc biệt).</p> <p>Tiếp tục duy trì cơ chế Luật quy định nguyên tắc chung, giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện đối với từng hình thức. Nêu rõ các bước trong quá trình công bố dự án đầu tư kinh doanh.</p>

<p>đầu tư không trúng thầu theo yêu cầu của nhà đầu tư (nếu có);</p> <p>e) Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng.</p> <p>2. Trường hợp pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực quy định phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm, ngoài các bước quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ mời quan tâm, thông báo mời quan tâm, tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và phê duyệt kết quả mời quan tâm trước khi thực hiện bước chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút, thay thế hồ sơ dự thầu, <i>hồ sơ đề xuất; đóng thầu, mở thầu;</i></p> <p>d) Đánh giá hồ sơ dự thầu gồm: mở thầu; kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu; đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu, <i>hồ sơ đề xuất;</i></p> <p>đ) Trình, Thẩm định (<i>nếu có</i>) phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; giải thích lý do nhà đầu tư không trúng thầu theo yêu cầu của nhà đầu tư (nếu có);</p> <p>e) Đàm phán, hoàn thiện, ký kết <i>và thực hiện</i> hợp đồng.</p> <p>2. Trường hợp pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực quy định phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm, ngoài các bước quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ mời quan tâm, thông báo mời quan tâm, tổ chức đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và phê duyệt kết quả mời quan tâm trước khi thực hiện <i>thủ tục</i> bước chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
<p>Điều 47. Công bố dự án đầu tư kinh doanh</p>		
<p>1. Cơ quan có thẩm quyền công bố dự án đầu tư kinh doanh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>2. Nội dung công bố dự án đầu tư kinh doanh</p>	<p>Bổ quy định này</p>	<p>Nội dung công bố dự án đầu tư kinh doanh được giao Chính phủ quy định chi tiết, bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với quá trình số hóa toàn bộ vòng đời dự án đầu tư kinh doanh và hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>

<p>bao gồm:</p> <p>a) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có);</p> <p>b) Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư;</p> <p>c) Địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;</p> <p>d) Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có);</p> <p>đ) Tên bên mời thầu; hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư; thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>e) Nội dung khác có liên quan.</p>		
<p>Điều 48. Nội dung hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà đầu tư</p>	<p>Điều 33. Nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với lựa chọn nhà đầu tư</p>	
<p>1. Hồ sơ mời thầu bao gồm:</p> <p>a) Chỉ dẫn nhà đầu tư;</p> <p>b) Bảng dữ liệu đấu thầu;</p> <p>c) Nội dung kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu;</p> <p>d) Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; phương án đầu tư kinh doanh; hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa</p>	<p>1. Hồ sơ mời thầu bao gồm:</p> <p>a) Chỉ dẫn nhà đầu tư;</p> <p>b) Bảng dữ liệu đấu thầu;</p> <p>c) Nội dung kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu;</p> <p>d) Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; phương án đầu tư kinh doanh; hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa</p>	<p>Sửa theo hướng chỉ quy định nguyên tắc chung về nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với lựa chọn nhà đầu tư (yêu cầu về chỉ dẫn nhà đầu tư, phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá, dự thảo hợp đồng và các nội dung khác); giữ nguyên tắc hồ sơ mời thầu không được nêu điều kiện hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.</p> <p>Nội dung chi tiết giao Chính phủ quy định để bảo đảm tính ổn định của Luật, đồng thời tạo</p>

<p>phương;</p> <p>đ) Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;</p> <p>e) Thông tin và yêu cầu thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>g) Dự thảo hợp đồng, biểu mẫu hợp đồng;</p> <p>h) Nội dung khác có liên quan.</p> <p>2. Hồ sơ mời thầu không được nêu điều kiện dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.</p>	<p>phương;</p> <p>đ) Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;</p> <p>e) Thông tin và yêu cầu thực hiện dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>g) Dự thảo hợp đồng, biểu mẫu hợp đồng;</p> <p>h) Nội dung khác có liên quan.</p> <p>1. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu bao gồm chỉ dẫn nhà đầu tư, phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá, dự thảo hợp đồng các nội dung khác và do người có thẩm quyền phê duyệt hoặc phân cấp cho bên mời thầu phê duyệt.</p> <p>2. Hồ sơ mời thầu không được nêu điều kiện dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.</p>	<p>cơ sở cho việc điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn triển khai. Đồng thời quy định rõ thẩm quyền phê duyệt.</p>
<p>Điều 49. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư</p>		
<p>1. Đối với đấu thầu trong nước, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 45 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu đến ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>2. Đối với đấu thầu quốc tế, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 60 ngày kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu đến ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>3. Đối với các công việc khác ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người có thẩm quyền, bên mời thầu có trách nhiệm quyết định</p>	<p>Bổ quy định này</p>	<p>Bổ Điều này. Nội dung thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (đối với đấu thầu trong nước, đấu thầu quốc tế và các công việc khác) được giao Chính phủ quy định chi tiết, bảo đảm tính linh hoạt trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn triển khai.</p>

thời gian thực hiện trên cơ sở bảo đảm tiến độ thực hiện của dự án đầu tư kinh doanh.		
Điều 50. Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng		
<p>1. Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh trong nước phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo lộ trình sau đây:</p> <p>a) Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, việc đấu thầu qua mạng hoặc không qua mạng thực hiện theo quy định của Chính phủ;</p> <p>b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, áp dụng đấu thầu qua mạng đối với tất cả các gói thầu, trừ trường hợp không đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều này.</p> <p>2. Các nội dung lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm:</p> <p>a) Đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>b) Lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>c) Lập, nộp hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;</p> <p>d) Mở thầu;</p>	Bổ quy định này	<p>Bổ Điều này. Luật chỉ quy định yêu cầu đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và cơ sở dữ liệu về đấu thầu; giao Chính phủ quy định chi tiết về đấu thầu qua mạng đối với cả lựa chọn nhà thầu và lựa chọn nhà đầu tư để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý, sự thay đổi của công nghệ và thực tiễn triển khai.</p>

<p>đ) Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, mời thương thảo hợp đồng, thẩm định (nếu có), phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thỏa thuận liên danh, bảo lãnh dự thầu điện tử, bảo lãnh thực hiện hợp đồng điện tử;</p> <p>g) Làm rõ các nội dung trong đấu thầu;</p> <p>h) Gửi và nhận đơn kiến nghị;</p> <p>i) Hợp đồng điện tử;</p> <p>k) Thanh toán điện tử.</p> <p>3. Văn bản điện tử trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia có giá trị theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân.</p> <p>4. Chi phí trong đấu thầu qua mạng bao gồm: chi phí tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu theo quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 15 của Luật này, tham dự thầu, ký kết hợp đồng và các chi phí khác khi đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>5. Chính phủ quy định việc kết nối, chia sẻ thông tin theo quy định tại khoản 6 Điều 51 của Luật này; kỹ thuật đấu thầu qua mạng phù hợp với tính năng và sự phát triển của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; quy trình, thủ tục, chi phí đấu thầu qua mạng; lộ trình lựa chọn nhà đầu tư qua mạng; những trường hợp không đấu</p>		
---	--	--

thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.		
Điều 51. Yêu cầu đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Điều 19. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, cơ sở dữ liệu về đấu thầu	
<p>1. Công khai, không hạn chế truy cập, tiếp cận đối với thông tin được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>2. Nguồn thời gian của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được xác định theo quy định của pháp luật về nguồn thời gian chuẩn quốc gia.</p> <p>3. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoạt động liên tục, thống nhất, ổn định, có khả năng xác thực người dùng, bảo mật và toàn vẹn dữ liệu.</p> <p>4. Thực hiện ghi lại thông tin và truy xuất được lịch sử các giao dịch trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>5. Bảo đảm nhà thầu, nhà đầu tư không thể gửi hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đến chủ đầu tư, bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>6. Các thông tin về nhà thầu, nhà đầu tư được kết nối, chia sẻ từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quản lý thuế, Hệ thống thông tin quản lý ngân sách, kho bạc và các hệ thống khác. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được kết nối với các Cổng thông tin điện tử, Hệ thống công nghệ thông tin khác để trao đổi, chia sẻ dữ liệu, thông tin phục vụ đấu thầu qua mạng và quản lý nhà nước về đấu thầu.</p>	<p>1. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là hệ thống công nghệ thông tin để thống nhất quản lý thông tin và thực hiện các quy trình nghiệp vụ về đấu thầu trên môi trường điện tử, bao gồm:</p> <p>a) Cổng thông tin quốc gia về đấu thầu và các phân hệ phần mềm ứng dụng nghiệp vụ;</p> <p>b) Cơ sở dữ liệu quốc gia về đấu thầu, cơ sở dữ liệu có liên quan đến hoạt động đấu thầu;</p> <p>c) Hạ tầng kỹ thuật, an ninh mạng và nền tảng kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số.</p> <p>2. Cơ sở dữ liệu về đấu thầu là tập hợp thông tin, dữ liệu được hình thành, thu thập, cập nhật, kết nối, quản lý, khai thác để làm tham chiếu gốc phục vụ hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và quản lý nhà nước về đấu thầu. Cơ sở dữ liệu về đấu thầu được quản lý tập trung, thống nhất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm thông tin, dữ liệu về nhà thầu, nhà đầu tư, chủ đầu tư, chuyên gia, chất lượng hàng hóa đã được sử dụng, chất lượng dịch vụ đã được cung cấp, giá trong đấu thầu, tình hình thực hiện hợp đồng và các thông tin, dữ liệu khác có liên quan đến hoạt động đấu thầu.</p> <p>3. Yêu cầu đối với Hệ thống mạng đấu thầu</p>	<p>Luật chỉ quy định các yêu cầu về Hệ thống mạng tính nguyên tắc, giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm tính ổn định của Luật, đồng thời tạo thuận lợi cho việc nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống trong quá trình tổ chức thực hiện.</p>

	<p>quốc gia:</p> <p>a) Hoạt động ổn định, thống nhất; bảo đảm tính bảo mật, an toàn thông tin và toàn vẹn của dữ liệu;</p> <p>b) Bảo đảm khả năng truy xuất, kiểm tra, đối chiếu và phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, dữ liệu, an toàn thông tin, an ninh mạng và các tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.</p> <p>4. Kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu:</p> <p>Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin khác theo quy định của pháp luật.</p>	
Điều 52. Trách nhiệm của tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Điều 51. Trách nhiệm của tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	
<p>1. Bảo đảm an ninh mạng, bảo mật cơ sở dữ liệu của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>2. Bảo đảm tính toàn vẹn của các hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, ngăn chặn hành vi truy cập trái phép, thay thế hồ sơ bất hợp pháp.</p> <p>3. Bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật cho người dùng và quản lý hồ sơ người dùng; có cơ chế ghi lại thông tin và truy xuất nguồn gốc thông tin theo thời gian, hành động trên Hệ thống</p>	<p>1. Bảo đảm an ninh mạng, bảo mật cơ sở dữ liệu của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>2. Bảo đảm tính toàn vẹn của các hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, ngăn chặn hành vi truy cập trái phép, thay thế hồ sơ bất hợp pháp.</p> <p>3. Bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật cho người dùng và quản lý hồ sơ người dùng; có cơ chế ghi lại thông tin và truy xuất nguồn gốc thông tin theo thời gian, hành động trên Hệ thống</p>	Giữ nguyên và chuyển vị trí xuống Chương VI để đồng bộ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong hoạt động đấu thầu

<p>mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>4. Xây dựng Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bảo đảm tương thích với các hệ thống khác; giao diện thân thiện, đáp ứng tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghệ thông tin.</p> <p>5. Quản trị rủi ro an ninh mạng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>6. Không được sử dụng các thông tin về dự án, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư và thông tin khác trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để phục vụ cho các mục đích không thuộc chức năng, nhiệm vụ của tổ chức vận hành Hệ thống.</p> <p>7. Bảo đảm hệ thống phần cứng đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động đấu thầu.</p> <p>8. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>4. Xây dựng Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bảo đảm tương thích với các hệ thống khác; giao diện thân thiện, đáp ứng tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghệ thông tin.</p> <p>5. Quản trị rủi ro an ninh mạng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>6. Không được sử dụng các thông tin về dự án, dự án đầu tư kinh doanh, gói thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư và thông tin khác trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để phục vụ cho các mục đích không thuộc chức năng, nhiệm vụ của tổ chức vận hành Hệ thống.</p> <p>7. Bảo đảm hệ thống phần cứng đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động đấu thầu.</p> <p>8. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	
Điều 53. Mua sắm tập trung	Điều 35. Mua sắm tập trung	
<p>1. Mua sắm tập trung được áp dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm với số lượng lớn, chủng loại tương tự ở một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>Trường hợp mua thuốc hiếm, thuốc cần mua với số lượng ít có thể áp dụng hình thức mua sắm tập trung để bảo đảm có đủ thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh;</p>	<p><i>1. Mua sắm tập trung là việc tổng hợp nhu cầu mua sắm của một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị để tổ chức lựa chọn nhà thầu thông qua đơn vị mua sắm tập trung mà không phải từng cơ quan, tổ chức, đơn vị tự tổ chức mua riêng lẻ nhằm tối ưu hóa chi phí, bảo đảm tính hiệu quả.</i></p> <p>2. Mua sắm tập trung được áp dụng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm với số lượng</p>	<p>- Làm rõ khái niệm mua sắm tập trung để áp dụng thống nhất trong thực thi.</p> <p>- Mở rộng phạm vi áp dụng cách thức này đối với tất cả các hình thức lựa chọn nhà thầu khi đáp ứng đầy đủ điều kiện áp dụng của từng hình thức thay vì chỉ giới hạn áp dụng một số hình thức như đàm phán giá, chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt như quy định hiện hành.</p> <p>- Thẩm quyền ban hành danh mục mua sắm tập</p>

<p>b) Thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Thẩm quyền ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung được quy định như sau:</p> <p>a) Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc; danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm trong trường hợp cần thiết;</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia, trừ danh mục do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung (bao gồm cả danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm) thuộc phạm vi quản lý của mình, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.</p> <p>3. Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Mua sắm tập trung được thực hiện ở cấp quốc gia, Bộ, cơ quan trung ương, địa phương</p>	<p>lớn, chủng loại tương tự ở một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>Trường hợp mua thuốc hiếm, thuốc cần mua với số lượng ít thì có thể áp dụng hình thức mua sắm tập trung để bảo đảm có cung cấp đủ thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>b) Thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung theo quy định tại khoản 2 Điều này của Chính phủ.</p> <p>2. Thẩm quyền ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung được quy định như sau:</p> <p>a) Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc; danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm trong trường hợp cần thiết;</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia, trừ danh mục do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung (bao gồm cả danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm) thuộc phạm vi quản lý của mình, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành theo quy định tại điểm a và</p>	<p>trung sẽ được giao Chính phủ quy định vì nội dung này là biện pháp tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước thuộc phạm vi điều hành của Chính phủ. Đồng thời, tại Nghị định sẽ lược bỏ danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để đơn giản hóa quy trình, thủ tục áp dụng mua sắm tập trung</p> <p>- Các nội dung về hợp đồng khung cũng được đưa xuống Nghị định do các nội dung này mang tính hướng dẫn, kỹ thuật, bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời điều chỉnh theo yêu cầu thực tiễn.</p> <p>Làm rõ mua sắm tập trung được thực hiện ở cấp quốc gia, cấp Bộ, cơ quan trung ương, cấp tỉnh để không bị hiểu nhầm mua sắm tập trung cả ở cấp xã, đáp ứng yêu cầu về chính quyền 2 cấp hiện nay.</p>
---	---	---

<p>và thực hiện theo một trong hai cách thức sau đây:</p> <p>a) Đơn vị mua sắm tập trung tiến hành lựa chọn nhà thầu, trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn;</p> <p>b) Đơn vị mua sắm tập trung tiến hành lựa chọn nhà thầu, ký văn bản thỏa thuận khung với một hoặc nhiều nhà thầu được lựa chọn làm cơ sở để đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.</p> <p>5. Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục mua sắm tập trung nhưng nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ cùng loại thì có thể gộp thành một gói thầu để một trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị mua sắm hoặc để đơn vị có chức năng mua sắm tập trung thực hiện việc mua sắm.</p> <p>6. Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở nhiệm vụ được giao hoặc hợp đồng ký với các đơn vị có nhu cầu.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định việc tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân và cơ sở y tế là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.</p> <p>Điều 54. Thỏa thuận khung</p> <p>1. Thỏa thuận khung trong mua sắm tập trung là thỏa thuận giữa đơn vị mua sắm tập trung với một hoặc nhiều nhà thầu được lựa chọn đối với</p>	<p>điểm b khoản này.</p> <p>2. Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Đơn vị mua sắm tập trung tổ chức lựa chọn nhà thầu theo một trong các hình thức quy định tại Điều 20 của Luật này.</p> <p>4. Mua sắm tập trung được thực hiện ở cấp quốc gia, cấp Bộ, cơ quan trung ương, địa phương cấp tỉnh và thực hiện theo một trong hai cách thức sau đây:</p> <p>a) Đơn vị mua sắm tập trung tiến hành lựa chọn nhà thầu, trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn;</p> <p>b) Đơn vị mua sắm tập trung tiến hành lựa chọn nhà thầu, ký văn bản thỏa thuận khung với một hoặc nhiều nhà thầu được lựa chọn làm cơ sở để đơn vị có nhu cầu mua sắm ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.</p> <p>5. Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục mua sắm tập trung nhưng nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ cùng loại thì có thể gộp thành một gói thầu để một trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị mua sắm hoặc để đơn vị có chức năng mua sắm tập trung thực hiện việc mua sắm. Việc mua sắm được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>6. Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở nhiệm vụ được giao</p>	
---	---	--

<p>gói thầu không chia phần hoặc đối với một phần của gói thầu chia phần.</p> <p>2. Thỏa thuận khung quy định nội dung và điều kiện để làm cơ sở cho việc mua sắm theo từng hợp đồng cụ thể.</p> <p>3. Thời hạn áp dụng thỏa thuận khung được quy định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng không quá 36 tháng. Tại thời điểm ký thỏa thuận khung, hồ sơ dự thầu của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>4. Đối với nhà thầu liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào thỏa thuận khung.</p>	<p>hoặc hợp đồng ký với các đơn vị có nhu cầu.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định việc tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân và cơ sở y tế là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.</p>	
<p>Điều 55. Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế</p>	<p>Điều 36. Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế</p>	
<p>1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo một trong các cách thức sau đây:</p> <p>a) Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm và nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm đó theo yêu cầu của chủ đầu tư; nhà thầu không chuyển giao quyền sở hữu, chỉ chuyển giao quyền sử dụng thiết bị y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>b) Lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật:</p>	<p>1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo một trong các cách thức sau đây:</p> <p>a) Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư y tế và nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp thiết bị y tế để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư y tế đó theo yêu cầu của chủ đầu tư; nhà thầu không chuyển giao quyền sở hữu, chỉ chuyển giao quyền sử dụng thiết bị y tế cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>b) Lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật:</p>	<p>- Kế thừa quy định của luật hiện hành đã được áp dụng ổn định, không phát sinh vướng mắc.</p> <p>- Bổ sung cụm từ “vật tư y tế” để bảo đảm phù hợp với pháp luật quản lý trang thiết bị y tế.</p>

<p>Nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện thay thế và các dịch vụ liên quan để vận hành thiết bị y tế theo số lượng dịch vụ kỹ thuật mà chủ đầu tư yêu cầu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, không cung cấp nhân công vận hành thiết bị y tế.</p> <p>Nhà thầu chỉ chuyên giao quyền sử dụng, không chuyển giao quyền sở hữu thiết bị y tế cho chủ đầu tư. Giá gói thầu và giá dự thầu được xác định trên cơ sở số lượng dịch vụ kỹ thuật dự kiến. Thời gian thực hiện hợp đồng không quá 05 năm;</p> <p>c) Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm: Nhà thầu chuyển giao quyền sở hữu thiết bị y tế và hóa chất, vật tư xét nghiệm cho chủ đầu tư kể từ khi hợp đồng giữa các bên có hiệu lực;</p> <p>d) Lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị y tế theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>đ) Lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm để vận hành thiết bị y tế đã có;</p> <p>e) Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>2. Đối với việc mua thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên của cơ sở y tế công lập, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ thì cơ sở y tế được tự quyết định mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.</p>	<p>Nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện thay thế và các dịch vụ liên quan để vận hành thiết bị y tế theo số lượng dịch vụ kỹ thuật mà chủ đầu tư yêu cầu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, không cung cấp nhân công vận hành thiết bị y tế.</p> <p>Nhà thầu chỉ chuyên giao quyền sử dụng, không chuyển giao quyền sở hữu thiết bị y tế cho chủ đầu tư. Giá gói thầu và giá dự thầu được xác định trên cơ sở số lượng dịch vụ kỹ thuật dự kiến. Thời gian thực hiện hợp đồng không quá 05 năm;</p> <p>c) Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm: Nhà thầu chuyển giao quyền sở hữu thiết bị y tế và hóa chất, vật tư xét nghiệm cho chủ đầu tư kể từ khi hợp đồng giữa các bên có hiệu lực;</p> <p>d) Lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị y tế theo quy định của pháp luật về đấu thầu;</p> <p>đ) Lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm để vận hành thiết bị y tế đã có;</p> <p>e) Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>2. Đối với việc mua thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà cơ sở bán lẻ thuốc trong khuôn viên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khám bệnh, chữa bệnh y tế công lập, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ thì cơ sở y tế được tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và chịu trách nhiệm toàn diện</p>	
---	---	--

<p>3. Trường hợp các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân, cơ sở y tế là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không chọn áp dụng quy định của Luật này đối với mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thì việc thanh toán từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>giải trình.</p> <p>3. Trường hợp các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân, cơ sở y tế là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không chọn áp dụng quy định của Luật này đối với để mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thì việc thanh toán từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
<p>Điều 56. Ưu đãi trong mua thuốc</p>	<p>Điều 37. Ưu đãi trong <i>dấu thầu</i> mua thuốc</p>	
<p>1. Việc ưu đãi trong mua thuốc thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Luật này và quy định sau đây:</p> <p>a) Đối với thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất đáp ứng về tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá thì chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào thuốc xuất xứ trong nước đối với mặt hàng này;</p> <p>b) Đối với thuốc được Bộ Y tế công bố có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp thì trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải quy định nhà thầu chỉ chào thầu thuốc xuất xứ trong nước.</p>	<p>1. Việc ưu đãi trong <i>dấu thầu</i> mua thuốc thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Luật này và quy định sau đây:</p> <p>a) Đối với thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất đáp ứng về tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá thì chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào thuốc xuất xứ trong nước đối với mặt hàng này;</p> <p>b) Đối với thuốc được Bộ Y tế công bố có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp thì trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải quy định nhà thầu chỉ chào thầu thuốc xuất xứ trong nước.</p>	<p>Kế thừa các quy định của Luật hiện hành đã được áp dụng ổn định, không phát sinh vướng mắc.</p>

2. Bộ Y tế có trách nhiệm công bố danh mục thuốc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.	2. Bộ Y tế có trách nhiệm công bố danh mục thuốc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.	
Điều 57. Lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công	Điều 38. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công	
Ngoài các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Chương II của Luật này, việc lựa chọn nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và hàng hóa, dịch vụ khác được thực hiện theo hình thức giao nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ.	Giữ nguyên	Kế thừa quy định của luật hiện hành đã được áp dụng ổn định, không phát sinh vướng mắc.
<p>Điều 58. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp</p> <p>1. Phương pháp giá thấp nhất:</p> <p>a) Phương pháp giá thấp nhất được áp dụng đối với gói thầu mà các đề xuất về kỹ thuật, tài chính, thương mại được coi là cùng một mặt bằng khi đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu;</p> <p>b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.</p> <p>2. Phương pháp giá đánh giá:</p> <p>a) Giá đánh giá là giá dự thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng với các yếu tố để quy đổi trên cùng một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa, công trình, dịch vụ phi tư vấn. Giá đánh</p>	<p>Điều 30. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất</p> <p><i>1. Phương pháp đánh giá đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp:</i></p> <p><i>a) Phương pháp giá thấp nhất được áp dụng đối với gói thầu mà các đề xuất về kỹ thuật, tài chính, thương mại được coi là cùng một mặt bằng khi đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất;</i></p> <p><i>b) Phương pháp giá đánh giá được áp dụng để lựa chọn nhà thầu trên cơ sở so sánh giá dự thầu và các yếu tố có thể quy đổi thành tiền nhằm xác định phương án mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Các yếu tố, phương pháp quy đổi và cách xác định giá đánh giá phải</i></p>	<p>- Gộp các quy định về phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu thành 01 quy định chung trên cơ sở kế thừa quy định của luật hiện hành (thay vì quy định riêng phương pháp đánh giá đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn).</p> <p>- Chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc (như khái niệm, nội hàm của phương pháp đánh giá) và giao Chính phủ quy định cụ thể, chi tiết việc áp dụng các phương pháp này tương ứng với từng loại gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, đảm bảo tính ổn định của luật.</p>

<p>giá dùng để xếp hạng hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn và gói thầu hỗn hợp áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế hoặc chào hàng cạnh tranh;</p> <p>b) Phương pháp giá đánh giá được áp dụng đối với gói thầu mà các chi phí quy đổi được trên cùng một mặt bằng về các yếu tố kỹ thuật, tài chính, thương mại cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa, công trình, dịch vụ phi tư vấn;</p> <p>c) Một hoặc các yếu tố được quy đổi trên cùng một mặt bằng để xác định giá đánh giá bao gồm: chi phí cần thiết để vận hành, bảo dưỡng và các chi phí khác liên quan đến lãi vay, tiền độ, chất lượng của hàng hóa, dịch vụ hoặc công trình xây dựng thuộc gói thầu; công suất, hiệu suất; kết quả thống kê, đánh giá việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó, bao gồm cả việc xem xét xuất xứ; đấu thầu bền vững và các yếu tố khác;</p> <p>d) Nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.</p> <p>3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:</p> <p>a) Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá có thể được áp dụng đối với gói thầu quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 1a Điều 31 của Luật này;</p> <p>b) Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm kỹ thuật và điểm giá. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ</p>	<p><i>được quy định trong hồ sơ mời thầu và được áp dụng thống nhất đối với các nhà thầu. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu và có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất;</i></p> <p><i>c) Phương pháp đánh giá kết hợp giữa kỹ thuật và giá được áp dụng đối với gói thầu quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 23 của Luật này. Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm kỹ thuật và điểm giá. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất;</i></p> <p><i>d) Phương pháp đánh giá dựa trên kỹ thuật được áp dụng đối với gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao. Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đạt điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất, được mời đến mở hồ sơ đề xuất tài chính, làm cơ sở để thương thảo hợp đồng.</i></p> <p>2. Phương pháp đánh giá đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn:</p> <p><i>a) Phương pháp giá thấp nhất được áp dụng đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có quy trình thực hiện rõ ràng theo các tiêu chuẩn có sẵn. Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất;</i></p>	
--	--	--

<p>nhất.</p> <p>3a. Phương pháp dựa trên kỹ thuật:</p> <p>a) Phương pháp dựa trên kỹ thuật có thể được áp dụng đối với gói thầu có yêu cầu sử dụng công nghệ hoặc sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về công nghệ cao;</p> <p>b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đạt điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất, được mời đến mở hồ sơ đề xuất tài chính, làm cơ sở để thương thảo hợp đồng.</p> <p>4. Đối với tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, sử dụng phương pháp chấm điểm hoặc tiêu chí đạt, không đạt. Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, phương pháp dựa trên kỹ thuật quy định tại khoản 3 và khoản 3a Điều này, sử dụng phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Khi sử dụng phương pháp chấm điểm, phải quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật.</p> <p>Điều 59. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn</p> <p>1. Phương pháp giá thấp nhất:</p> <p>a) Phương pháp giá thấp nhất được áp dụng đối</p>	<p><i>b) Phương pháp giá cố định được áp dụng đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, phạm vi công việc được xác định chính xác, chi phí thực hiện gói thầu được xác định hợp lý, cụ thể và cố định trong hồ sơ mời thầu. Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) không vượt giá gói thầu và có điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất;</i></p> <p><i>c) Phương pháp đánh giá kết hợp giữa kỹ thuật và giá được áp dụng đối với gói thầu tư vấn chú trọng tới cả chất lượng và chi phí thực hiện gói thầu. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất;</i></p> <p><i>d) Phương pháp đánh giá dựa trên kỹ thuật được áp dụng đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù. Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đạt điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất.</i></p>	
---	---	--

<p>với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có quy trình thực hiện rõ ràng theo các tiêu chuẩn có sẵn;</p> <p>b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.</p> <p>2. Phương pháp giá cố định:</p> <p>a) Phương pháp giá cố định được áp dụng đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, phạm vi công việc được xác định chính xác, chi phí thực hiện gói thầu được xác định hợp lý, cụ thể và cố định trong hồ sơ mời thầu;</p> <p>b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) không vượt giá gói thầu và có điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất.</p> <p>3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:</p> <p>a) Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá được áp dụng đối với gói thầu tư vấn chú trọng tới cả chất lượng và chi phí thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm kỹ thuật và điểm giá. Khi xây dựng điểm tổng hợp phải bảo đảm nguyên tắc tỷ trọng điểm về kỹ thuật từ 70% đến 80%, điểm về giá từ 20% đến 30% tổng số điểm của thang điểm tổng hợp; tỷ trọng điểm về kỹ thuật cộng với tỷ trọng điểm về giá bằng 100%. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng</p>		
--	--	--

<p>thứ nhất.</p> <p>4. Phương pháp dựa trên kỹ thuật:</p> <p>a) Phương pháp dựa trên kỹ thuật được áp dụng đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù;</p> <p>b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đạt điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất, được mời đến mở hồ sơ đề xuất tài chính, làm cơ sở để thương thảo hợp đồng.</p>		
<p>Điều 60. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn</p> <p>1. Nhà thầu tư vấn là tổ chức được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hợp lệ;</p> <p>b) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>c) Đối với phương pháp giá thấp nhất: có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất; đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói: có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất; đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật: có điểm kỹ thuật cao nhất; đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá: có điểm tổng hợp cao nhất;</p> <p>d) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.</p>	<p>Bỏ các Điều này</p>	<p>Nội dung này được lược bỏ tại dự thảo Luật và chuyển xuống quy định chi tiết tại Nghị định tương ứng với từng hình thức lựa chọn nhà thầu để bảo đảm tính ổn định của luật.</p>

<p>2. Nhà thầu tư vấn là cá nhân được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có hồ sơ lý lịch khoa học, đề xuất kỹ thuật (nếu có) tốt nhất và đáp ứng yêu cầu của điều khoản tham chiếu;</p> <p>b) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.</p> <p>3. Đối với nhà thầu không được lựa chọn, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu lý do nhà thầu không trúng thầu.</p> <p>Điều 61. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp</p> <p>1. Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hợp lệ;</p> <p>b) Có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>c) Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>d) Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>đ) Đối với phương pháp giá thấp nhất: có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất; đối với phương pháp giá đánh giá: có giá đánh giá</p>		
--	--	--

<p>thấp nhất; đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá: có điểm tổng hợp cao nhất; đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật: có điểm kỹ thuật cao nhất;</p> <p>e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Đối với gói thầu xây lắp, trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu thấp bất thường so với giá gói thầu, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu giải trình, làm rõ tính khả thi, hợp lý của giá dự thầu đã chào để làm cơ sở đánh giá đáp ứng hoặc loại bỏ hồ sơ dự thầu theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Đối với nhà thầu không được lựa chọn, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu lý do nhà thầu không trúng thầu.</p>		
<p>Điều 62. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu</p>	<p>Điều 34. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất</p>	
<p>1. Phương pháp đánh giá lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước được áp dụng để đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và hiệu quả phương án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất, bao gồm hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.</p> <p>2. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được thực hiện trên cơ sở các tiêu chuẩn sau đây:</p> <p>a) Tiêu chuẩn đánh giá năng lực của nhà đầu tư gồm: khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu, trừ trường hợp quy định tại điểm a1 khoản này; khả năng huy động vốn vay, nguồn vốn hợp</p>	<p>1. Phương pháp đánh giá lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước được áp dụng để đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và hiệu quả phương án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất, bao gồm hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá quy định tại khoản 2 Điều này. Phương pháp đánh giá quy định tại khoản này được thực hiện theo thang điểm hoặc đạt, không đạt.</p> <p>2. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư được thực hiện trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực; phương án</p>	<p>Kế thừa quy định hiện hành về phương pháp đánh giá lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước áp dụng đối với hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư (đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và hiệu quả phương án đầu tư kinh doanh, hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương).</p> <p>Sửa bổ sung việc đánh giá được thực hiện theo thang điểm hoặc đạt, không đạt trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá quy định tại khoản 2 Điều này, bảo đảm minh bạch, linh hoạt trong lựa chọn nhà đầu tư.</p>

<p>pháp khác.</p> <p>Trường hợp liên danh, năng lực của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;</p> <p>a1) Các nhà đầu tư sau đây không phải chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu: doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;</p> <p>b) Tiêu chuẩn đánh giá phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư, trong đó bao gồm các tiêu chuẩn về kỹ thuật, xã hội, môi trường;</p> <p>c) Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.</p> <p>3. Đối với dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu đặc thù về điều kiện đầu tư kinh doanh, quản lý, phát triển ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý ngành, lĩnh vực thì hồ sơ mời thầu xác định tiêu chí cố định trong số các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều</p>	<p><i>đầu tư kinh doanh; hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương hoặc tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. sau đây:</i></p> <p>a) Tiêu chuẩn đánh giá năng lực của nhà đầu tư gồm: khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu, trường hợp quy định tại điểm a1 khoản này; khả năng huy động vốn vay, nguồn vốn hợp pháp khác.</p> <p>Trường hợp liên danh, năng lực của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;</p> <p>a1) Các nhà đầu tư sau đây không phải chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu: doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao;</p> <p>b) Tiêu chuẩn đánh giá phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư, trong đó bao gồm các tiêu chuẩn về kỹ thuật, xã hội, môi trường;</p>	
---	---	--

<p>này.</p> <p>4. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu được xây dựng theo thang điểm 100 hoặc 1.000. Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm năng lực, kinh nghiệm, điểm phương án đầu tư kinh doanh và điểm hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương. Nhà đầu tư đáp ứng điểm tối thiểu của từng tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.</p> <p>4a. Đối với trường hợp dự án áp dụng lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài cam kết chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư, đối tác trong nước thì được hưởng ưu đãi khi đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p>4b. Đối với dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, đánh giá đề xuất của nhà đầu tư theo phương pháp đạt, không đạt trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này.</p> <p>4c. Trường hợp sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu mà có từ hai nhà đầu tư trở lên có điểm tổng hợp ngang nhau thì ưu tiên nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự.</p> <p>Các nhà đầu tư là các tổ chức, doanh nghiệp quy định tại điểm a1 khoản 2 Điều này được sử dụng dự án, công trình do mình trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh</p>	<p>e) Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.</p> <p>3. Đối với dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu đặc thù về điều kiện đầu tư kinh doanh, quản lý, phát triển ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý ngành, lĩnh vực thì hồ sơ mời thầu xác định tiêu chí cố định trong số các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu được xây dựng theo thang điểm 100 hoặc 1.000. Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm năng lực, kinh nghiệm, điểm phương án đầu tư kinh doanh và điểm hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương. Nhà đầu tư đáp ứng điểm tối thiểu của từng tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.</p> <p>4a. Đối với trường hợp dự án áp dụng lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài cam kết chuyển giao công nghệ cho nhà đầu tư, đối tác trong nước thì được hưởng ưu đãi khi đánh giá hồ sơ dự thầu.</p> <p>4b. Đối với dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, đánh giá đề xuất của nhà đầu tư theo phương pháp đạt, không đạt trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này.</p>	
---	--	--

<p>nghiệm thực hiện dự án tương tự khi tham dự thầu.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>4c. Trường hợp sau khi đánh giá hồ sơ dự thầu mà có từ hai nhà đầu tư trở lên có điểm tổng hợp ngang nhau thì ưu tiên nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự.</p> <p>Các nhà đầu tư là các tổ chức, doanh nghiệp quy định tại điểm a1 khoản 2 Điều này được sử dụng dự án, công trình do mình trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự khi tham dự thầu.</p>	
<p>Điều 63. Xét duyệt trúng thầu</p>		
<p>1. Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có hồ sơ dự thầu hợp lệ;</p> <p>b) Đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm;</p> <p>c) Đáp ứng yêu cầu về phương án đầu tư kinh doanh;</p> <p>d) Đáp ứng yêu cầu về hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương;</p> <p>đ) Có điểm tổng hợp về năng lực, kinh nghiệm, phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương cao nhất.</p> <p>2. Đối với nhà đầu tư không được lựa chọn,</p>	<p>Bỏ Điều này</p>	<p>Nội dung này được lược bỏ tại dự thảo Luật và chuyển xuống quy định chi tiết tại Nghị định tương ứng với từng hình thức lựa chọn nhà thầu để bảo đảm tính ổn định của luật.</p>

thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu lý do nhà đầu tư không trúng thầu.		
Điều 64. Loại hợp đồng	Điều 40. Loại hợp đồng	
<p>1. Hợp đồng trọn gói:</p> <p>a) Hợp đồng trọn gói được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu, phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu được xác định rõ, ít có khả năng thay đổi về khối lượng, yêu cầu kỹ thuật, các điều kiện không lường trước được; gói thầu chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá nhưng các bên tham gia hợp đồng xác định được khả năng quản lý rủi ro, quản lý thay đổi phát sinh hoặc xác định được các tính chất, đặc điểm của sản phẩm đầu ra, bao gồm cả hợp đồng EPC và hợp đồng chìa khóa trao tay;</p> <p>b) Khi áp dụng hợp đồng trọn gói, giá gói thầu làm căn cứ xét duyệt trúng thầu bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu trong gói thầu. Giá dự thầu phải bao gồm tất cả chi phí cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm của nhà thầu trong việc thực hiện gói thầu;</p> <p>c) Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công</p>	<p>1. Hợp đồng trọn gói là <i>hợp đồng trong đó giá hợp đồng được xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng và không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng với nội dung, phạm vi công việc, yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, tiến độ thực hiện và các điều khoản khác đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, trừ sự kiện bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản, thay đổi phạm vi công việc hoặc các trường hợp khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật dẫn đến giá hợp đồng thay đổi;</i></p> <p>2. <i>Hợp đồng theo đơn giá cố định là hợp đồng trong đó đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện, trừ sự kiện bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản, thay đổi phạm vi công việc, các trường hợp khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật hoặc các trường hợp theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</i></p> <p><i>Giá hợp đồng tại thời điểm ký kết hợp đồng được xác định trên cơ sở số lượng, khối lượng công việc, đơn giá cố định theo hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh được xác định theo quy định của pháp luật;</i></p>	<p>- Kế thừa quy định hiện hành, và chỉnh lý kỹ thuật để phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, Luật chỉ quy định nguyên tắc chung về loại hợp đồng, bảo đảm đồng bộ với pháp luật dân sự, xây dựng và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>- Bổ sung gói thầu bảo hiểm tài sản được áp dụng loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm để bao quát các hợp đồng bảo hiểm theo pháp luật về bảo hiểm phát sinh trong thực tiễn khi triển khai dự án, dự toán mua sắm.</p>

việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi;

d) Việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với giai đoạn thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định:

a) Hợp đồng theo đơn giá cố định được áp dụng đối với gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu bản chất công việc đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định được chính xác số lượng, khối lượng công việc thực tế phải hoàn thành. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên số lượng, khối lượng công việc, đơn giá cố định theo hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh được xác định theo quy định của pháp luật;

b) Hợp đồng theo đơn giá cố định có đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu và đơn giá cố định quy định tại hợp đồng.

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

a) Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh được áp dụng đối với gói thầu có thời gian thực hiện dài

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh là hợp đồng trong đó đơn giá, giá hợp đồng có thể được điều chỉnh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.

Giá hợp đồng tại thời điểm ký kết hợp đồng được xác định trên cơ sở số lượng, khối lượng công việc với đơn giá tại thời điểm ký kết hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh, chi phí dự phòng trượt giá (nếu có). Phương pháp điều chỉnh đơn giá, giá hợp đồng, chi phí dự phòng trượt giá được các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Hợp đồng theo thời gian là hợp đồng có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị; dịch vụ tư vấn khi khó ~~được~~ xác định được phạm vi và thời gian thực hiện dịch vụ. Giá hợp đồng được tính trên cơ sở đơn giá cho đơn vị thời gian, mức lương đã thỏa thuận theo giờ, ngày, tuần hoặc tháng nêu trong hợp đồng và chi phí phát sinh ~~hợp lý có thể bồi hoàn~~ khác theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng.

5. Hợp đồng theo chi phí cộng phí được là hợp đồng áp dụng đối với công việc, dịch vụ gói thầu mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc, nhu cầu cần thiết về các yếu tố, chi phí đầu vào để thực hiện các công việc dự kiến của hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên thỏa thuận về chi phí quản lý, chi phí chung, lợi nhuận,

<p>và có rủi ro biến động giá đối với các chi phí đầu vào để thực hiện hợp đồng, có thể tác động tiêu cực đến việc thực hiện gói thầu nếu áp dụng đơn giá cố định. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh có đơn giá, giá hợp đồng có thể được điều chỉnh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên cơ sở số lượng, khối lượng công việc cần thiết với đơn giá cơ sở theo hợp đồng và chi phí dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc có thể phát sinh, chi phí dự phòng trượt giá. Nội dung hợp đồng phải quy định phương pháp tính trượt giá và chi phí dự phòng trượt giá theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu và đơn giá quy định tại hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh (nếu có).</p> <p>4. Hợp đồng theo thời gian:</p> <p>Hợp đồng theo thời gian có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị; dịch vụ tư vấn khi khó xác định được phạm vi và thời gian thực hiện dịch vụ. Giá hợp đồng được tính trên cơ sở đơn giá cho đơn vị thời gian, mức lương đã thỏa thuận theo giờ, ngày, tuần hoặc tháng nêu trong hợp đồng và chi phí phát sinh hợp lý có thể bồi hoàn.</p> <p>5. Hợp đồng theo chi phí cộng phí:</p> <p>Hợp đồng theo chi phí cộng phí được áp dụng</p>	<p>phương pháp tính theo chi phí trực tiếp; phương pháp, cách thức xác định chi phí trực tiếp làm căn cứ để tính toán theo chi phí trực tiếp và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.</p> <p>6. Hợp đồng theo kết quả đầu ra được áp dụng đối với là hợp đồng thực hiện công việc, dịch vụ mà việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện hợp đồng được nghiệm thu về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác. Hợp đồng phải nêu rõ quy định yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra, mức giảm trừ thanh toán, quy định về điều chỉnh giá (nếu có) và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.</p> <p>7. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm là hợp đồng có giá căn cứ theo tỷ lệ phần trăm của giá trị công việc cần thực hiện. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm tài sản, bảo hiểm công trình mà giá trị hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu.</p> <p>8. Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng có nội dung kết hợp các loại hợp đồng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này cho các phần công việc khác nhau thuộc phạm vi công việc của hợp đồng. Hợp đồng hỗn hợp phải quy định rõ phạm vi công việc áp dụng đối với từng loại hợp đồng tương ứng và các nội dung bổ sung, điều chỉnh liên quan khi áp dụng đồng thời nhiều loại hợp đồng đối với một nội</p>	
---	---	--

<p>đối với công việc, dịch vụ mà tại thời điểm lựa chọn nhà thầu chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc, nhu cầu cần thiết về các yếu tố, chi phí đầu vào để thực hiện các công việc dự kiến của hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên thỏa thuận về chi phí quản lý, chi phí chung, lợi nhuận, phương pháp tính theo chi phí trực tiếp; phương pháp xác định chi phí trực tiếp làm căn cứ để tính toán chi phí trực tiếp và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.</p> <p>6. Hợp đồng theo kết quả đầu ra:</p> <p>Hợp đồng theo kết quả đầu ra được áp dụng đối với công việc, dịch vụ mà việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện hợp đồng được nghiệm thu về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác. Hợp đồng phải nêu rõ yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra, mức giảm trừ thanh toán, quy định về điều chỉnh giá (nếu có) và các nội dung khác để thực hiện hợp đồng.</p> <p>7. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm:</p> <p>Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm công trình mà giá trị hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu.</p> <p>8. Hợp đồng hỗn hợp:</p> <p>Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng có nội dung kết hợp các loại hợp đồng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này. Hợp đồng hỗn hợp phải quy định rõ phạm vi công việc áp</p>	<p>dụng công việc, dịch vụ. Việc thanh toán đối với hợp đồng hỗn hợp phải phù hợp với quy định thanh toán theo từng loại hợp đồng cho phạm vi công việc thực hiện.</p>	
---	---	--

<p>dụng đối với từng loại hợp đồng tương ứng và các nội dung bổ sung, điều chỉnh liên quan khi áp dụng đồng thời nhiều loại hợp đồng đối với một nội dung công việc, dịch vụ. Việc thanh toán đối với hợp đồng hỗn hợp phải phù hợp với quy định thanh toán theo từng loại hợp đồng cho phạm vi công việc thực hiện.</p>		
<p>Điều 65. Hồ sơ hợp đồng với nhà thầu</p> <p>1. Hồ sơ hợp đồng với nhà thầu bao gồm các tài liệu sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>c) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>2. Ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo quy mô, tính chất của gói thầu, hồ sơ hợp đồng có thể bao gồm một hoặc một số tài liệu sau đây:</p> <p>a) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>b) Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;</p> <p>d) Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn;</p>	<p>Điều 39. Nguyên tắc, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng</p> <p><i>1. Hợp đồng là thỏa thuận bằng văn bản giữa chủ đầu tư và nhà thầu (sau đây gọi tắt là hợp đồng với nhà thầu) về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ để thực hiện gói thầu.</i></p> <p><i>2. Nội dung hợp đồng được các bên thỏa thuận phải phù hợp với hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và quy định của pháp luật. Hợp đồng phải quy định cụ thể phạm vi, giá trị phần công việc dành cho nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).</i></p> <p><i>3. Các điều kiện ký kết hợp đồng:</i></p> <p><i>a) Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu, cam kết thực hiện gói thầu của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, tại thời điểm ký kết, thỏa thuận khung còn hiệu lực;</i></p>	<p>- Điều này được sửa đổi, bổ sung theo hướng làm rõ về nguyên tắc, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng để bảo đảm hợp đồng được thỏa thuận giữa các bên phù hợp với điều kiện lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đã được quy định tại hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>- Bổ sung nguyên tắc trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật quản lý ngành, lĩnh vực về cùng một vấn đề liên quan đến việc ký kết, thực hiện hợp đồng với nhà thầu, nhà đầu tư thì thực hiện theo luật quản lý ngành, lĩnh vực; trường hợp luật quản lý ngành, lĩnh vực không có quy định thì áp dụng Luật này” để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.</p> <p>- Bổ sung nội dung hợp đồng phải quy định cụ thể phạm vi, giá trị phần công việc dành cho nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) để làm cơ sở xác định hành vi sử dụng nhà thầu phụ bất hợp pháp.</p>

<p>đ) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>e) Tài liệu khác có liên quan.</p> <p>Điều 66. Điều kiện ký kết hợp đồng</p> <p>1. Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, tại thời điểm ký kết, thỏa thuận khung còn hiệu lực.</p> <p>2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>	<p><i>b) Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu của gói thầu;</i></p> <p><i>c) Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</i></p> <p><i>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</i></p> <p><i>4. Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác về cùng một vấn đề liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng với nhà thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, trừ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</i></p> <p><i>5. Chủ đầu tư ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng với nhà thầu; ký kết và quản lý thỏa thuận khung đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung; thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng đã ký kết.</i></p>	
<p>Điều 67. Ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn</p>		
<p>Việc ký kết hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu được thực hiện như sau:</p> <p>1. Một gói thầu được thực hiện theo một hợp đồng; trong một hợp đồng có thể áp dụng một hoặc nhiều loại hợp đồng quy định tại Điều 64 của Luật này; đối với gói thầu mua sắm tập</p>	<p>Bổ quy định này</p>	<p>Nội dung này sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ để bảo đảm tính linh hoạt đối với các nội dung mang tính kỹ thuật.</p>

<p>trung hoặc gói thầu chia thành nhiều phần, một gói thầu có thể thực hiện theo nhiều hợp đồng tương ứng với một hoặc một số phần. Trường hợp áp dụng nhiều loại hợp đồng thì phải quy định rõ loại hợp đồng tương ứng với từng nội dung công việc cụ thể;</p> <p>2. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, trong đó nêu rõ phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) và giá trị công việc tối đa dành cho nhà thầu phụ. Giá trị công việc tối đa dành cho nhà thầu phụ không bao gồm khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt;</p> <p>3. Đối với nhà thầu liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng; đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, tất cả thành viên tham gia liên danh trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng hoặc thành viên liên danh ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng với đơn vị có nhu cầu mua sắm theo phân công tại thỏa thuận liên danh;</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
Điều 68. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	Điều 41. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	
<p>1. Nhà thầu phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng:</p>	<p>1. Nhà thầu phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng:</p>	<p>- Kế thừa quy định của luật hiện hành đã áp dụng ổn định không phát sinh vướng mắc.</p> <p>- Chính lý kỹ thuật để làm rõ các trường hợp</p>

<p>a) Đặt cọc;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;</p> <p>b) Nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện hoặc hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng;</p> <p>c) Nhà thầu thực hiện gói thầu có giá gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu.</p> <p>3. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>4. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo mức xác định từ 2% đến 10% giá hợp đồng.</p> <p>5. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp có</p>	<p>a) Đặt cọc;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến phải chấm dứt hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo thỏa thuận của các bên.</p> <p>3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn, trừ các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;</p> <p>b) Nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện hoặc hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng;</p> <p>c) Gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu theo quy</p>	<p>nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trên cơ sở tôn trọng thỏa thuận giữa các bên, làm cơ sở áp dụng thống nhất trong thực thi.</p> <p>- Đối với các nội dung về kỹ thuật (giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời điểm thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng...) sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn, bảo đảm tính ổn định của luật.</p>
---	---	--

<p>quy định về bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>6. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>	<p><i>định tại điểm e khoản 6 Điều 20 của Luật này.</i></p> <p>e) Nhà thầu thực hiện gói thầu có giá gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu.</p> <p>3. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>4. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo mức xác định từ 2% đến 10% giá hợp đồng.</p> <p>5. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp có quy định về bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.</p>	
<p>Điều 69. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng</p>		
<p>1. Các bên ký kết hợp đồng có trách nhiệm thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.</p> <p>2. Bảo đảm trung thực, hợp tác và đúng pháp luật.</p> <p>3. Không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, cộng đồng và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Bổ quy định này</p>	<p>Lược bỏ nội dung này để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật, đồng thời tôn trọng thỏa thuận giữa các bên trong thực hiện hợp đồng.</p>

Điều 70. Sửa đổi hợp đồng	Điều 42. Sửa đổi hợp đồng	
<p>1. Sửa đổi hợp đồng có thể thực hiện trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Các trường hợp do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>b) Trường hợp hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của chủ đầu tư.</p> <p>2. Nội dung sửa đổi hợp đồng có thể bao gồm: khối lượng, tiến độ, giá, áp dụng tùy chọn mua thêm và các nội dung khác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Đối với việc sửa đổi về tiến độ, khối lượng, giá chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng, trừ trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm.</p> <p>3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p>	<p>1. Sửa. Trong thời gian có hiệu lực của các loại hợp đồng quy định tại Điều 40 của Luật này, các bên thỏa thuận sửa đổi, hợp đồng có thể thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Các trường hợp do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>b) Trường hợp hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của chủ đầu tư.</p> <p>a) Điều kiện do các bên thỏa thuận tại hợp đồng không trái với quy định của pháp luật;</p> <p>b) Xảy ra sự kiện bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>2. Nội dung sửa đổi hợp đồng có thể bao gồm : khối lượng, tiến độ, giá, áp dụng tùy chọn mua thêm và các nội dung khác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Đối với việc sửa đổi về tiến độ, khối lượng, giá chỉ áp dụng trong</p>	<p>- Điều này được sửa đổi, bổ sung theo hướng chỉ quy định về điều kiện sửa đổi hợp đồng; đồng thời đối với các nội dung khác, các bên được quyền thỏa thuận phù hợp với pháp luật dân sự, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.</p> <p>- Các nội dung mang tính kỹ thuật sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn để bảo đảm tính ổn định của luật.</p>

<p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.</p> <p>4. Khi sửa đổi hợp đồng làm thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không vượt thời gian thực hiện dự án hoặc vượt giá gói thầu (bao gồm dự phòng) được duyệt nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm thì chủ đầu tư xem xét, quyết định. Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm. Trường hợp dự án, dự toán mua sắm gồm nhiều gói thầu, tổng giá hợp đồng sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm.</p> <p>5. Các bên không phải ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng đối với trường hợp thay đổi giá hợp đồng, khối lượng và nội dung khác đã được quy định trong hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều</p>	<p>thời gian thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng, trừ trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm.</p> <p>3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.</p> <p>2. Khi sửa đổi hợp đồng làm thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không vượt thời gian thực hiện dự án hoặc vượt giá gói thầu (bao</p>	
--	--	--

<p>kiện sau đây:</p> <p>a) Không vượt giá gói thầu ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu; trường hợp dự toán gói thầu được phê duyệt sau khi có kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì không vượt dự toán gói thầu;</p> <p>b) Không vượt thời gian thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng;</p> <p>c) Phương pháp, công thức, hạng mục và các nội dung cần thiết để điều chỉnh đã quy định trong hợp đồng.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>gồm dự phòng) được duyệt nhưng không làm vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm thì chủ đầu tư xem xét, quyết định. Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm. Trường hợp dự án, dự toán mua sắm gồm nhiều gói thầu, tổng giá hợp đồng sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm.</p> <p>4. Các bên không phải ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng đối với trường hợp thay đổi giá hợp đồng, khối lượng và nội dung khác đã được quy định trong hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không vượt giá gói thầu ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu; trường hợp dự toán gói thầu được phê duyệt sau khi có kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì không vượt dự toán gói thầu;</p> <p>b) Không vượt thời gian thực gói thầu hiện ghi trong hợp đồng;</p> <p>c) Phương pháp, công thức, hạng mục và các nội dung cần thiết để điều chỉnh đã quy định trong hợp đồng.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
<p>Điều 71. Ký kết hợp đồng và nguyên tắc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh</p>	<p>Điều 43. Nguyên tắc, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh</p>	
<p>1. Việc ký kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực;</p>	<p>1. Hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh là thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư trúng thầu thành lập (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.</p>	<p>Kế thừa quy định về điều kiện, nguyên tắc ký kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.</p> <p>Sửa bổ sung 'hồ sơ đề xuất', 'hồ sơ yêu cầu' để đồng bộ với các hình thức lựa chọn nhà đầu tư</p>

<p>b) Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.</p> <p>2. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và biên bản đàm phán, hoàn thiện hợp đồng.</p> <p>3. Cơ quan có thẩm quyền hoặc bên mời thầu (trong trường hợp được ủy quyền) ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng.</p> <p>4. Việc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 69 của Luật này.</p>	<p>2. Việc ký kết hợp đồng được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu phải ràng buộc quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư trong triển khai thực hiện dự án nhằm đáp ứng các điều kiện, tính chất đặc thù về thi công xây dựng, quản lý vận hành công trình dự án, phương án đầu tư kinh doanh và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p><i>Đối với dự án đầu tư kinh doanh không yêu cầu phải ký kết hợp đồng theo quy định tại khoản này, nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, kinh doanh bất động sản, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật có liên quan.</i></p> <p>3. Nội dung hợp đồng được các bên thỏa thuận phải phù hợp với nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, kết quả đàm phán, hợp đồng, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và các nội dung khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>4. Việc ký kết hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: Các điều kiện ký kết hợp đồng:</p> <p>a) Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề</p>	<p>(đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư trường hợp đặc biệt).</p> <p>Kế thừa quy định về chủ thể ký hợp đồng (cơ quan có thẩm quyền hoặc bên mời thầu trong trường hợp được ủy quyền) và trách nhiệm ký của các thành viên liên danh trong trường hợp nhà đầu tư liên danh.</p>
--	---	---

	<p><i>xuất của nhà đầu tư, cam kết thực hiện dự án đầu tư kinh doanh</i> của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực;</p> <p>b) Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, <i>hồ sơ yêu cầu, yêu cầu của dự án đầu tư kinh doanh</i>.</p> <p>2. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và biên bản đàm phán, hoàn thiện hợp đồng.</p> <p>3. Cơ quan có thẩm quyền hoặc bên mời thầu (trong trường hợp được ủy quyền) ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng.</p> <p>4. Việc thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 69 của Luật này.</p> <p><i>5. Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác về cùng một vấn đề liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh thì thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, trừ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.</i></p> <p><i>6. Người có thẩm quyền ký kết hoặc phân cấp cho bên mời thầu ký kết và quản lý hợp đồng</i></p>	
--	---	--

	<i>với nhà đầu tư.</i>	
Điều 72. Hồ sơ hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh		
<p>Hồ sơ hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh bao gồm các tài liệu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản hợp đồng; 2. Phụ lục hợp đồng (nếu có); 3. Biên bản đàm phán, hoàn thiện hợp đồng; 4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư; 5. Hồ sơ dự thầu và tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn; 6. Hồ sơ mời thầu và tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu; 7. Tài liệu khác có liên quan. 	Bổ quy định này	Được tích hợp vào Điều 43 dự thảo Luật và giao chính phủ quy định chi tiết.
Điều 73. Nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh		
<ol style="list-style-type: none"> 1. Hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Thông tin về các bên ký kết hợp đồng, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, thời hạn hợp đồng; b) Thông tin về dự án đầu tư kinh doanh, bao gồm: mục tiêu, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án; quy mô và tổng vốn đầu tư; điều kiện sử dụng đất và tài nguyên khác (nếu có); phương 	Bổ Điều này	Được tích hợp vào Điều 43 dự thảo Luật và giao chính phủ quy định chi tiết.

<p>án, yêu cầu về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức xây dựng công trình phụ trợ (nếu có); bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường; trường hợp bất khả kháng và phương án xử lý trong trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Trách nhiệm thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức xây dựng công trình phụ trợ (nếu có); giao đất, cho thuê đất (nếu có);</p> <p>d) Nghĩa vụ của nhà đầu tư trong việc thực hiện các cam kết đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu; việc thành lập doanh nghiệp để quản lý dự án đầu tư kinh doanh (nếu có);</p> <p>đ) Bảo đảm thực hiện hợp đồng; các nguyên tắc, điều kiện sửa đổi, chấm dứt hợp đồng; chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của các bên;</p> <p>e) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng và cơ chế giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		
<p>Điều 74. Thời hạn hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh</p>		
<p>1. Thời hạn hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh là khoảng thời gian thực hiện hợp đồng được xác định trong hợp đồng ký kết giữa các bên.</p> <p>2. Thời hạn hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh được tính từ thời điểm hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh có hiệu lực cho đến khi nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ thực hiện các cam kết đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu và các nghĩa vụ</p>	<p>Bỏ Điều này</p>	<p>Nội dung này được lược bỏ tại dự thảo Luật và chuyển xuống quy định chi tiết tại Nghị định để bảo đảm tính ổn định của luật.</p>

khác theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh. 3. Hết thời hạn hợp đồng, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.		
Điều 75. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh	Điều 44. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh	
<p>1. Nhà đầu tư phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực:</p> <p>a) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>b) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án đầu tư kinh doanh, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu theo mức xác định từ 1% đến 3% tổng vốn đầu tư.</p> <p>3. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng được ký chính thức đến ngày chấm dứt hợp đồng. Trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>	<p>1. Nhà đầu tư phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực:</p> <p>a) Ký quỹ;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>2. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án đầu tư kinh doanh, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu theo mức xác định từ 1% đến 3% tổng vốn đầu tư.</p> <p>3. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng được ký chính thức đến ngày chấm dứt hợp đồng. Trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực</p>	<p>Kế thừa quy định hiện hành về hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh, và bổ sung hình thức ký quỹ để phù hợp với thực tiễn. nội dung này đang được áp dụng ổn định, không phát sinh vướng mắc.</p> <p>- Đối với các nội dung về kỹ thuật (giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời điểm thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng...) sẽ được quy định tại Nghị định hướng dẫn, bảo đảm tính ổn định của luật.</p>

<p>4. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà đầu tư nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>	<p>của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p> <p>2. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng <i>dẫn đến phải chấm dứt hợp đồng;</i></p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà đầu tư nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p><i>d) Các trường hợp khác theo thỏa thuận của các bên.</i></p>	
<p>Điều 76. Sửa đổi hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh</p>	<p>Điều 45. Sửa đổi hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh</p>	
<p>1. Hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh được sửa đổi trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Điều chỉnh dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư dẫn đến thay đổi nội dung hợp đồng đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>Việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp này chỉ được thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Nhà đầu tư phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện sau khi điều chỉnh dự án đầu tư kinh doanh;</p> <p>b) Chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh</p>	<p><i>Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng,</i> hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh được sửa đổi <i>khi thuộc một</i> trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Điều chỉnh dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư dẫn đến thay đổi nội dung hợp đồng đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>Việc sửa đổi hợp đồng trong trường hợp này chỉ được thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Nhà đầu tư phải bảo đảm đáp ứng năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện sau khi điều chỉnh dự án đầu tư kinh doanh</p>	<p>Kế thừa quy định về các trường hợp sửa đổi hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh: (i) điều chỉnh dự án đầu tư kinh doanh theo pháp luật về đầu tư dẫn đến thay đổi nội dung hợp đồng; (ii) chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh theo pháp luật về đầu tư; (iii) trường hợp khác được các bên thỏa thuận.</p> <p>Đồng thời, làm rõ cơ chế điều chỉnh hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản, tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh hợp đồng, bảo đảm đồng bộ với pháp luật về xây dựng, pháp luật về dân sự, thương mại</p>

<p>theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Trường hợp khác được các bên thỏa thuận tại hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Việc chuyển nhượng phải được người có thẩm quyền chấp thuận;</p> <p>b) <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>c) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cam kết kế thừa toàn bộ các quyền, nghĩa vụ của bên chuyển nhượng theo quy định tại hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.</p>	<p>2. Chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Trường hợp khác được các bên thỏa thuận tại hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật <i>về đầu tư, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</i></p> <p>2. Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Việc chuyển nhượng phải được người có thẩm quyền chấp thuận;</p> <p>b) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng cam kết kế thừa toàn bộ các quyền, nghĩa vụ của bên chuyển nhượng theo quy định tại hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.</p>	<p>Lược bỏ quy định về chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh do vấn đề này đã được quy định, bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật khác có liên quan.</p>
<p>Điều 77. Trách nhiệm của người có thẩm quyền</p>	<p>Điều 46. Quyền và nghĩa vụ và trách nhiệm của người có thẩm quyền</p>	
<p>1. Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 36 của Luật này.</p> <p>2. <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>3. <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>4. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Hủy thầu đối với trường hợp quy định tại các</p>	<p>1. Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 36 của Luật này.</p> <p><i>1. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư, bên mời thầu trong hoạt động đấu thầu đối với các dự án, dự án đầu tư kinh doanh, dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý.</i></p> <p><i>2. Thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm</i></p>	<p>- Lược bỏ khoản 1 Điều này do Luật đã bỏ quy định về kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu.</p> <p>- Kế thừa trách nhiệm của người có thẩm quyền theo quy định hiện hành, đồng thời, phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động đấu thầu.</p> <p>- Lồng ghép trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư vào các quy định tương ứng của dự thảo Luật, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm</p>

<p>điểm b, c, d khoản 1 và các điểm b, c, d khoản 2 Điều 17 của Luật này.</p> <p>6. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy định của Luật này.</p> <p>7. Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác đấu thầu, thực hiện hợp đồng.</p> <p>8. Đối với lựa chọn nhà thầu, ngoài trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6 và 7 Điều này, người có thẩm quyền còn có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Điều chỉnh nhiệm vụ và thẩm quyền của chủ đầu tư trong trường hợp không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các yêu cầu của dự án, gói thầu;</p> <p>b) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu và công việc quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này;</p> <p>c) Có ý kiến đối với việc xử lý tình huống trong trường hợp phức tạp theo đề nghị của chủ đầu tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều 88 của Luật này.</p> <p>9. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, ngoài trách nhiệm quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này, người có thẩm quyền còn có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Đại diện cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>b) Quyết định giao đơn vị có nhân sự đáp ứng</p>	<p><i>quyền quy định tại Luật này; không được lợi dụng quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</i></p> <p><i>3. Quyết định giao, thay đổi, điều chỉnh nhiệm vụ và thẩm quyền của chủ đầu tư, bên mời thầu trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu.</i></p> <p><i>4. Phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh theo quy trình, thủ tục và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đấu thầu quy định tại Luật này; phân cấp cho bên mời thầu phê duyệt bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.</i></p> <p><i>5. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>6. Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</i></p>	<p>và khả thi trong thực hiện.</p> <p>- Tăng cường phân cấp trách nhiệm của người có thẩm quyền cho bên mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư, cho chủ đầu tư trong lựa chọn nhà thầu.</p>
--	--	---

<p>yêu cầu thực hiện công tác lựa chọn nhà đầu tư làm bên mời thầu; trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn nhà thầu tư vấn để thực hiện một số nhiệm vụ của bên mời thầu;</p> <p>c) Phê duyệt hồ sơ mời quan tâm; phê duyệt hồ sơ mời thầu hoặc ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu;</p> <p>d) Phê duyệt kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>đ) Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu;</p> <p>e) Ký kết hợp đồng trên cơ sở chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức quản lý hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn;</p> <p>g) Yêu cầu bên mời thầu cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu và công việc quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.</p> <p>10. Giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.</p> <p>11. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>		
--	--	--

Điều 78. Trách nhiệm của chủ đầu tư	Điều 47. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ đầu tư	
<p>1. Phê duyệt các nội dung sau đây:</p> <p>a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;</p> <p>b) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, danh sách ngắn;</p> <p>c) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;</p> <p>d) Kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>1a. Trả lời làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>1b. Yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong quá trình đánh giá hồ sơ.</p> <p>2. Tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này (nếu có).</p> <p>3. Ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng với nhà thầu; ký kết và quản lý thỏa thuận khung đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung; thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng đã ký kết.</p> <p>4. Quyết định thành lập tổ chuyên gia đáp ứng quy định tại Điều 19 của Luật này trong trường hợp không thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.</p> <p>5. Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu.</p>	<p>1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về hoạt động lựa chọn nhà thầu trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm được giao, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm.</p> <p>2. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và các nội dung khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy trình, thủ tục và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đấu thầu quy định tại Luật này.</p> <p>3. Được thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện công việc tư vấn trong hoạt động đấu thầu và chịu trách nhiệm trong việc kiểm soát chất lượng công việc tư vấn, bảo đảm không làm thay đổi trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định của Luật này.</p> <p>4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung</p>	<p>- Kế thừa trách nhiệm của người có thẩm quyền theo quy định hiện hành, đồng thời, phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động đấu thầu.</p> <p>- Lồng ghép trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư vào các quy định tương ứng của dự thảo Luật, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và khả thi trong thực hiện.</p>

<p>6. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu.</p> <p>7. Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.</p> <p>8. Lưu trữ thông tin liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Luật này.</p> <p>9. Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu hằng năm.</p> <p>10. Hủy thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 17 của Luật này.</p> <p>11. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.</p> <p>12. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về các nội dung sau:</p> <p>a) Việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;</p> <p>b) Việc chuẩn bị, tổ chức lựa chọn nhà thầu; ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu;</p> <p>c) Tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu.</p> <p>13. Thương thảo (nếu có) và hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu, quản lý thực hiện hợp đồng (nếu có); thương thảo (nếu có) và hoàn thiện thỏa thuận khung với nhà thầu, quản lý thực hiện thỏa thuận khung (nếu có) đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung.</p> <p>13a. Chấp thuận hoặc không chấp thuận việc điều chuyển khối lượng, phạm vi công việc của</p>	<p><i>thực, đầy đủ và kịp thời của thông tin thuộc trách nhiệm cung cấp, cập nhật, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</i></p> <p><i>5. Tổ chức quản lý, giám sát, kiểm soát việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu bảo đảm đúng phạm vi công việc, tiến độ, chất lượng và các nghĩa vụ đã cam kết; kiểm soát việc sử dụng nhà thầu phụ, điều chuyển khối lượng, thay đổi phạm vi công việc của nhà thầu phụ.</i></p> <p><i>6. Kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị, yêu cầu làm rõ của nhà thầu, bảo đảm khách quan, trung thực, tuân thủ quy trình, thủ tục theo quy định của Luật này; xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật của nhà thầu và các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</i></p> <p><i>7. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 46 của Luật này; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</i></p>	
--	---	--

<p>nhà thầu phụ cho tổ chức, đơn vị khác khi cần đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng gói thầu khi nhà thầu chính đề xuất.</p> <p>14. Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đấu thầu qua mạng.</p> <p>15. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của thông tin đã đăng ký, đăng tải lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi sử dụng chứng thư số của mình.</p> <p>16. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>		
Điều 79. Trách nhiệm của bên mời thầu	Điều 48. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của bên mời thầu trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
<p>1. <i>(được bãi bỏ)</i></p> <p>2. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Quyết định thành lập tổ chuyên gia;</p> <p>c) Yêu cầu nhà đầu tư làm rõ hồ sơ dự thầu trong quá trình đánh giá hồ sơ;</p> <p>d) Trình duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; phê duyệt hồ sơ mời thầu trong trường hợp được ủy quyền;</p>	<p>1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về hoạt động lựa chọn nhà đầu tư trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm được giao, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng, hiệu quả của dự án đầu tư kinh doanh.</p> <p>2. Tổ chức lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, kết quả mời quan tâm; tổ chức lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp được phân cấp và thực hiện nội</p>	<p>- Kế thừa trách nhiệm của người có thẩm quyền theo quy định hiện hành, đồng thời, phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động đấu thầu.</p> <p>- Lồng ghép trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư vào các quy định tương ứng của dự thảo Luật, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và khả thi trong thực hiện.</p>

<p>đ) Đàm phán hợp đồng với nhà đầu tư; ký kết và quản lý hợp đồng với nhà đầu tư trong trường hợp được ủy quyền;</p> <p>e) Hủy thầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Luật này;</p> <p>g) Bảo mật các thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>h) Lưu trữ các thông tin liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Luật này;</p> <p>i) Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>k) Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu hằng năm;</p> <p>k1) Cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;</p> <p>l) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền trong phạm vi công việc được giao theo quy định tại khoản này.</p> <p>3. Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đấu thầu qua mạng.</p> <p>4. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p><i>dung khác trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo quy trình, thủ tục và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đấu thầu quy định tại Luật này.</i></p> <p><i>3. Được thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện công việc tư vấn trong hoạt động đấu thầu và chịu trách nhiệm trong việc kiểm soát chất lượng công việc tư vấn, bảo đảm không làm thay đổi trách nhiệm của bên mời thầu theo quy định của Luật này.</i></p> <p><i>4. Tổ chức quản lý việc thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư bảo đảm đúng mục tiêu, đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng, hiệu quả dự án đầu tư kinh doanh và các nghĩa vụ đã cam kết.</i></p> <p><i>5. Kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị, yêu cầu làm rõ của nhà đầu tư, bảo đảm khách quan, trung thực, tuân thủ quy trình, thủ tục theo quy định của Luật này; xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật của nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</i></p> <p><i>6. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 46 và khoản 4 Điều 47 của Luật này; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</i></p>	
--	--	--

Điều 80. Trách nhiệm của tổ chuyên gia	Điều 49. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chuyên gia, tổ thẩm định	
<p>1a. Trung thực, khách quan trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>1. Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>2. Đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; đề xuất với chủ đầu tư, bên mời thầu phương án xử lý tình huống trong trường hợp phát sinh tình huống trong đấu thầu (nếu có).</p> <p>2a. Trình duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>3. Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</p> <p>4. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.</p> <p>5. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 81. Trách nhiệm của tổ thẩm định</p> <p>1. Hoạt động độc lập, khách quan khi tiến hành</p>	<p>1. Thực hiện nhiệm vụ độc lập, trung thực, công bằng, khách quan, tuân thủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về nội dung công việc được giao.</p> <p>2. Thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định chịu trách nhiệm về ý kiến đánh giá, thẩm định của mình, được bảo lưu ý kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về ý kiến bảo lưu.</p> <p>3. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 46 và khoản 4 Điều 47 của Luật này; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</p>	<p>- Phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động đấu thầu.</p> <p>- Lồng ghép trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư vào các quy định tương ứng của dự thảo Luật, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và khả thi trong thực hiện.</p>

<p>thẩm định.</p> <p>2. Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu, tổ chuyên gia cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan.</p> <p>3. Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình thẩm định.</p> <p>4. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.</p> <p>5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, người có thẩm quyền, chủ đầu tư về kết quả thẩm định và các công việc được giao theo quy định tại Điều này.</p> <p>6. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>		
<p>Điều 82. Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư</p>	<p>Điều 50. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư</p>	
<p>1. Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.</p> <p>2. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt</p>	<p><i>1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của thông tin, tài liệu cung cấp, kê khai, đăng ký, cập nhật, đăng tải trong quá trình tham dự thầu và thực hiện hợp đồng.</i></p>	<p>- Phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động đấu thầu.</p> <p>- Lồng ghép trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư vào các quy định tương ứng của dự thảo Luật, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và khả thi trong thực hiện.</p>

<p>động đấu thầu.</p> <p>3. Ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia còn có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin khi tham gia đấu thầu qua mạng;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>4. Thực hiện các nội dung theo hợp đồng đã ký kết.</p> <p>4a. Quản lý, kiểm soát khối lượng, phạm vi công việc của gói thầu do nhà thầu phụ thực hiện; báo cáo chủ đầu tư việc điều chuyển khối lượng công việc của nhà thầu phụ cho tổ chức, đơn vị khác khi cần đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng gói thầu.</p> <p>5. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>2. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh theo hợp đồng đã ký, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả và các nghĩa vụ đã cam kết; chủ động bố trí, huy động đầy đủ nguồn lực cần thiết để thực hiện hợp đồng.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về việc quản lý, kiểm soát khối lượng, phạm vi công việc của gói thầu do nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện.</p> <p>4. Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, giải trình và phối hợp với chủ đầu tư, bên mời thầu, người có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Được quyền phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện ra tòa án theo quy định của luật này và pháp luật có liên quan; không được lợi dụng quyền phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện ra tòa án để cản trở</p>	
--	--	--

	<p>hoạt động đấu thầu.</p> <p>6. Thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</p>	
<p>Điều 83. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu</p> <p>1. Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu.</p> <p>2. Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.</p> <p>3. Quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước.</p> <p>4. Giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trong đấu thầu và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.</p> <p>6. Hợp tác quốc tế về đấu thầu.</p> <p>Điều 84. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đấu thầu</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu trên phạm vi cả nước.</p> <p>2. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu và có quyền hạn, trách nhiệm sau</p>	<p>Điều 52. Nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với về hoạt động đấu thầu</p> <p>1. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu</p> <p>a) Ban hành và tổ chức thực hiện thi hành văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu.</p> <p>b) Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.</p> <p>c) Quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước.</p> <p>d) Giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị trong đấu thầu và xử lý vi phạm pháp luật về trong hoạt động đấu thầu theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>đ) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.</p> <p>e) Hợp tác quốc tế về đấu thầu.</p> <p>2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu</p> <p>a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu trên phạm vi cả nước;</p>	<p>- Không quy định cụ thể tên các Bộ, cơ quan ngang Bộ, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc không quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong luật, nghị quyết của Quốc hội.</p> <p>- Chỉ quy định nguyên tắc quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu, giao Chính phủ quy định chi tiết về vai trò của bộ, ngành, địa phương trong quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.</p>

<p>đây:</p> <p>a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu theo thẩm quyền;</p> <p>b) Xây dựng, quản lý Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và sản phẩm báo chí về đấu thầu để phục vụ hoạt động đấu thầu qua mạng, công khai thông tin về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy định của Luật này;</p> <p>c) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà đầu tư, nhà thầu, bao gồm kết quả thực hiện hợp đồng, chất lượng hàng hóa đã sử dụng theo quy định của Chính phủ;</p> <p>d) Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu cho người làm công tác đấu thầu; quy định về việc thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;</p> <p>đ) Kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu;</p> <p>e) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm khác về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 85. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>1. Thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý.</p> <p>2. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu cho cán bộ, công chức,</p>	<p>b) Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước <i>về hoạt động đấu thầu</i>.</p> <p><i>c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý.</i></p> <p>2. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu và có quyền hạn, trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu theo thẩm quyền;</p> <p>b) Xây dựng, quản lý Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và sản phẩm báo chí về đấu thầu để phục vụ hoạt động đấu thầu qua mạng, công khai thông tin về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy định của Luật này;</p> <p>c) Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà đầu tư, nhà thầu, bao gồm kết quả thực hiện hợp đồng, chất lượng hàng hóa đã sử dụng theo quy định của Chính phủ;</p> <p>d) Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu cho người làm công tác đấu thầu; quy định về việc thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;</p> <p>đ) Kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu;</p> <p>e) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm khác về</p>	
--	---	--

<p>viên chức làm công tác đấu thầu.</p> <p>3. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu.</p> <p>4. Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.</p> <p>5. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	
<p>Điều 86. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu</p> <p>1. Thanh tra hoạt động đấu thầu:</p> <p>a) Thanh tra hoạt động đấu thầu được tiến hành đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đấu thầu quy định tại Luật này;</p> <p>b) Tổ chức và hoạt động của thanh tra về đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.</p> <p>2. Kiểm tra hoạt động đấu thầu:</p> <p>a) Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quyết định của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra;</p> <p>b) Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện đối với một hoặc các hoạt động sau: việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu; tổ chức hoạt động đấu thầu;</p>	<p>Điều 55. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu</p> <p>1. Thanh tra hoạt động đấu thầu:</p> <p>a) Thanh tra hoạt động đấu thầu được tiến hành đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đấu thầu quy định tại Luật này;</p> <p>b) Tổ chức và hoạt động của Việc thanh tra hoạt động về đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.</p> <p>2. Kiểm tra hoạt động đấu thầu:</p> <p>a) Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quyết định của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra;</p> <p>b) Kiểm Căn cứ phạm vi, quy mô, tính chất của từng cuộc kiểm tra, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quyết định việc kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện đối</p>	<p>Hoạt động giám sát đấu thầu còn có sự chồng chéo về trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cơ quan, cá nhân có liên quan, chưa bảo đảm nguyên tắc “một nhiệm vụ chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính”. Đồng thời, cơ chế giám sát hiện nay chưa phát huy đầy đủ hiệu quả do thiếu cơ chế kết nối, đồng bộ hệ thống thông tin và chưa đẩy mạnh giám sát trên cơ sở dữ liệu.</p> <p>Do đó, dự thảo Luật hoàn thiện cơ chế giám sát theo hướng tăng cường giám sát thường xuyên dựa trên dữ liệu, thống kê, phân tích trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia nhằm kịp thời phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm; bổ sung cơ chế giám sát theo vụ việc, nội dung giám sát bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, giám sát theo kết quả đầu ra.</p>

<p>các hoạt động quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật này; các hoạt động khác liên quan đến hoạt động đấu thầu;</p> <p>c) Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện theo phương thức kiểm tra trực tiếp hoặc qua báo cáo bằng văn bản;</p> <p>d) Trình tự, thủ tục kiểm tra: chuẩn bị kiểm tra; tổ chức kiểm tra; kết luận kiểm tra; theo dõi thực hiện kết luận kiểm tra.</p> <p>3. Giám sát hoạt động đấu thầu:</p> <p>a) Người có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thực hiện công tác giám sát hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu nhằm bảo đảm quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư tuân thủ quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Hoạt động đấu thầu được giám sát bởi cộng đồng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức việc giám sát hoạt động đấu thầu của cộng đồng;</p> <p>c) Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với các gói thầu thuộc dự án, dự án đầu tư kinh doanh, dự toán mua sắm trên địa bàn, lĩnh vực quản lý, các hoạt động quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật này;</p> <p>d) Người có thẩm quyền thực hiện việc giám sát hoạt động đấu thầu đối với các dự án, dự án đầu tư kinh doanh, dự toán mua sắm thuộc</p>	<p>với một hoặc các hoạt động sau: việc ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu; tổ chức hoạt động đấu thầu; các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; các hoạt động khác liên quan đến hoạt động đấu thầu;</p> <p>c) Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện theo phương thức kiểm tra trực tiếp hoặc qua báo cáo bằng văn bản;</p> <p>d) Trình tự, thủ tục kiểm tra: chuẩn bị kiểm tra; tổ chức kiểm tra; kết luận kiểm tra; theo dõi thực hiện kết luận kiểm tra.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>Điều 56. Giám sát hoạt động đấu thầu</p> <p><i>1. Việc giám sát hoạt động đấu thầu nhằm phát hiện, cảnh báo, ngăn ngừa và xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động đấu thầu, bảo đảm nguyên tắc khách quan, minh bạch, kịp thời, đúng thẩm quyền, không làm cản trở hoạt động của chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan.</i></p> <p><i>2. Hoạt động giám sát đấu thầu được thực hiện theo các hình thức sau đây:</i></p> <p><i>a) Giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thông qua việc theo dõi dữ liệu, phân tích thống kê, đánh giá rủi ro, phát hiện dấu hiệu bất thường, cảnh báo và yêu cầu giải trình, rà soát, khắc phục, chấn chỉnh đối với</i></p>	
---	---	--

<p>phạm vi quản lý;</p> <p>đ) Giám sát hoạt động đấu thầu được thực hiện đối với một hoặc các nội dung sau: hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án; quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; gói thầu, dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu, chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; thực hiện công tác đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu; việc đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng, kết quả thực hiện gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh của nhà thầu, nhà đầu tư;</p> <p>e) Trình tự, thủ tục giám sát hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền: chuẩn bị giám sát; thực hiện giám sát; báo cáo kết quả giám sát.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p><i>chủ đầu tư, bên mời thầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan, trừ trường hợp gói thầu, dự án có thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>b) Giám sát hoạt động đấu thầu theo vụ việc được thực hiện trong trường hợp nhận được yêu cầu của cấp có thẩm quyền về một hoặc một số vấn đề cụ thể trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật trong hoạt động đấu thầu.</i></p> <p><i>3. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu, bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức giám sát hoạt động đấu thầu theo phạm vi quản lý.</i></p> <p><i>4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và pháp luật có liên quan.</i></p>	
<p>Điều 87. Xử lý vi phạm</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản</p>	<p>Điều 54. Xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản</p>	<p>Sửa đổi quy định về xử lý vi phạm theo hướng:</p> <p>- Chỉ quy định chế tài cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với tổ chức, cá nhân vi phạm; trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính, hình sự thì việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực mà không quy định tại Luật Đấu thầu để</p>

<p>1 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Luật này còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 05 năm.</p> <p>3. Thẩm quyền quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu được quy định như sau:</p> <p>a) Người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án, dự án đầu tư kinh doanh, dự toán mua sắm trong phạm vi quản lý của mình;</p> <p>b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương;</p> <p>c) Bộ trưởng Bộ Tài chính cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ và trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>4. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu phải được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời gửi đến Bộ Tài chính và phải đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 2, 3 và 4 Điều này.</p>	<p>1 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Luật này còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 05 năm. <i>áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây:</i></p> <p><i>a) Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 06 tháng đến 05 năm đối với hành vi bị cấm quy định tại Điều 15 của Luật này;</i></p> <p><i>b) Công khai thông tin vi phạm, đánh giá uy tín trong hoạt động đấu thầu;</i></p> <p><i>c) Khóa chức năng hoặc khóa tài khoản trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;</i></p> <p><i>d) Biện pháp xử lý khác.</i></p> <p>3. Thẩm quyền quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu được quy định như sau:</p> <p>a) Người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án, dự án đầu tư kinh doanh, dự toán mua sắm trong phạm vi quản lý của mình;</p> <p>b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương;</p> <p>e) Bộ trưởng Bộ Tài chính cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ và trên phạm vi toàn quốc.</p> <p>4. Quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu phải được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và</p>	<p>bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.</p> <p>- Phân định rõ thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu; theo đó, người có thẩm quyền quyết định cấm cá nhân thuộc chủ đầu tư, bên mời thầu; chủ đầu tư, bên mời thầu quyết định cấm nhà thầu.</p> <p>- Lược bỏ quy định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi toàn quốc để không hạn chế quá mức quyền tham gia hoạt động đấu thầu của nhà thầu, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, bình đẳng và khuyến khích cạnh tranh.</p>
---	--	---

	<p>cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời gửi đến Bộ Tài chính và phải đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p><i>a) Người có thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với cá nhân thuộc chủ đầu tư, bên mời thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 15 của Luật này;</i></p> <p><i>b) Chủ đầu tư, bên mời thầu cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 15 của Luật này tại gói thầu, dự án, dự toán mua sắm thuộc phạm vi quản lý;</i></p> <p><i>c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi của bộ, ngành, địa phương đối với nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 13 của Luật này.</i></p>	
Điều 88. Xử lý tình huống trong hoạt động đấu thầu	Điều 53. Xử lý tình huống trong hoạt động đấu thầu	
<p>1. Trường hợp phát sinh tình huống chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các nội dung khác trong hoạt động đấu thầu, người có thẩm quyền, chủ đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xử lý tình huống theo nguyên tắc bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách</p>	<p>1. Trường hợp phát sinh tình huống chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các nội dung khác trong hoạt động đấu thầu, người có thẩm quyền, chủ đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xử lý tình huống theo nguyên tắc bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách</p>	<p>Sửa đổi quy định về xử lý tình huống theo hướng:</p> <p>- Lược bỏ quy định chủ đầu tư chỉ được quyết định xử lý tình huống sau khi có ý kiến của người có thẩm quyền đối với các tình huống phức tạp nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của chủ đầu tư, đồng thời rút ngắn thời gian xử lý tình huống, bảo đảm tiến độ lựa chọn nhà thầu</p>

<p>nhiệm giải trình.</p> <p>2. Việc xử lý tình huống căn cứ vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời mua, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự mua, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; hợp đồng đã ký kết với nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn; tình hình thực tế triển khai thực hiện gói thầu, dự án, dự án đầu tư kinh doanh.</p> <p>3. Thẩm quyền xử lý tình huống trong đấu thầu được quy định như sau:</p> <p>a) Đối với lựa chọn nhà thầu, người quyết định xử lý tình huống là chủ đầu tư. Trong trường hợp phức tạp, chủ đầu tư quyết định xử lý tình huống sau khi có ý kiến của người có thẩm quyền;</p> <p>b) Đối với lựa chọn nhà đầu tư, người quyết định xử lý tình huống là người có thẩm quyền.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>nhiệm giải trình.</p> <p>1. Xử lý tình huống trong hoạt động đấu thầu là việc giải quyết trường hợp phát sinh trong đấu thầu chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hợp đồng và các nội dung khác trong hoạt động đấu thầu.</p> <p>2. Thẩm quyền xử lý tình huống trong đấu thầu được quy định như sau:</p> <p>a) Đối với lựa chọn nhà thầu, người quyết định xử lý tình huống là chủ đầu tư. Trong trường hợp phức tạp, chủ đầu tư quyết định xử lý tình huống sau khi có ý kiến của người có thẩm quyền;</p> <p>b) Đối với lựa chọn nhà đầu tư, người quyết định xử lý tình huống là người có thẩm quyền.</p> <p>2. Việc xử lý tình huống căn cứ vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời mua, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự mua, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; hợp đồng đã ký kết với nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn; tình hình thực tế triển khai thực hiện gói thầu, dự án, dự án đầu tư kinh doanh và các nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Luật này.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>3. Thẩm quyền xử lý tình huống trong hoạt</p>	<p>và thực hiện dự án.</p> <p>- Bổ sung quy định việc xử lý tình huống phải tuân thủ nguyên tắc trong hoạt động đấu thầu tại Luật này để tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ, đồng bộ trong quá trình xử lý tình huống.</p> <p>- Chính lý một số nội dung kỹ thuật để bảo đảm tính đồng bộ của dự thảo Luật.</p>
---	--	---

	<p><i>động thầu được quy định như sau:</i></p> <p><i>a) Đối với lựa chọn nhà thầu, người quyết định xử lý tình huống là chủ đầu tư;</i></p> <p><i>b) Đối với lựa chọn nhà đầu tư, người quyết định xử lý tình huống là người có thẩm quyền hoặc bên mời thầu trong trường hợp được phân cấp thực hiện các công việc trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.</i></p>	
Điều 89. Giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu	Điều 57. Giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu	
<p>1. Khi thấy quyền, lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.</p> <p>2. Nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức chỉ được xem xét, giải quyết kiến nghị khi chưa gửi đơn khiếu nại, tố cáo, khởi kiện. Trường hợp đang trong quá trình giải quyết kiến nghị mà nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức khởi kiện, khiếu nại, tố cáo thì việc giải quyết kiến nghị được chấm dứt ngay.</p> <p>3. Nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức có quyền rút đơn kiến nghị trong quá trình giải quyết kiến nghị.</p> <p>4. Đối với kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, việc giải quyết kiến nghị do chủ đầu tư, bên</p>	<p>1. Khi thấy quyền, lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, Hội đồng giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu, <i>kết quả lựa chọn</i> nhà đầu tư.</p> <p><i>2. Việc giải quyết kiến nghị phải bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, không làm ảnh hưởng đến quá trình ký kết, thực hiện hợp đồng với nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm dừng theo quy định của pháp luật.</i></p>	<p>Chỉ giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thông qua chủ đầu tư, bên mời thầu hoặc Hội đồng giải quyết kiến nghị, không giải quyết thông qua người có thẩm quyền; thay thế cơ chế giải quyết kiến nghị hồ sơ mời thầu bằng cơ chế làm rõ, tăng cường cảnh báo, giám sát và xử lý vi phạm thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để rút ngắn thời gian, giảm áp lực cho chủ đầu tư, bên mời thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Nội dung sửa đổi nhằm khắc phục vướng mắc thực tiễn khi một số nhà thầu, nhà đầu tư lợi dụng kiến nghị làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện lựa chọn, dẫn đến trong một số trường hợp chủ đầu tư phải tạm dừng quá trình lựa chọn nhà thầu để chờ kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị hoặc người có thẩm quyền kéo dài thời gian ký kết, thực hiện hợp đồng.</p>

<p>mời thầu, Hội đồng giải quyết kiến nghị thực hiện.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện xem xét giải quyết kiến nghị, quy trình giải quyết kiến nghị; thành phần, trách nhiệm và hoạt động của Hội đồng giải quyết kiến nghị.</p>		
Điều 94. Quyền khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	Điều 58. Quyền khởi kiện và yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	
<p>1. Việc khởi kiện ra Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.</p> <p>2. Khi nộp đơn khởi kiện hoặc trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, các bên có quyền yêu cầu Tòa án tạm dừng việc đóng thầu; phê duyệt danh sách ngân; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; ký kết hợp đồng; thực hiện hợp đồng và các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Việc khởi kiện ra Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.</p> <p>2. Khi nộp đơn khởi kiện hoặc trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, các bên có quyền yêu cầu Tòa án tạm dừng việc đóng thầu; phê duyệt danh sách ngân; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; ký kết, hợp đồng; thực hiện hợp đồng và thực hiện các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Chính lý kỹ thuật để đồng bộ với dự thảo Luật về lược bỏ một số bước trung gian như sơ tuyển.</p>
	Điều 59. Điều khoản thi hành	
	<p>1. Chính phủ quy định chi tiết các Điều 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 18, 19, các khoản 4, 6, 7 và 10 Điều 20, Điều 24, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 39, 41, 42, 43, 44, 45, 52, 53, 54, 55, 56, 57 và khoản 3 Điều 60 của Luật này.</p> <p>2. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2027.</p> <p>3. Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật</p>	<p>- Bổ sung quy định về việc giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật thay vì quy định tại từng điều, khoản cụ thể, làm cơ sở xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện.</p> <p>- Qua 03 năm triển khai thực hiện, Bộ Tài chính nhận thấy mô hình mới (lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật) đã phát huy hiệu quả trên thực tế, đến nay có tổng số 76 gói thầu,</p>

	<p>An ninh mạng số 116/2025/QH15, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại Điều 60 của Luật này.</p> <p>4. Hợp đồng được ký kết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này được thực hiện trong thời hạn quy định tại hợp đồng nhưng không quá 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.</p>	<p>khoảng 750 tỷ đồng. Do vậy, dự thảo Luật tiếp tục quy định cách thức lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật và giới hạn thời hạn áp dụng cách thức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 là 02 năm nhằm thúc đẩy áp dụng rộng rãi hình thức mới, phát huy các ưu điểm về hiệu quả kinh tế, cạnh tranh và minh bạch trong lựa chọn nhà thầu.</p>
	Điều 60. Quy định chuyển tiếp	
	<p>1. Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, chủ đầu tư được điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt để thực hiện theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Các gói thầu đã phê duyệt và phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.</p> <p>3. Dự án đầu tư kinh doanh có hồ sơ mời quan</p>	<p>Bổ sung các quy định chuyển tiếp nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, không có khoảng trống pháp lý khi luật này có hiệu lực thi hành.</p> <p>- Qua 03 năm triển khai thực hiện, Bộ Tài chính nhận thấy mô hình mới (lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật) đã phát huy hiệu quả trên thực tế, đến nay có tổng số 76 gói thầu, khoảng 750 tỷ đồng. Do vậy, dự thảo Luật tiếp tục quy định cách thức lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật và giới hạn thời hạn áp dụng cách thức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 là 02 năm nhằm thúc đẩy áp dụng rộng rãi hình thức mới, phát huy các ưu điểm về hiệu quả kinh tế, cạnh tranh và minh bạch trong lựa chọn nhà thầu.</p>

	<p>tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phát hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức mời quan tâm, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.</p> <p>4. Hợp đồng mà nhà thầu trúng thầu vật tư, hóa chất có trách nhiệm cung cấp trang thiết bị y tế để sử dụng vật tư, hóa chất đó được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện trong thời hạn quy định tại hợp đồng nhưng không quá 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.</p>	
--	--	--